



TRẦN DIÊN HIỂN (Chủ biên)
NGUYỄN ĐÌNH KHUÊ – ĐÀO THÁI LAI – NGUYỄN THỊ KIỀU OANH
PHẠM THANH TÂM – NGUYỄN THUYẾT VÂN

TOÁN 5

TẬP MỘT

BINH MINH

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC VINH

Sách giáo khoa được thẩm định bởi Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa lớp 5
(theo Quyết định số 1963/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 07 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Giải thích kí hiệu



Em khám phá kiến thức mới



Em thực hành, luyện tập,
củng cố kiến thức



Em vận dụng kiến thức để
giải toán và giải quyết các
vấn đề trong cuộc sống

Giải thích câu lệnh

Kí hiệu	Yêu cầu thực hiện
$\langle, \rangle, =$?	Chọn dấu \langle, \rangle hoặc $=$ thích hợp thay cho dấu ?
Số ?	Tìm số thích hợp thay cho dấu ?
Đ – S ?	Chọn Đ (đúng) hoặc S (sai) thay cho dấu ?

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh lớp 5 thân mến!

Chúc mừng các em đã hoàn thành năm học lớp 4 với những kỉ niệm thật đáng nhớ!

Trên tay các em là cuốn sách **Toán 5, tập một**.

Cuốn sách sẽ giúp các em biết số thập phân cùng các phép tính về số thập phân. Các em sẽ được học cách vận dụng các phép tính để giải một số dạng toán mới: toán về tìm hai số khi biết tổng (hoặc hiệu) và tỉ số của hai số đó, toán về tỉ số phần trăm và tỉ lệ bản đồ. Cũng trong học kì này, các em sẽ được học cách tính diện tích hình tam giác, diện tích hình thang, chu vi và diện tích hình tròn.

Thông qua các hoạt động **Trải nghiệm, Khám phá, Thực hành, Vận dụng** các em từng bước phát hiện những kiến thức mới, rèn luyện kĩ năng, phát triển phẩm chất, năng lực và vận dụng để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

Hi vọng cuốn sách sẽ là người bạn đồng hành thân thiết với các em tiếp bước trên chặng đường mới khám phá Toán học trong thế giới tri thức của loài người.

Chúc các em học thật vui, hào hứng với các hoạt động cùng các thầy, cô giáo và các bạn.

Các tác giả

MỤC LỤC

Hướng dẫn sử dụng sách.....	2	22. Luyện tập chung.....	29
Lời nói đầu.....	3	23. Ôn tập chủ đề 1.....	30
Chủ đề 1. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG.....	6	Chủ đề 2. SỐ THẬP PHÂN.....	31
1. Ôn tập về số tự nhiên.....	6	24. Số thập phân.....	31
2. Ôn tập về các phép tính với số tự nhiên.....	7	25. Số thập phân (tiếp theo).....	33
3. Ôn tập về các phép tính với số tự nhiên (tiếp theo).....	8	26. Luyện tập.....	35
4. Ôn tập về ước lượng và làm tròn số...9		27. Hàng của số thập phân.....	36
5. Ôn tập về phân số.....	10	28. Luyện tập.....	37
6. Ôn tập về phân số (tiếp theo).....	11	29. Số thập phân bằng nhau.....	38
7. Ôn tập về cộng, trừ phân số.....	12	30. Luyện tập.....	40
8. Ôn tập về nhân, chia phân số.....	13	31. Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân.....	41
9. Phân số thập phân.....	14	32. Luyện tập.....	43
10. Hỗn số.....	15	33. Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân (tiếp theo).....	44
11. Quy đồng mẫu số các phân số.....	16	34. Luyện tập.....	45
12. Luyện tập.....	17	35. Luyện tập chung.....	46
13. Phép cộng phân số.....	18	36. So sánh hai số thập phân.....	47
14. Luyện tập.....	19	37. Luyện tập.....	49
15. Phép trừ phân số.....	20	38. Làm tròn số thập phân.....	50
16. Luyện tập.....	21	39. Luyện tập.....	52
17. Làm quen với tỉ số.....	22	40. Ôn tập chủ đề 2.....	53
18. Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.....	23	Chủ đề 3. CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ THẬP PHÂN.....	54
19. Luyện tập.....	25	41. Phép cộng số thập phân.....	54
20. Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.....	26	42. Luyện tập.....	56
21. Luyện tập.....	28	43. Luyện tập.....	57
		44. Trừ hai số thập phân.....	58

45. Luyện tập.....	59	67. Đường cao của hình tam giác.....	83
46. Luyện tập chung.....	60	68. Thực hành - Trải nghiệm: CHÚNG EM TẠO HÌNH	85
47. Nhân số thập phân với số tự nhiên...	61	69. Diện tích hình tam giác.....	87
48. Nhân số thập phân với số thập phân...	62	70. Luyện tập.....	89
49. Luyện tập.....	63	71. Hình thang.....	90
50. Nhân nhẩm một số thập phân với 10; 100; 1 000;... ..	64	72. Diện tích hình thang.....	92
51. Nhân nhẩm một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001;... ..	65	73. Luyện tập.....	94
52. Luyện tập.....	66	74. Luyện tập chung.....	95
53. Luyện tập chung.....	67	75. Đường tròn, Thực hành vẽ đường tròn.....	96
54. Chia một số thập phân cho một số tự nhiên.....	68	76. Thực hành - Trải nghiệm: VỀ TRANG TRÍ HÌNH TRÒN	98
55. Chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên có thương là số thập phân...	69	77. Chu vi hình tròn.....	100
56. Luyện tập.....	71	78. Luyện tập.....	102
57. Chia số tự nhiên cho số thập phân...	72	79. Diện tích hình tròn.....	103
58. Chia số thập phân cho số thập phân...	73	80. Luyện tập.....	105
59. Luyện tập.....	74	81. Luyện tập chung.....	106
60. Chia nhẩm một số thập phân cho 10; 100; 1 000;... ..	75	82. Ôn tập chủ đề 4.....	107
61. Chia nhẩm một số thập phân cho 0,1; 0,01; 0,001;... ..	76	83. Ôn tập về phân số.....	108
62. Luyện tập.....	77	84. Ôn tập về số thập phân.....	109
63. Luyện tập chung.....	78	85. Ôn tập về so sánh số thập phân.....	110
64. Luyện tập chung.....	79	86. Ôn tập về các phép tính với số thập phân.....	111
65. Ôn tập chủ đề 3.....	80	87. Ôn tập về các phép tính với số thập phân (tiếp theo).....	112
Chủ đề 4. HÌNH HỌC	81	88. Ôn tập về hình học.....	113
66. Tam giác vuông. Tam giác tù. Tam giác nhọn. Tam giác đều.....	81	Bảng tra cứu từ ngữ.....	115

1. ÔN TẬP VỀ SỐ TỰ NHIÊN

1. Hoàn thành bảng sau (theo mẫu):

Đọc số	Viết số	Số gồm có
Tám triệu ba trăm linh tứ nghìn hai trăm sáu mươi lăm	8 304 265	8 triệu, 3 trăm nghìn, 4 nghìn, 2 trăm, 6 chục, 5 đơn vị
Chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn tám trăm chín mươi	?	?
?	?	5 triệu, 7 trăm nghìn, 5 nghìn, 6 trăm, 8 chục, 1 đơn vị
?	1 356 078	?

2. Cho số 28 360 058:

- a) Nêu các chữ số thuộc lớp đơn vị, lớp nghìn, lớp triệu.
- b) Mỗi chữ số 8 trong số đã cho thuộc hàng nào và có giá trị là bao nhiêu?

3. a) Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

452 678 ; 425 678 ; 92 768 ; 425 786

b) Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé:

10 101 ; 10 001 ; 10 110 ; 11 011

4. Dưới đây là bảng số liệu thống kê dân số một số tỉnh, thành phố tính đến ngày 01-4-2019.

Tỉnh, thành phố	Dân số (người)
Hải Phòng	2 028 514
Hà Nội	8 053 663
Ninh Thuận	590 467
Thành phố Hồ Chí Minh	8 993 082

Dựa vào bảng, hãy cho biết: Số dân của tỉnh, thành phố nào nhiều nhất? số dân của tỉnh, thành phố nào ít nhất?

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

2. ÔN TẬP VỀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN

 1. Tính nhẩm:



$$35\,405 \times 100$$

$$23\,021 \times 10$$

$$6\,235 \times 1\,000$$



$$85\,000 : 1\,000$$

$$756\,000 : 100$$

$$500\,270 : 10$$

2. Đặt tính rồi tính:

a) $1\,637 + 12\,456$

b) $740\,861 - 57\,438$

c) $1\,568 \times 24$

d) $9\,900 : 36$

3. Tính giá trị biểu thức:



a) $32\,876 + 35\,460 : 6$



b) $20\,536 - 1\,028 \times 16$

 4. Một phân xưởng trong tháng Sáu sản xuất được 172 800 chiếc bút bi. Số bút bi trên được xếp vào các hộp, mỗi hộp 12 chiếc. Hỏi trung bình mỗi ngày phân xưởng đó sản xuất được bao nhiêu hộp bút bi? Biết rằng phân xưởng làm việc tất cả các ngày trong tháng.



3. ÔN TẬP VỀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN (tiếp theo)

 1. Tìm số thích hợp thay cho dấu $\boxed{?}$:

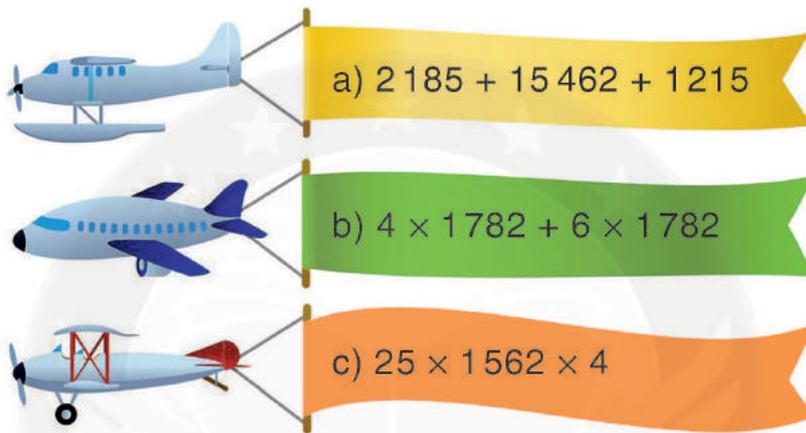
a) $\boxed{?} - 1457 = 63529$

b) $24 \times \boxed{?} = 19344$

c) $97873 - \boxed{?} = 89028$

d) $\boxed{?} : 43 = 88064$

2. Tính bằng cách thuận tiện:



a) $2185 + 15462 + 1215$

b) $4 \times 1782 + 6 \times 1782$

c) $25 \times 1562 \times 4$

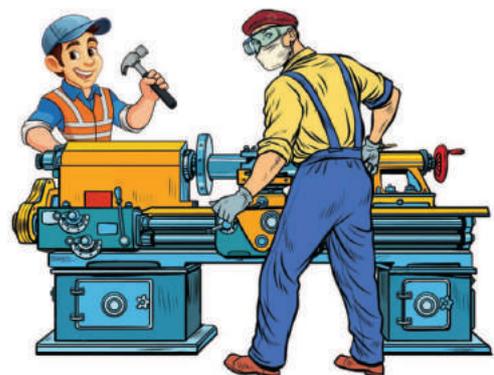
3. $\boxed{<, >, =}$?

a) $14683 + 5274 \boxed{?} 19957$

b) $19832 : 37 + 19264 \boxed{?} 20145$

c) $49564 - 4856 \boxed{?} 35678 + 7192$

 4. Hai chú thợ làm được 2190 sản phẩm. Chú thợ thứ nhất làm được ít hơn chú thợ thứ hai là 364 sản phẩm. Hỏi mỗi chú thợ làm được bao nhiêu sản phẩm?



4. ÔN TẬP VỀ ƯỚC LƯỢNG VÀ LÀM TRÒN SỐ

1. Số ?

a) Làm tròn số 264 452:

– Đến hàng chục nghìn ta được số

– Đến hàng trăm nghìn ta được số

b) Làm tròn số 725 970:

– Đến hàng chục nghìn ta được số

– Đến hàng trăm nghìn ta được số



2. Số ?

Làm tròn số 25 528 395:

a) Đến hàng nghìn ta được số

b) Đến hàng chục nghìn ta được số

c) Đến hàng trăm nghìn ta được số



3. Số ?

Dự kiến năm học 2021 – 2022, Thành phố Hồ Chí Minh có tổng cộng 2 392 trường học. Làm tròn số đến hàng nghìn, ta được: Năm học 2021 – 2022 toàn thành phố có khoảng trường học.

(Nguồn: tuoitre.vn ngày 24/08/2021)

4. Mẹ và Hoa đi chợ mua 10 kg gạo tẻ và 5 kg bột mì. Cô bán hàng đã tính tiền hết 415 000 đồng, Hoa nhầm tính rồi nói với mẹ: “Cô tính sai rồi mẹ ạ!”. Hỏi Hoa đã nói đúng hay sai? Tại sao?



5. Trong kho có 40 công-ten-nơ hàng hoá, trung bình mỗi công-ten-nơ nặng 5 200 kg. Em ước lượng rồi cho biết một tàu thủy có trọng tải 200 tấn có thể chở hết số công-ten-nơ trên trong một chuyến hay không? Tại sao?

5. ÔN TẬP VỀ PHÂN SỐ

 1. Hoàn thành bảng sau (theo mẫu):

Viết	Đọc	Tử số	Mẫu số
$\frac{3}{5}$	Ba phần năm	3	5
$\frac{4}{8}$?	?	?
?	?	2	4
?	?	1	3
?	Sáu phần chín	?	?

2. Mỗi phân số sau ứng với vạch nào trên tia số?

$$\frac{2}{4}$$

$$\frac{1}{4}$$

$$\frac{5}{4}$$

$$\frac{9}{4}$$



3. Tìm 3 phân số bằng mỗi số dưới đây:



a) $\frac{2}{3}$



b) $\frac{12}{15}$

c) 1



 4. Số ?

Chia đều tất cả nước trong can A vào các bình nhỏ như hình bên.

Mỗi bình nhỏ sẽ có $\frac{\boxed{?}}{\boxed{?}}$ l nước.



A



6. ÔN TẬP VỀ PHÂN SỐ (tiếp theo)



1. Quy đồng mẫu số của các phân số sau:



a) $\frac{6}{5}$ và $\frac{12}{30}$



b) $\frac{5}{8}$ và $\frac{7}{16}$



c) $\frac{3}{4}$; $\frac{5}{12}$ và $\frac{7}{6}$

2. Rút gọn các phân số sau để được phân số tối giản:

$$\frac{20}{25}$$

$$\frac{24}{36}$$

$$\frac{35}{14}$$

$$\frac{36}{64}$$

3. $<$, $>$, $=$?



a) $\frac{3}{5}$ $\frac{7}{5}$



b) $\frac{5}{6}$ $\frac{15}{24}$



c) $\frac{6}{18} \text{ m}^2$ $\frac{4}{9} \text{ m}^2$



d) $\frac{14}{7}$ tấn 2 tấn

4. Viết các phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

$$\frac{3}{6}$$

$$\frac{8}{24}$$

$$\frac{7}{6}$$

$$\frac{32}{24}$$



5. Trong dịp tết Trung thu, mỗi bạn An, Cường, Hoa đều được tặng một cái bánh như nhau. An ăn hết $\frac{2}{3}$ cái bánh, Cường ăn hết $\frac{3}{4}$ cái bánh còn Hoa ăn hết $\frac{8}{12}$ cái bánh. Hỏi bạn nào ăn nhiều bánh nhất?

7. ÔN TẬP VỀ CỘNG, TRỪ PHÂN SỐ

 1. Tính:



$$\text{a) } \frac{5}{2} + \frac{3}{4}$$

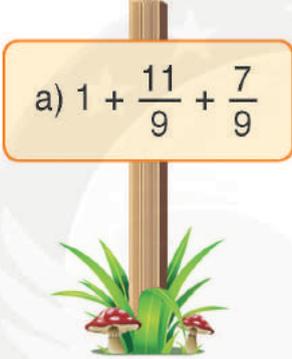


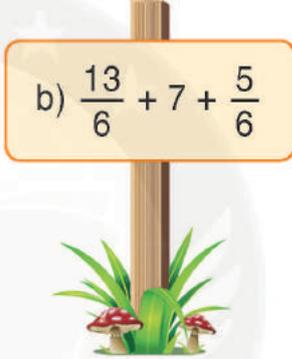
$$\text{b) } \frac{5}{3} - \frac{7}{9}$$



$$\text{c) } \frac{3}{4} + \frac{7}{12} - \frac{2}{3}$$

2. Tính bằng cách thuận tiện:


$$\text{a) } 1 + \frac{11}{9} + \frac{7}{9}$$


$$\text{b) } \frac{13}{6} + 7 + \frac{5}{6}$$

3. Tìm phân số thích hợp thay cho dấu $\boxed{?}$:



$$\text{a) } \frac{11}{12} + \boxed{?} = \frac{19}{12}$$



$$\text{b) } \boxed{?} - \frac{5}{8} = \frac{9}{4}$$



$$\text{c) } \frac{7}{3} - \boxed{?} = \frac{17}{9}$$

 4. Tham gia “Hội khoẻ Phù Đổng”, lớp 5A có $\frac{1}{4}$ số học sinh thi môn bóng rổ và $\frac{3}{8}$ số học sinh thi môn cờ vua, số học sinh còn lại thi môn cầu lông. Hỏi số học sinh thi môn cầu lông bằng bao nhiêu phần số học sinh của lớp 5A? Biết rằng mỗi học sinh chỉ tham gia một môn thể thao.

8. ÔN TẬP VỀ NHÂN, CHIA PHÂN SỐ

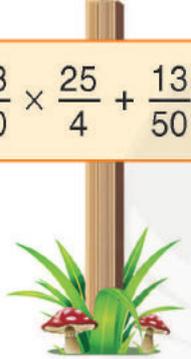
 1. Tính:


a) $\frac{7}{12} \times \frac{11}{3}$

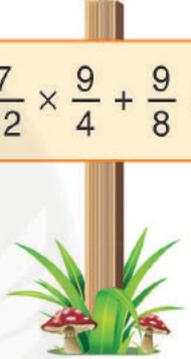

b) $\frac{9}{4} : \frac{3}{5}$


c) $\frac{8}{3} \times \frac{5}{4} : \frac{15}{10}$

2. Tính bằng cách thuận tiện:


a) $\frac{13}{50} \times \frac{25}{4} + \frac{13}{50} \times \frac{75}{4}$


b) $\frac{4}{9} \times \frac{6}{13} \times \frac{9}{2}$


c) $\frac{7}{12} \times \frac{9}{4} + \frac{9}{8} \times \frac{7}{12}$

3. Tìm phân số thích hợp thay cho dấu \square :


a) $\frac{7}{10} \times \square = \frac{21}{20}$


b) $\square : \frac{12}{5} = 4$


c) $\frac{15}{6} : \square = \frac{10}{3}$

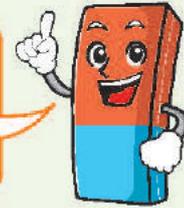
 4. Một lô hàng rô-bốt lau nhà được nhập về cửa hàng. Ngày thứ nhất của hàng nhập $\frac{2}{9}$ lô hàng, ngày thứ hai nhập gấp đôi lượng hàng nhập ngày thứ nhất. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng nhập được mấy phần lô hàng đó?

9. PHÂN SỐ THẬP PHÂN



Đọc các phân số sau:
 $\frac{7}{10}$; $\frac{2}{9}$; $\frac{109}{100}$; $\frac{13}{1000}$; $\frac{30}{125}$.

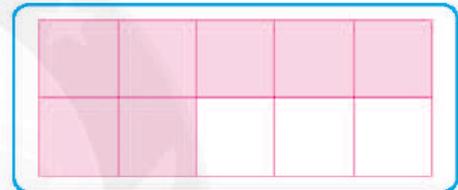
Các phân số
 $\frac{7}{10}$; $\frac{109}{100}$; $\frac{13}{1000}$
 gọi là phân số gì nhỉ?



Các phân số: $\frac{7}{10}$; $\frac{109}{100}$; $\frac{13}{1000}$; ... có mẫu số là 10; 100; 1000; ... gọi là các *phân số thập phân*.



1. Chọn phân số thập phân chỉ số phần đã tô màu trong mỗi hình dưới đây:

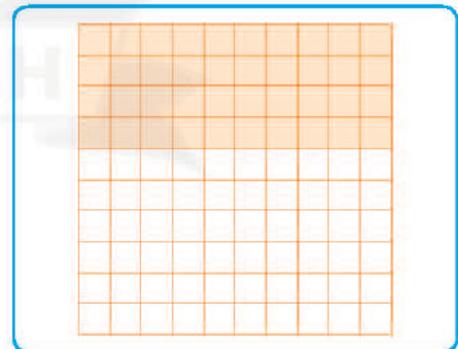
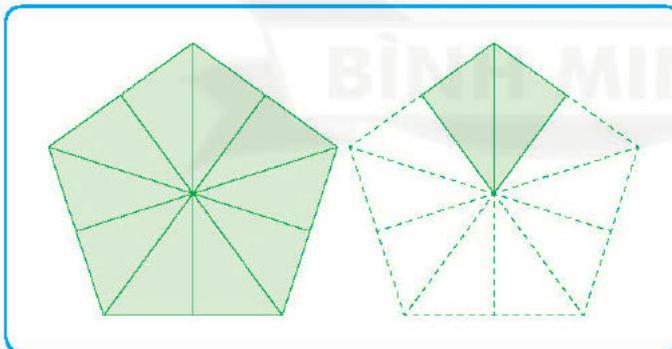


$$\frac{7}{10}$$

$$\frac{40}{100}$$

$$\frac{3}{10}$$

$$\frac{12}{10}$$



2. Phân số nào dưới đây là phân số thập phân?

$$\frac{7}{8}; \frac{29}{10}; \frac{100}{68}; \frac{85}{100}; \frac{23}{2000}; \frac{347}{1000}$$



3. Viết hai phân số thập phân bé hơn 1 và hai phân số thập phân lớn hơn 1.

10. HỖN SỐ



a) Hỗn số

Đã tô màu 2 hình vuông và $\frac{6}{10}$ hình vuông.



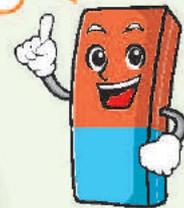
2 hình vuông và $\frac{6}{10}$ hình vuông được viết là $2\frac{6}{10}$ hình vuông.

$2\frac{6}{10}$ gọi là **hỗn số** và đọc là: *hai và sáu phần mười*.

Hỗn số $2\frac{6}{10}$ có phần nguyên là 2; phần phân số là $\frac{6}{10}$.



Phần phân số của hỗn số bao giờ cũng bé hơn 1.



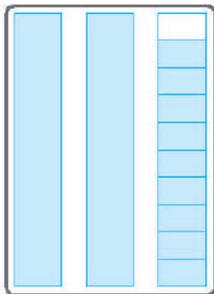
b) Hỗn số và phân số thập phân

Ta có: $2\frac{6}{10} = 2 + \frac{6}{10} = \frac{2 \times 10 + 6}{10} = \frac{26}{10}$.

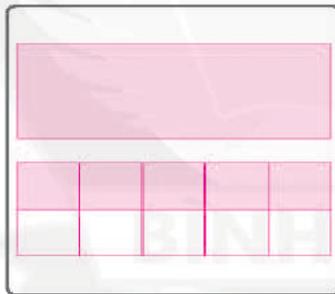
Vậy: $2\frac{6}{10} = \frac{26}{10}$; $\frac{26}{10} = 2\frac{6}{10}$.



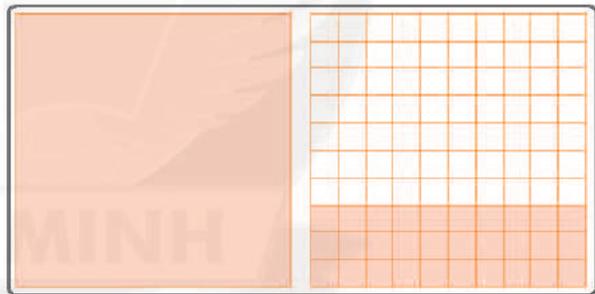
1. Tìm hỗn số chỉ phần tô màu trong mỗi hình dưới đây:



$?\frac{?}{?}$

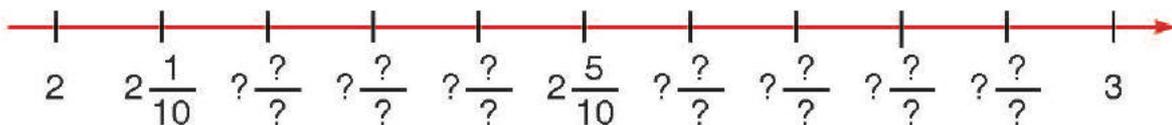


$?\frac{?}{?}$



$?\frac{?}{?}$

2. Viết hỗn số thích hợp dưới mỗi vạch của tia số:



3. Viết các phân số thập phân thành hỗn số:

Mẫu: $\frac{63}{10} = ?$

Ta có: $63 : 10 = 6$ (dư 3)

$\frac{63}{10} = 6\frac{3}{10}$

a) $\frac{27}{10}$;

b) $\frac{207}{100}$;

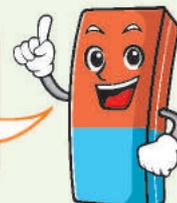
c) $\frac{1325}{1000}$.

11. QUY ĐỒNG MẪU SỐ CÁC PHÂN SỐ



Ta đã biết quy đồng mẫu số hai phân số khi mẫu số lớn chia hết cho mẫu số nhỏ.

Khi mẫu số lớn không chia hết cho mẫu số nhỏ thì ta quy đồng thế nào nhỉ?



Ví dụ: Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{3}{4}$ và $\frac{5}{7}$.

Ta thấy: 7 không chia hết cho 4.

- Chọn mẫu số chung: $4 \times 7 = 28$;
- $\frac{3}{4} = \frac{3 \times 7}{4 \times 7} = \frac{21}{28}$; $\frac{5}{7} = \frac{5 \times 4}{7 \times 4} = \frac{20}{28}$.

Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{3}{4}$ và $\frac{5}{7}$ ta được $\frac{21}{28}$ và $\frac{20}{28}$.

Khi quy đồng mẫu số của hai phân số mà mẫu số này không chia hết cho mẫu số kia, ta có thể làm như sau:

- Chọn mẫu số chung là tích của hai mẫu số đã cho;
- Nhân cả tử số và mẫu số của phân số thứ nhất với mẫu số của phân số thứ hai;
- Nhân cả tử số và mẫu số của phân số thứ hai với mẫu số của phân số thứ nhất.

Ta nhận được hai phân số có cùng mẫu số.



1. Quy đồng mẫu số các phân số sau:

a) $\frac{1}{2}$ và $\frac{3}{5}$



b) $\frac{5}{12}$ và $\frac{8}{7}$



c) $\frac{5}{4}$ và $\frac{2}{9}$

2. Quy đồng mẫu số hai phân số sau:

Mẫu: $\frac{1}{6}$ và $\frac{4}{9}$.

Ta nhận xét 6 và 9 cùng chia hết cho 3.

Mẫu số chung: $(6 : 3) \times 9 = 18$

Quy đồng hai phân số đã cho, ta được: $\frac{3}{18}$ và $\frac{8}{18}$.

a) $\frac{3}{8}$ và $\frac{5}{6}$

b) $\frac{3}{14}$ và $\frac{5}{21}$



3. Trong kho của công ty sản xuất đồ chơi điện tử công nghệ cao có $\frac{2}{3}$ số sản phẩm là đĩa bay tô-sy, $\frac{2}{7}$ số sản phẩm là rô-bốt. Hỏi số sản phẩm loại nào nhiều hơn?



12. LUYỆN TẬP

-  1. Quy đồng mẫu số các phân số sau:



a) $\frac{5}{9}$ và $\frac{1}{3}$



b) $\frac{5}{7}$ và $\frac{11}{9}$



c) $\frac{11}{10}$ và $\frac{7}{12}$

2. $<, >, =$?



a) $\frac{2}{3}$ $\frac{3}{5}$



b) $\frac{7}{12}$ $\frac{5}{8}$



c) $\frac{1}{3}$ $\frac{8}{24}$

3. Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:



a) $\frac{3}{18}$; $\frac{5}{2}$ và $\frac{2}{3}$



b) $\frac{7}{12}$; $\frac{5}{4}$ và $\frac{5}{3}$

-  4. Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Vù A Dính có $\frac{3}{10}$ số học sinh là người dân tộc H'Mông, $\frac{1}{2}$ số học sinh là người dân tộc Thái và $\frac{1}{5}$ số học sinh là người dân tộc Dao. Hỏi trường đó có số học sinh là người dân tộc nào nhiều nhất?

13. PHÉP CỘNG PHÂN SỐ



Tớ lấy $\frac{1}{2}$ cái bánh.

$$\frac{1}{2}$$



$$\frac{1}{3}$$

Tớ lấy $\frac{1}{3}$ cái bánh.



Cả hai bạn lấy bao nhiêu phần cái bánh?

Tính tổng $\frac{1}{2} + \frac{1}{3} = ?$

Ta đưa phép cộng $\frac{1}{2} + \frac{1}{3}$ về phép cộng hai phân số có cùng mẫu số.

• Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{1}{2}$ và $\frac{1}{3}$, ta được các phân số $\frac{3}{6}$ và $\frac{2}{6}$.

• Cộng hai phân số: $\frac{1}{2} + \frac{1}{3} = \frac{3}{6} + \frac{2}{6} = \frac{5}{6}$.



Cả hai bạn lấy $\frac{5}{6}$ cái bánh.

Muốn cộng hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số hai phân số đó, rồi cộng hai phân số đã quy đồng.



1. Tính:



a) $\frac{1}{2} + \frac{2}{3}$



b) $\frac{3}{4} + \frac{2}{3}$



c) $\frac{3}{5} + \frac{3}{7}$

2. $<, >, =$?

a) $\frac{1}{2} \text{ m} + \frac{4}{5} \text{ m} \boxed{?} \frac{9}{10} \text{ m}$

b) $\frac{1}{4} \text{ kg} + \frac{2}{7} \text{ kg} \boxed{?} 1 \text{ kg}$

c) $\frac{2}{3} \text{ l} + \frac{3}{4} \text{ l} \boxed{?} \frac{17}{12} \text{ l}$



3. Một ô tô chạy từ A đến B, giờ đầu chạy được $\frac{3}{7}$ quãng đường, giờ thứ hai chạy được $\frac{1}{2}$ quãng đường. Hỏi sau hai giờ, ô tô chạy được bao nhiêu phần của quãng đường?

14. LUYỆN TẬP

 1. Tính:


a) $\frac{5}{8} + \frac{3}{5}$


b) $\frac{2}{5} + \frac{2}{7}$


c) $\frac{1}{5} + \frac{2}{3}$

2. Rút gọn rồi tính:


a) $\frac{4}{8} + \frac{5}{7}$


b) $\frac{3}{4} + \frac{15}{25}$


c) $\frac{6}{8} + \frac{6}{21}$

3. Chọn kết quả đúng cho mỗi phép tính sau:


 $\frac{4}{5} + \frac{1}{3}$


 $\frac{1}{4} + \frac{1}{5}$


 $\frac{4}{7} + \frac{3}{9}$


 $\frac{2}{18} + \frac{5}{15}$


 $\frac{9}{20}$


 $\frac{4}{9}$


 $\frac{19}{21}$


 $\frac{17}{15}$

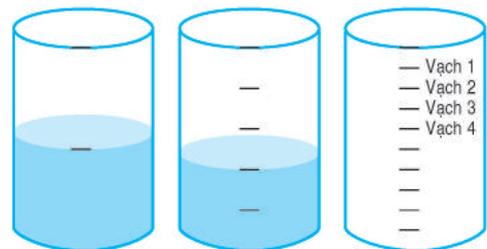
4. Tính bằng cách thuận tiện:


a) $\frac{3}{4} + \frac{1}{3} + \frac{1}{4}$


b) $\frac{4}{7} + \frac{3}{2} + \frac{3}{7}$

 5. Chọn đáp án đúng:

Có ba bình đựng nước kích thước như nhau, bình thứ nhất và bình thứ hai có chứa nước và bình thứ ba chưa có nước (hình bên). Hỏi nếu đổ hết nước cả hai bình đầu vào bình thứ ba, thì mực nước ở bình thứ ba sẽ chạm tới vạch chia nào?



A. Vạch 1

B. Vạch 2

C. Vạch 3

D. Vạch 4

15. PHÉP TRỪ PHÂN SỐ



Tớ lấy $\frac{1}{2}$ cái bánh.

$$\frac{1}{2}$$



$$\frac{1}{3}$$

Tớ lấy $\frac{1}{3}$ cái bánh.



Hải lấy nhiều hơn Lan mấy phần cái bánh?

Tính hiệu $\frac{1}{2} - \frac{1}{3} = ?$

Ta đưa về phép trừ hai phân số có cùng mẫu số.

• Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{1}{2}$ và $\frac{1}{3}$, ta được các phân số $\frac{3}{6}$ và $\frac{2}{6}$.

• Trừ hai phân số: $\frac{1}{2} - \frac{1}{3} = \frac{3}{6} - \frac{2}{6} = \frac{1}{6}$.



Hải lấy nhiều hơn Lan $\frac{1}{6}$ cái bánh.

Muốn trừ hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số hai phân số đó, rồi trừ hai phân số đã quy đồng.



1. Tính:



a) $\frac{3}{5} - \frac{1}{3}$



b) $\frac{1}{2} - \frac{4}{9}$

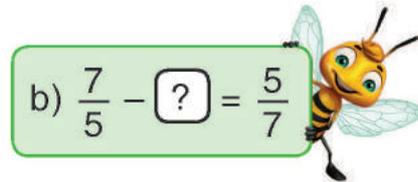


c) $\frac{5}{4} - \frac{5}{7}$

2. Tìm phân số thích hợp thay cho \square :



a) $\square + \frac{1}{2} = \frac{8}{11}$



b) $\frac{7}{5} - \square = \frac{5}{7}$



3. Vườn nhà bác Triệu Minh trồng ba loại cây táo, lê và mận. Bác dành $\frac{2}{5}$ diện tích của mảnh vườn để trồng táo, $\frac{1}{3}$ diện tích của mảnh vườn để trồng lê. Hỏi phần đất trồng mận bằng bao nhiêu phần diện tích của mảnh vườn đó?

16. LUYỆN TẬP

 1. Tính:



a) $\frac{7}{9} - \frac{2}{5}$



b) $\frac{5}{6} - \frac{6}{8}$



c) $\frac{8}{5} - \frac{1}{2}$

2. Chọn kết quả đúng cho mỗi phép tính:



$\frac{8}{10} - \frac{2}{3}$



$\frac{7}{3} - \frac{5}{6}$



$\frac{7}{6} - \frac{1}{2}$



$\frac{4}{3} - \frac{3}{4}$



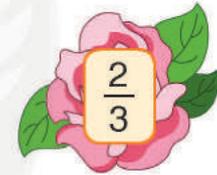
$\frac{3}{2}$



$\frac{2}{15}$



$\frac{7}{12}$



$\frac{2}{3}$

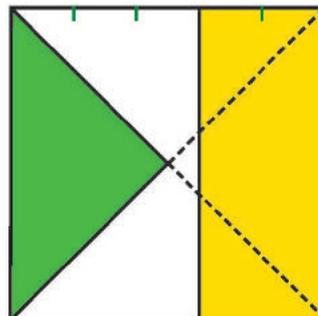
3. $<, >, =$?

a) $\frac{6}{5} \text{ m} - \frac{3}{4} \text{ m} \text{ (?) } 1 \text{ m}$

b) $\frac{10}{8} \text{ kg} - \frac{1}{3} \text{ kg} \text{ (?) } \frac{11}{12} \text{ kg}$

c) $\frac{6}{7} \text{ l} - \frac{1}{2} \text{ l} \text{ (?) } \frac{3}{14} \text{ l}$

 4. Quan sát hình bên rồi tìm phân số thích hợp thay cho (?):
Diện tích hình màu vàng lớn hơn diện tích hình màu xanh (?) m².



Chia cạnh hình vuông dài 1 m thành 5 phần bằng nhau.



17. LÀM QUEN VỚI TỈ SỐ



Đội văn nghệ của lớp 5A có 3 bạn nữ và 5 bạn nam.



Tỉ số của số bạn nữ và số bạn nam là bao nhiêu?



- Tỉ số của số bạn nữ và số bạn nam là $3 : 5$ hay $\frac{3}{5}$.
- Tỉ số này cho biết số bạn nữ bằng $\frac{3}{5}$ số bạn nam.
- Tỉ số của số bạn nam và số bạn nữ là $5 : 3$ hay $\frac{5}{3}$.
- Tỉ số này cho biết số bạn nam bằng $\frac{5}{3}$ số bạn nữ.

Ví dụ:

Số thứ nhất	Số thứ hai	Tỉ số của số thứ nhất và số thứ hai
3	7	$3 : 7$ hay $\frac{3}{7}$
8	6	$8 : 6$ hay $\frac{8}{6}$ (tỉ số của 8 và 6 là $\frac{8}{6}$ hay $\frac{4}{3}$)

Tỉ số của hai số a và b là $a : b$ hay $\frac{a}{b}$ (b khác 0).



1. Viết tỉ số của m và n :

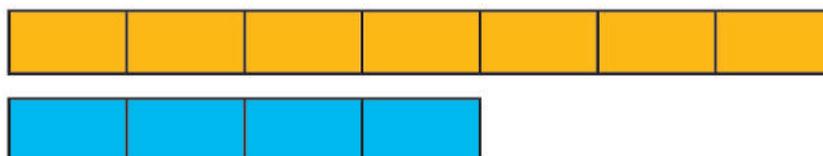
- a) $m = 5$ và $n = 8$; b) $m = 6$ và $n = 9$; c) $m = 9$ và $n = 6$.

2. Trong hộp có 9 viên bi màu xanh và 13 viên bi màu vàng.

- a) Viết tỉ số của số viên bi màu xanh và số viên bi màu vàng.
b) Viết tỉ số của số viên bi màu xanh và số viên bi có ở trong hộp.



3. Quan sát hình dưới đây rồi cho biết tỉ số giữa chiều dài băng giấy màu xanh và chiều dài băng giấy màu vàng:



18. TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ



Câu lạc bộ cờ vua có 16 bạn.
Số bạn nam bằng $\frac{3}{5}$ số bạn nữ.

Câu lạc bộ có bao nhiêu
bạn nữ, bao nhiêu bạn nam?

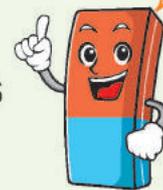
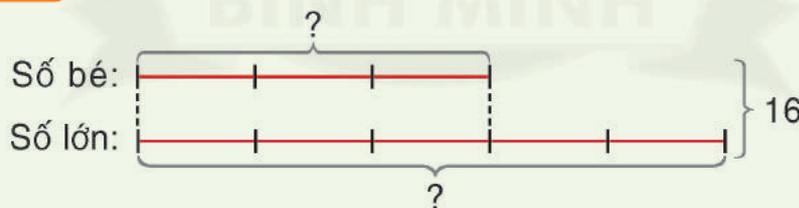


Ví dụ: Tổng của hai số là 16. Tỉ số của hai số đó là $\frac{3}{5}$. Tìm hai số đó.

Chia số bé thành
3 phần bằng
nhau thì số lớn là
5 phần như thế.

Ta có sơ đồ:

Trước hết,
ta phải biết
giá trị của
một phần.



Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

$$3 + 5 = 8 \text{ (phần).}$$

Giá trị của một phần là:

$$16 : 8 = 2$$

Số bé là:

$$2 \times 3 = 6$$

Số lớn là:

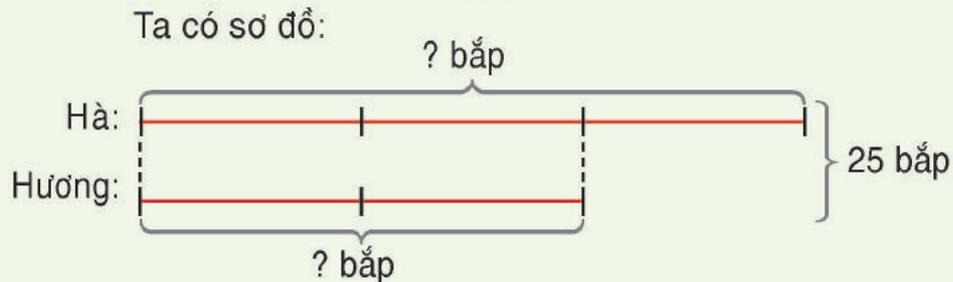
$$16 - 6 = 10$$

Vậy, câu lạc
bộ cờ vua có
10 bạn nữ,
6 bạn nam.



Bài toán: Hương và Hà bẻ được 25 bắp ngô. Số bắp ngô Hà bẻ được bằng $\frac{3}{2}$ số bắp ngô Hương bẻ được. Hỏi mỗi bạn bẻ được bao nhiêu bắp ngô?

Bài giải



Tổng số phần bằng nhau là:

$$2 + 3 = 5 \text{ (phần)}$$

Số bắp ngô Hương bẻ được là:

$$25 : 5 \times 2 = 10 \text{ (bắp)}$$

Số bắp ngô Hà bẻ được là:

$$25 - 10 = 15 \text{ (bắp)}$$

Đáp số: Hương: 10 bắp ngô; Hà: 15 bắp ngô.

1. Số ?

Tổng của hai số là 161. Tỉ số của hai số đó là $\frac{3}{4}$. Hai số đó là và .

2. Số ?

Khánh và Bảo có tất cả 21 siêu nhân. Số siêu nhân của Khánh bằng một nửa số siêu nhân của Bảo. Vậy, bạn Khánh có siêu nhân, bạn Bảo có siêu nhân.



3. Bác Mai bán 360 kg đỗ xanh và đỗ đen, trong đó số ki-lô-gam đỗ xanh bằng $\frac{7}{5}$ số ki-lô-gam đỗ đen. Hỏi bác Mai bán được bao nhiêu ki-lô-gam đỗ mỗi loại?

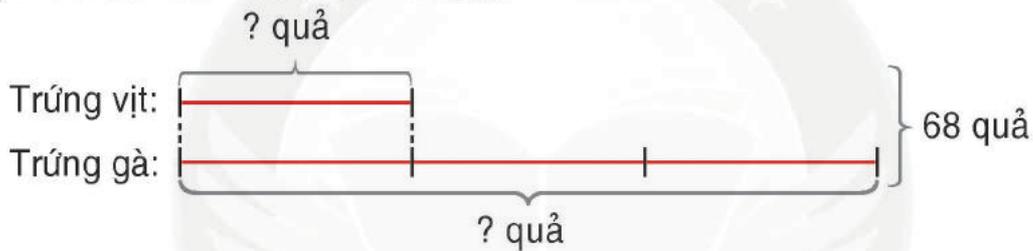
19. LUYỆN TẬP

1. Số ?

Tổng hai số	64	168	242
Tỉ số của hai số	$\frac{1}{7}$	$\frac{2}{5}$	$\frac{8}{3}$
Số lớn	?	?	?
Số bé	?	?	?

2. Bác Hoa thu hoạch được 33 tạ thóc nếp và thóc tẻ, trong đó số thóc nếp bằng $\frac{2}{9}$ số thóc tẻ. Tính số thóc bác Hoa thu hoạch được mỗi loại.

3. a) Nêu bài toán theo tóm tắt sau:



b) Nêu kết quả tìm được ở câu a thay cho ?:

Số trứng vịt là ? quả. Số trứng gà là ? quả.

4. Chú Huy dùng hết 240 cm nẹp nhôm để viền sát bức tranh Đông Hồ hình chữ nhật có chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Tính diện tích bức tranh đó.



20. TÌM HAI SỐ KHI BIẾT HIỆU VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ



Số bạn nam tham gia câu lạc bộ cờ vua bằng $\frac{3}{5}$ số bạn nữ và ít hơn số nữ 4 bạn.

Câu lạc bộ có bao nhiêu bạn nam, bao nhiêu bạn nữ?

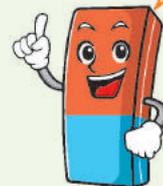
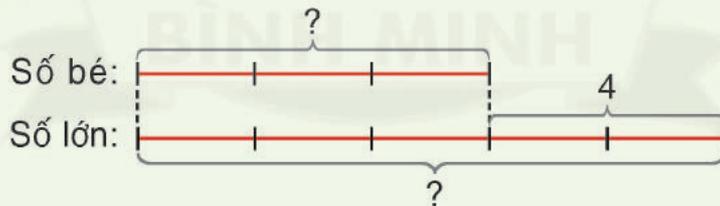


Ví dụ: Hiệu của hai số là 4. Tỉ số của chúng là $\frac{3}{5}$. Tìm hai số đó.

Chia số bé thành 3 phần bằng nhau thì số lớn có 5 phần như thế.

Ta có sơ đồ:

Trước hết, ta phải biết giá trị của một phần.



Theo sơ đồ, hiệu số phần bằng nhau là:

$$5 - 3 = 2 \text{ (phần)}$$

Giá trị của một phần là:

$$4 : 2 = 2$$

Số bé là:

$$2 \times 3 = 6$$

Số lớn là:

$$6 + 4 = 10$$

Hai số cần tìm là 6 và 10.

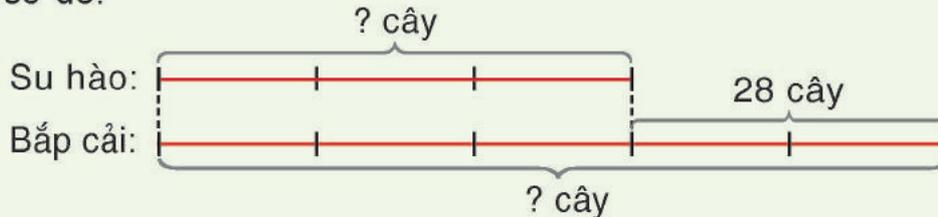
Vậy, câu lạc bộ cờ vua có 6 bạn nam và 10 bạn nữ.



Bài toán: Vườn rau nhà Minh trồng bắp cải và su hào. Số cây bắp cải bằng $\frac{5}{3}$ số cây su hào và nhiều hơn su hào 28 cây. Hỏi vườn rau nhà Minh có bao nhiêu cây mỗi loại?

Bài giải

Ta có sơ đồ:



Hiệu số phần bằng nhau là:

$$5 - 3 = 2 \text{ (phần)}$$

Số cây su hào là:

$$28 : 2 \times 3 = 42 \text{ (cây)}$$

Số cây bắp cải là:

$$42 + 28 = 70 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 42 cây su hào; 70 cây bắp cải.



1. Hiệu của hai số là 72. Tỉ số của hai số đó là $\frac{4}{7}$. Tìm hai số đó.

2. Sóc Vàng và Sóc Nâu cùng đi nhặt hạt dẻ. Số hạt dẻ Sóc Vàng nhặt được gấp 3 lần số hạt dẻ Sóc Nâu nhặt được và nhiều hơn Sóc Nâu 18 hạt dẻ. Hỏi mỗi con sóc nhặt được bao nhiêu hạt dẻ?



3. Chọn câu trả lời đúng:

Gia đình bác Mạnh thu hoạch cà phê và hạt tiêu. Khối lượng cà phê thu hoạch được bằng $\frac{7}{3}$ khối lượng hạt tiêu và nhiều hơn hạt tiêu là 20 tạ. Vậy lượng cà phê và hạt tiêu gia đình bác Mạnh thu hoạch được tất cả là:

A. 15 tạ

B. 35 tạ

C. 50 tạ

D. 55 tạ

21. LUYỆN TẬP

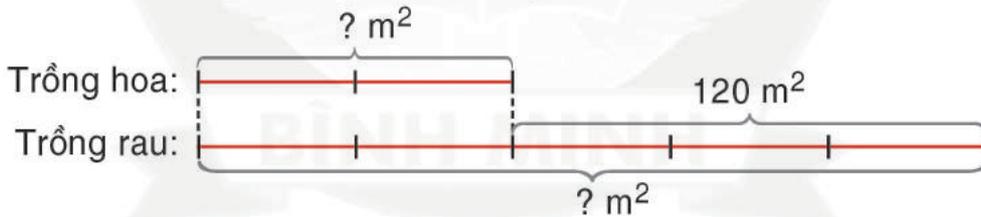
1. SỐ ?

Hiệu hai số	36	162	240
Tỉ số của hai số	$\frac{1}{7}$	$\frac{2}{5}$	$\frac{8}{3}$
Số lớn	?	?	?
Số bé	?	?	?

2. Mẹ sinh con năm mẹ 24 tuổi. Hiện nay tuổi của mẹ gấp 4 lần tuổi của con. Tính tuổi của mỗi người hiện nay.



3. a) Nêu bài toán theo tóm tắt dưới đây:



- b) Nêu kết quả tìm được ở câu a thay cho ?:

Diện tích trồng hoa là ? m². Diện tích trồng rau là ? m².

4. Chọn câu trả lời đúng:

Chú Tuấn mua lưới để rào xung quanh khu đất hình chữ nhật, chiều rộng bằng $\frac{7}{9}$ chiều dài và ngắn hơn chiều dài 8 m. Chú để lại lối ra vào rộng 2 m.

Vậy số mét lưới chú Tuấn cần dùng vừa đủ để rào khu đất là:

- A. 240 m
B. 126 m
C. 64 m
D. 128 m

22. LUYỆN TẬP CHUNG



1. Lớp 5A có 18 bạn nam và 16 bạn nữ.

- a) Viết tỉ số của số bạn nam và số bạn nữ.
- b) Viết tỉ số của số bạn nữ và số bạn nam.
- c) Viết tỉ số của số bạn nam và số học sinh cả lớp.

2. Số ?

a)

Tổng hai số	Tỉ số của hai số	Số bé	Số lớn
48	$\frac{1}{5}$?	?
105	$\frac{3}{4}$?	?

b)

Hiệu hai số	Tỉ số của hai số	Số bé	Số lớn
10	$\frac{2}{7}$?	?
24	$\frac{5}{3}$?	?

3. Sóc đi từ nhà mình sang nhà Thỏ rồi đi đến nhà Nhím, quãng đường Sóc đi tất cả là 85 m. Biết quãng đường từ nhà Sóc đến nhà Thỏ bằng $\frac{2}{3}$ quãng đường từ nhà Thỏ đến nhà Nhím. Tính quãng đường từ nhà Sóc đến nhà Thỏ và quãng đường từ nhà Thỏ đến nhà Nhím.



4. Mẹ sinh con năm 28 tuổi. Cách đây 3 năm, tuổi mẹ gấp 5 lần tuổi con. Tính tuổi mỗi người hiện nay.

23. ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 1

 1. Tính:


a) $\frac{9}{8} + \frac{4}{5}$


b) $\frac{6}{5} - \frac{5}{14}$


c) $\frac{2}{9} + \frac{1}{6}$


d) $\frac{5}{6} - \frac{3}{4}$

2. Chọn giá trị đúng cho mỗi biểu thức:

$$\frac{4}{5} - \frac{3}{5} + \frac{3}{7}$$

$$\left(\frac{7}{5} - \frac{3}{8}\right) \times \frac{3}{5}$$

$$\frac{4}{3} + \frac{3}{5} : 2$$

$$\frac{5}{2} + \frac{3}{4} - \frac{2}{7}$$


$$\frac{49}{30}$$


$$\frac{83}{28}$$


$$\frac{22}{35}$$


$$\frac{123}{200}$$

3. a) Viết mỗi hỗn số sau thành phân số thập phân:


$$63\frac{8}{10}$$


$$5\frac{26}{1000}$$

b) Viết các phân số thập phân thành hỗn số:


$$\frac{276}{100}$$


$$\frac{7092}{1000}$$

 4. Trong ngày Quốc tế Thiếu nhi, một cửa hàng bán đồ chơi đã bán số búp bê bằng $\frac{3}{5}$ số siêu nhân và ít hơn số siêu nhân 8 con. Tính số búp bê và số siêu nhân đã bán.

5. Chọn câu trả lời đúng:

Bác Hai đựng nước trong hai thùng. Lượng nước chứa trong thùng thứ nhất bằng $\frac{5}{3}$ lượng nước trong thùng thứ hai. Sau khi chia đều lượng nước đó ở cả hai thùng thì mỗi thùng đều chứa 160 l nước. Vậy lúc đầu:

- A. Thùng thứ nhất chứa 60 l nước và thùng thứ hai chứa 100 l nước.
- B. Thùng thứ nhất chứa 200 l nước và thùng thứ hai chứa 120 l nước.
- C. Thùng thứ nhất chứa 120 l nước và thùng thứ hai chứa 200 l nước.
- D. Thùng thứ nhất chứa 100 l nước và thùng thứ hai chứa 60 l nước.

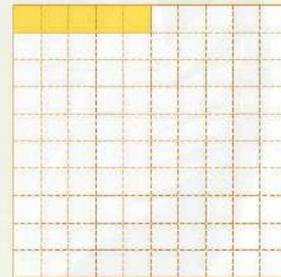
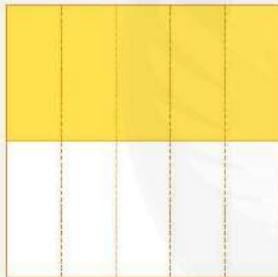
24. SỐ THẬP PHÂN



Nam đã tô màu $\frac{5}{10}$ hình vuông.



Có thể viết $\frac{5}{10}$ theo cách khác không nhỉ?



Nam đã tô màu $\frac{5}{10}$ hình vuông.

$\frac{5}{10}$ còn được viết là: 0,5.

0,5 đọc là *không thấy năm*.

$$\frac{5}{10} = 0,5.$$

Tương tự ta có:

$$\frac{1}{10} = 0,1; \quad \frac{23}{100} = 0,23; \quad \frac{38}{1000} = 0,038.$$

Các số 0,5; 0,05; 0,1; 0,23; 0,038 gọi là các số thập phân.

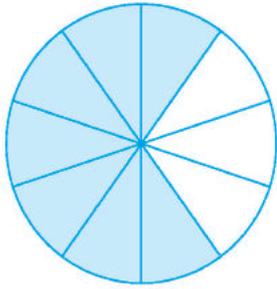
Nam đã tô màu $\frac{5}{100}$ hình vuông.

$\frac{5}{100}$ còn được viết là: 0,05.

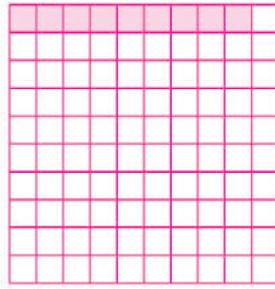
0,05 đọc là *không thấy không năm*.

$$\frac{5}{100} = 0,05.$$

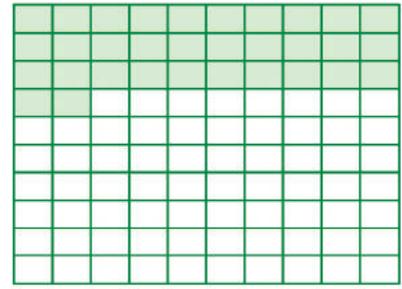
1. Tìm số thập phân chỉ số phần đã tô màu của mỗi hình:



?



?



?

2. Hoàn thành bảng (theo mẫu):

Viết số	Đọc số	Viết số	Đọc số
0,65	Không phải sáu mươi lăm	0,208	?
0,4	?	?	Không phải bảy mươi tư
?	Không phải mười lăm	0,60	?

3. Quan sát hình dưới rồi tìm số thập phân thích hợp thay cho **?**:

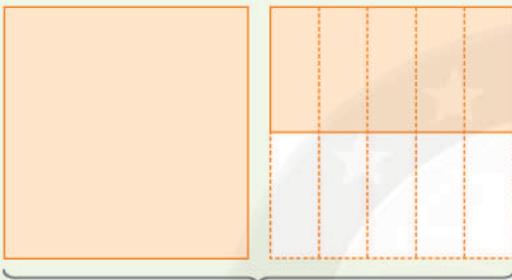


Trong bình có **?** l nước.

25. SỐ THẬP PHÂN (tiếp theo)



Hãy tô màu vào
 $1\frac{5}{10}$ hình vuông.



Mai đã tô màu $1\frac{5}{10}$ hình vuông.

$1\frac{5}{10}$ còn được viết là 1,5;

1,5 đọc là *một phẩy năm*.

$$1\frac{5}{10} = 1,5.$$

Tương tự ta có:

$$23\frac{5}{10} = 23,5; 8\frac{1}{100} = 8,01; 52\frac{405}{1000} = 52,405.$$

Các số 1,5; 1,05; 23,5; 8,01; 52,405 gọi là các số thập phân.

Mỗi số thập phân có hai phần: phần nguyên và phần thập phân, chúng được phân cách nhau bởi dấu phẩy.

Những chữ số ở bên trái dấu phẩy thuộc về phần nguyên, những chữ số ở bên phải dấu phẩy thuộc về phần thập phân.

Chẳng hạn: 52,405

Phần nguyên Phần thập phân

1. Hoàn thành bảng (theo mẫu):

Đọc số	Viết số
Hai trăm·linh tám phẩy ba mươi tư	208,34
Sáu phẩy không chín	?
?	0,315
?	?

2. a) Tìm số thập phân thích hợp:

$$6\frac{3}{10} = \boxed{?}$$

$$\frac{18}{100} = \boxed{?}$$

$$\frac{516}{1000} = \boxed{?}$$

b) Tìm hỗn số thích hợp (theo mẫu):

Mẫu: $6,7 = 6\frac{7}{10}$

$$9,2 = \boxed{?}$$

$$21,50 = \boxed{?}$$

$$1,07 = \boxed{?}$$

3. Quan sát hình dưới rồi tìm số thập phân thích hợp thay cho $\boxed{?}$:



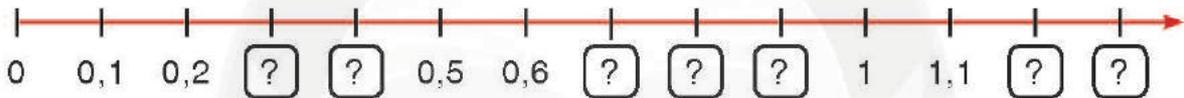
Có tất cả $\boxed{?}$ l nước.

26. LUYỆN TẬP

1. Hoàn thành bảng (theo mẫu):

Đọc số	Viết số
Ba phẩy hai mươi tám	3,28
Không phẩy một trăm năm mươi lăm	?
?	491,290
?	?

2. Nêu số thập phân thích hợp với $\boxed{?}$:



3. Nêu phần nguyên và phần thập phân của mỗi số sau:

a) 0,09
b) 62,40
c) 290,322
d) 5,0606

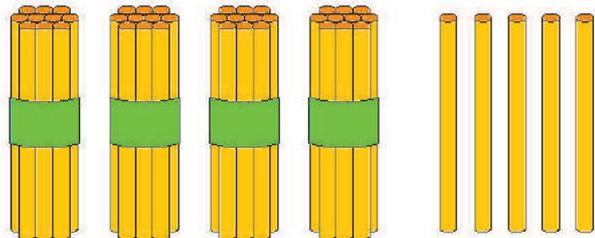
4. a) Tìm số thập phân thích hợp:

$1\frac{8}{10} = \boxed{?}$
 $\frac{90}{100} = \boxed{?}$
 $\frac{6}{1000} = \boxed{?}$

b) Tìm hỗn số thích hợp:

$3,70 = \boxed{?}$
 $65,21 = \boxed{?}$
 $203,009 = \boxed{?}$

5. Quan sát hình bên rồi tìm số thập phân thích hợp thay cho $\boxed{?}$.
Tất cả có $\boxed{?}$ bó dũa.



27. HÀNG CỦA SỐ THẬP PHÂN



983

Trong số tự nhiên 983,
chữ số 8 thuộc hàng chục.

125,983

Trong số thập phân 125,983
chữ số 8 thuộc hàng nào nhỉ?

Số thập phân	1	2	5	,	9	8	3
Hàng	Trăm	Chục	Đơn vị		Phần mười	Phần trăm	Phần nghìn

- **Mỗi đơn vị của một hàng bằng 10 đơn vị của hàng thấp hơn liền sau.**
Mỗi đơn vị của một hàng bằng $\frac{1}{10}$ (hay 0,1) đơn vị của hàng cao hơn liền trước.
- Trong số thập phân 125,983:
Phần nguyên gồm có: 1 trăm, 2 chục, 5 đơn vị.
Phần thập phân gồm có: 9 phần mười, 8 phần trăm, 3 phần nghìn.



1. Trong các số thập phân dưới đây, mỗi chữ số thuộc hàng nào?

a) 20,45

b) 451,209

2. Viết số thập phân, biết rằng số đó gồm:

a) 5 trăm, 3 chục, 2 đơn vị, 6 phần mười, 7 phần trăm, 1 phần nghìn.

b) 4 trăm, 6 đơn vị, 4 phần mười, 9 phần nghìn.



3. a) Viết chữ số thích hợp thay cho ? trong số thập phân tương ứng với hình vẽ dưới.

2, ? ?

b) Mỗi chữ số trong số thập phân trên (ở câu a) thuộc hàng nào?

28. LUYỆN TẬP

1. Số ?

Viết số	Trăm	Chục	Đơn vị		Phần mười	Phần trăm	Phần nghìn
125,98	1	2	5	,	?	?	
45,189		?	?	,	?	?	?
?			0	,	6	0	2

2. Trong các số thập phân dưới đây, mỗi chữ số thuộc hàng nào?

a) 4,67

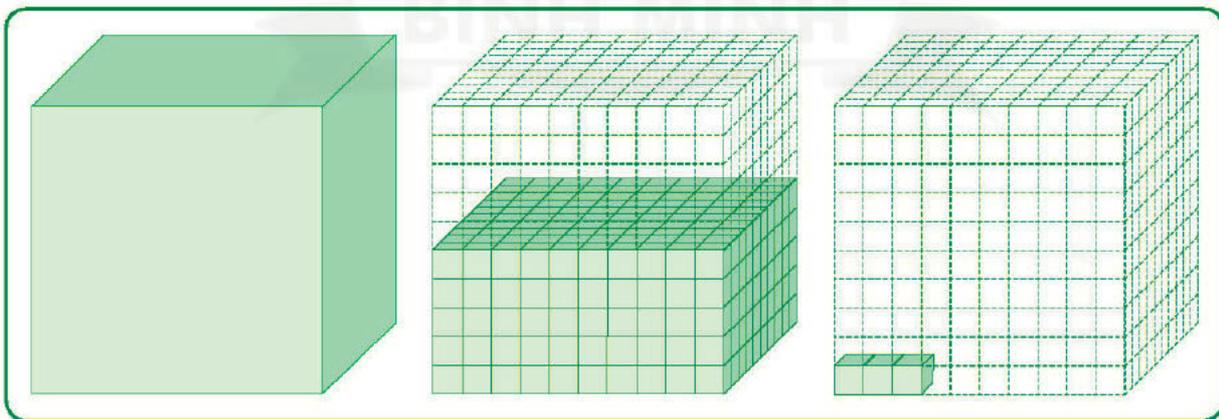
b) 0,309

c) 4 507,039

3. Viết số thập phân có:

- a) Hai trăm, bốn đơn vị, ba phần mười, sáu phần trăm.
- b) Không đơn vị, tám phần mười, một phần trăm.
- c) Bảy nghìn, năm chục, bốn đơn vị, tám phần trăm, một phần nghìn.

4. a) Quan sát hình dưới, viết chữ số thích hợp thay cho ?:



1 , 5 ? ?

b) Mỗi chữ số trong số thập phân trên (ở câu a) thuộc hàng nào?

29. SỐ THẬP PHẦN BẰNG NHAU



Quả xoài nặng hơn hay quả thanh long nặng hơn nhỉ?



Quả xoài và quả thanh long nặng bằng nhau.



- So sánh 0,5 và 0,50.

Ta có: $0,5 = \frac{5}{10}$; $0,50 = \frac{50}{100}$.

Ta đã biết: $\frac{5}{10} = \frac{50}{100}$.

Vậy: $0,5 = 0,50$ hay $0,50 = 0,5$.

Tương tự, ta có: $0,5 = 0,50 = 0,500 = 0,5000$;

$0,5000 = 0,500 = 0,50 = 0,5$.

- **Nếu viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của một số thập phân thì được một số thập phân bằng nó.**

Ví dụ: $4,72 = 4,720 = 4,7200 = 4,72000$;

$16 = 16,0 = 16,00 = 16,000$.



Mỗi số tự nhiên có thể viết thành một số thập phân, trong đó phần thập phân chỉ gồm các chữ số 0.

- **Nếu một số thập phân có chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân thì khi bỏ chữ số 0 đó đi, ta được một số thập phân bằng nó.**

Ví dụ: $4,72000 = 4,7200 = 4,720 = 4,72$;

$16,000 = 16,00 = 16,0 = 16$.

 1. Chọn các cặp số thập phân bằng nhau:



2. a) Viết thêm các chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của mỗi số sau để phần thập phân của chúng đều có ba chữ số:

603,92 ; 81,5 ; 3,247 ; 70,05

b) Bỏ các chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân để có các số thập phân viết dưới dạng gọn hơn:

628,70 ; 15,4000 ; 39,500 ; 300,2000

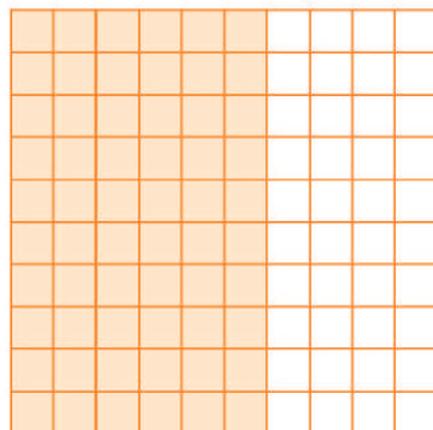
 3. Đ - S ?

a) Đã tô màu vào $\frac{6}{10}$ hình *A* ?

b) Đã tô màu vào 0,60 hình *A* ?

c) Đã tô màu vào 0,06 hình *A* ?

d) Đã tô màu vào 0,6 hình *A* ?



Hình *A*

30. LUYỆN TẬP

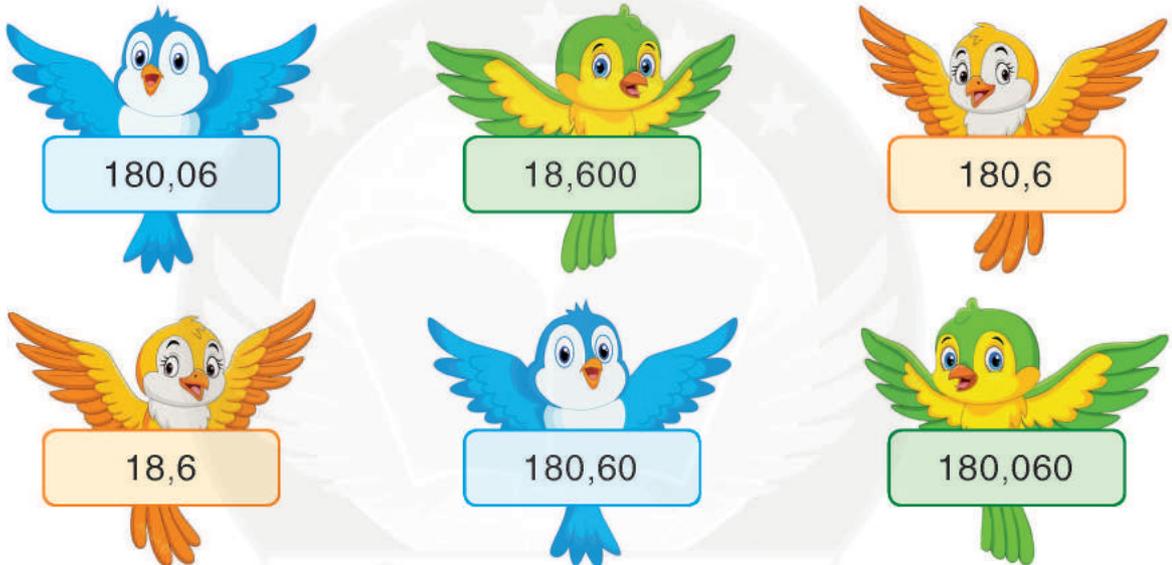
-  1. Viết mỗi số sau thành số thập phân bằng nó và có hai chữ số ở phần thập phân:

800,5 ; 910,200 ; 380 ; 706,1000

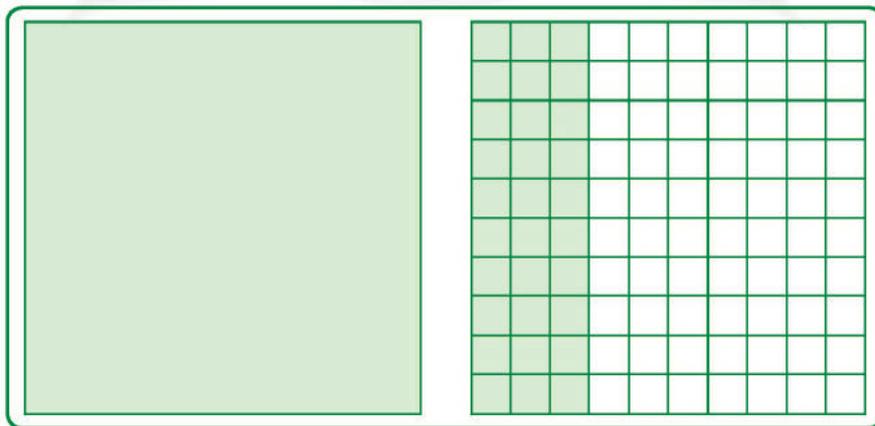
2. Viết ba số thập phân bằng mỗi số sau:

a) 37,5 b) 14,02 c) 50,800 d) 921,60

3. Chọn các cặp số thập phân bằng nhau:



-  4. Tìm chữ số thích hợp thay cho $\boxed{?}$:



Hình trên đã tô màu 1, $\boxed{?}$ $\boxed{?}$ hình vuông.

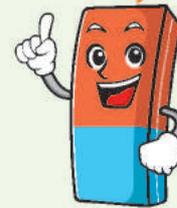
31. VIẾT SỐ ĐO ĐẠI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN



Cái bàn dài
1 m 2 dm.



Có cách viết số đo này
dưới dạng khác
không nhỉ?



Cái bàn
dài 1,2 m.

Ví dụ 1: Tìm số thập phân thích hợp thay cho \square :

$$1 \text{ m } 2 \text{ dm} = \square \text{ m.}$$

Cách làm: $1 \text{ m } 2 \text{ dm} = 1 \text{ m} + \frac{2}{10} \text{ m} = 1\frac{2}{10} \text{ m} = 1,2 \text{ m.}$

Vậy: $1 \text{ m } 2 \text{ dm} = 1,2 \text{ m.}$



Ví dụ 2: Tìm số thập phân thích hợp thay cho \square :

$$4 \text{ tạ } 5 \text{ kg} = \square \text{ tạ.}$$

Cách làm: $4 \text{ tạ } 5 \text{ kg} = 4 \text{ tạ} + \frac{5}{100} \text{ tạ}$
 $= 4\frac{5}{100} \text{ tạ} = 4,05 \text{ tạ.}$

Vậy: $4 \text{ tạ } 5 \text{ kg} = 4,05 \text{ tạ.}$



$1 \text{ tạ} = 100 \text{ kg}$
 hay $1 \text{ kg} = \frac{1}{100} \text{ tạ}$

Ví dụ 3: Tìm số thập phân thích hợp thay cho \square :

$$1 \text{ l } 385 \text{ ml} = \square \text{ l}$$

Cách làm: $1 \text{ l } 385 \text{ ml} = 1 \text{ l} + \frac{385}{1000} \text{ l.}$

$$= 1\frac{385}{1000} \text{ l} = 1,385 \text{ l.}$$

Vậy: $1 \text{ l } 385 \text{ ml} = 1,385 \text{ l.}$

$1 \text{ l} = 1000 \text{ ml}$
 hay $1 \text{ ml} = \frac{1}{1000} \text{ l}$



 **1.** Tìm số thập phân thích hợp thay cho \square :



a) $7 \text{ dm } 9 \text{ cm} = \square \text{ dm}$



b) $58 \text{ m } 3 \text{ cm} = \square \text{ m}$



c) $12 \text{ kg } 65 \text{ g} = \square \text{ kg}$



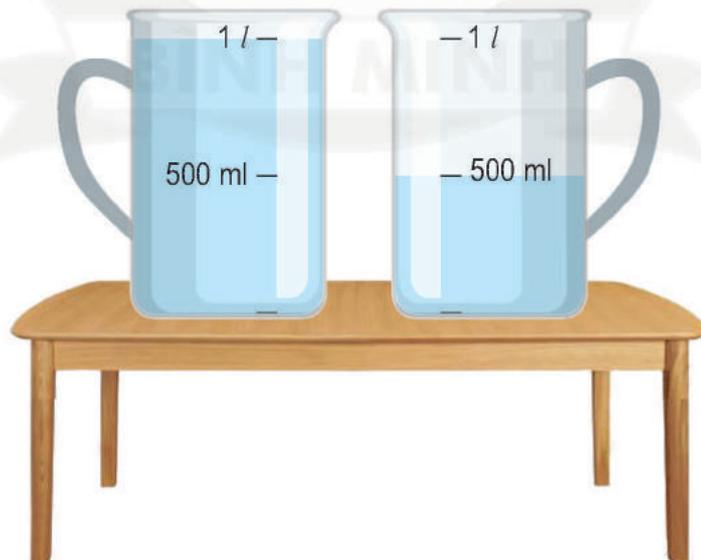
d) $3 / 800 \text{ ml} = \square /$

2. Viết các số đo sau dưới dạng số thập phân:

a) Có đơn vị đo là ki-lô-mét: 2 km 450 m; 16 km 38 m; 10 km 5 m; 702 m.

b) Có đơn vị đo là tấn: 3 tấn 48 kg; 15 tấn 5 kg; 940 kg; 7 tạ.

 **3.** Quan sát hình sau rồi tìm số thập phân thích hợp thay cho \square :



Cả hai bình chứa $\square /$ nước.

32. LUYỆN TẬP

1. Đ - S ?

a) $17\text{ m } 4\text{ cm} = 17,4\text{ m}$

b) $280\text{ ml} = 0,28\text{ l}$

c) $306\text{ kg} = 0,306\text{ tấn}$

d) $5\text{ tạ } 5\text{ kg} = 5,5\text{ tạ}$

2. Tìm số thập phân thích hợp thay cho dấu :



$215\text{ cm} = \text{? m}$

$215\text{ cm} = 200\text{ cm} + 15\text{ cm}$
 $= 2\text{ m } 15\text{ cm}$
 $= 2\frac{15}{100}\text{ m}$
 $= 2,15\text{ m}$



a) $803\text{ cm} = \text{? m}$

b) $12\,645\text{ m} = \text{? km}$

c) $7\,010\text{ g} = \text{? kg}$

d) $69\,200\text{ ml} = \text{? l}$

3. Số ?



$9,4\text{ tấn} = \text{? tạ}$

$9,4\text{ tấn} = 9\frac{4}{10}\text{ tấn}$
 $= 9\text{ tấn } 4\text{ tạ}$
 $= 94\text{ tạ}$



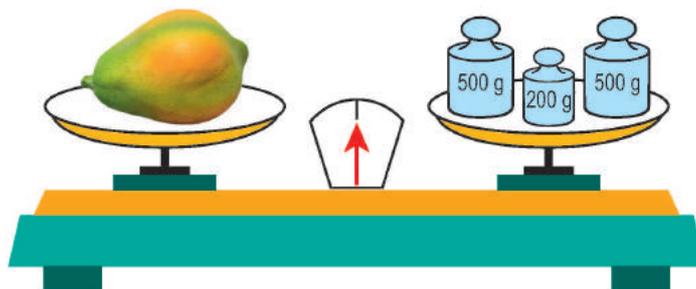
a) $13,48\text{ m} = \text{? cm}$

b) $4,95\text{ km} = \text{? m}$

c) $12,7\text{ l} = \text{? ml}$

d) $8,6\text{ tạ} = \text{? kg}$

4. Quan sát hình dưới đây rồi tìm số thập phân thích hợp thay cho :

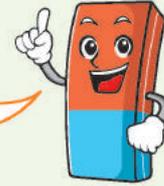


Quả đu đủ nặng kg.

33. VIẾT SỐ ĐO ĐẠI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHẦN (tiếp theo)



Mỗi đơn vị diện tích gấp 100 lần đơn vị bé hơn liền kề nó.



Mỗi đơn vị diện tích bằng bao nhiêu đơn vị lớn hơn liền kề nó?

Ví dụ 1: Tìm số thập phân thích hợp thay cho \square :

$$2 \text{ m}^2 5 \text{ dm}^2 = \square \text{ m}^2$$

Cách làm: $2 \text{ m}^2 5 \text{ dm}^2 = 2 \text{ m}^2 + \frac{5}{100} \text{ m}^2 = 2\frac{5}{100} \text{ m}^2 = 2,05 \text{ m}^2$.

Vậy: $2 \text{ m}^2 5 \text{ dm}^2 = 2,05 \text{ m}^2$.

Ví dụ 2: Tìm số thập phân thích hợp thay cho \square :

$$527 \text{ cm}^2 = \square \text{ dm}^2$$

Cách làm: $527 \text{ cm}^2 = 500 \text{ cm}^2 + 27 \text{ cm}^2 = 5 \text{ dm}^2 + \frac{27}{100} \text{ dm}^2$
 $= 5\frac{27}{100} \text{ dm}^2 = 5,27 \text{ dm}^2$.

Vậy: $527 \text{ cm}^2 = 5,27 \text{ dm}^2$.



1. Tìm số thập phân thích hợp thay cho \square :

a) $6 \text{ dm}^2 7 \text{ cm}^2 = \square \text{ dm}^2$

b) $127 \text{ dm}^2 = \square \text{ m}^2$

c) $82 \text{ cm}^2 = \square \text{ dm}^2$

d) $12 \text{ cm}^2 6 \text{ mm}^2 = \square \text{ cm}^2$

2. Chọn những cặp số đo diện tích bằng nhau:

27 dm^2

$5 \text{ dm}^2 80 \text{ cm}^2$

$5 \text{ m}^2 8 \text{ dm}^2$

370 mm^2

$5,8 \text{ dm}^2$

$3,7 \text{ cm}^2$

$0,27 \text{ m}^2$

$5,08 \text{ m}^2$



3. Tìm số thập phân thích hợp thay cho \square :

Một viên gạch hình vuông có kích thước như hình vẽ.

Viên gạch có diện tích $\square \text{ m}^2$.



4 dm

34. LUYỆN TẬP

1. Tìm số thập phân thích hợp thay cho $\boxed{?}$:

a) $7 \text{ dm}^2 = \boxed{?} \text{ m}^2$

$26 \text{ cm}^2 80 \text{ mm}^2 = \boxed{?} \text{ cm}^2$

b) $720 \text{ cm}^2 = \boxed{?} \text{ dm}^2$

$100 \text{ cm}^2 = \boxed{?} \text{ m}^2$

2. Chọn những cặp số đo diện tích bằng nhau:

$9 \text{ dm}^2 6 \text{ cm}^2$

54 cm^2

540 cm^2

960 cm^2

$9,6 \text{ dm}^2$

$0,54 \text{ dm}^2$

$0,054 \text{ m}^2$

$9,06 \text{ dm}^2$

3. Tìm số thích hợp (theo mẫu):

2 m 5 dm	2,5 m
46 tạ	? tấn
2 / 185 ml	? l

3 dm ² 6 cm ²	? dm ²
? dm ²	5,028 m ²
? m	3,25 km

4. Một tấm biển quảng cáo hình chữ nhật có chiều rộng 36 dm và chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Hỏi diện tích tấm biển quảng cáo đó là bao nhiêu mét vuông?



35. LUYỆN TẬP CHUNG

1. a) Đọc và viết các số sau (theo mẫu):

Viết số	Đọc số
3,5	Ba phẩy năm
0,999	?

Viết số	Đọc số
60,78	?
?	Mười hai phẩy ba mươi tư

b) Nêu phần nguyên và phần thập phân của mỗi số ở câu a.

2. Tìm chữ hoặc số thích hợp thay cho $\boxed{?}$:

a) Số thập phân gồm 3 chục, 9 đơn vị, 3 phần mười, 7 phần trăm, 4 phần nghìn viết là $\boxed{?}$, đọc là $\boxed{?}$.

b) Số 506,008 đọc là $\boxed{?}$. Số đó gồm $\boxed{?}$.

3. $\boxed{\text{Số}}$?

a) $35,42 \text{ m} = \boxed{?} \text{ cm}$

b) $4,73 \text{ km} = \boxed{?} \text{ m}$

c) $52,7 \text{ l} = \boxed{?} \text{ ml}$

d) $906 \text{ tạ} = \boxed{?} \text{ tấn}$

e) $2086 \text{ dm}^2 = \boxed{?} \text{ m}^2$

g) $18\,460 \text{ cm}^2 = \boxed{?} \text{ m}^2$

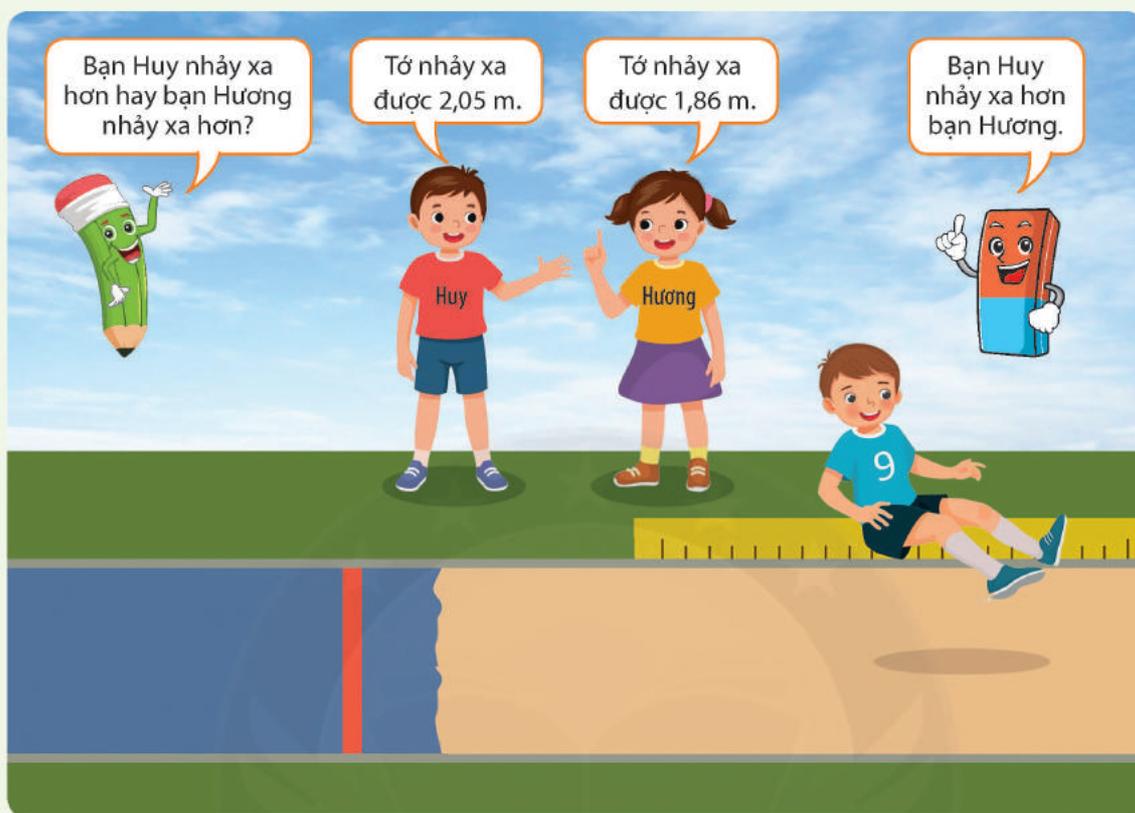
4. Tìm số thập phân thích hợp:

Một tấm tôn hình vuông có cạnh dài 80 cm. Diện tích tấm tôn đó bằng $\boxed{?} \text{ m}^2$.

5. Hình bên cho biết quãng đường Bình và Mai chạy được trong 3 phút. Hỏi bạn nào chạy nhanh hơn? Tại sao?



36. SO SÁNH HAI SỐ THẬP PHẦN



a) Ví dụ 1: So sánh 2,05 và 1,86

Ta có: $2,05 = \frac{205}{100}$; $1,86 = \frac{186}{100}$.

Mà $\frac{205}{100} > \frac{186}{100}$ ($205 > 186$ vì ở hàng trăm có $2 > 1$).

Vậy $2,05 > 1,86$.

Trong hai số thập phân, số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.

b) Ví dụ 2: Cường cao 1,42 m, Hoa cao 1,38 m. Hỏi bạn nào cao hơn?

Ta so sánh 1,42 và 1,38.

Ta thấy 1,42 và 1,38 đều có phần nguyên bằng nhau (đều bằng 1), ta so sánh phần thập phân:

– Phần thập phân của 1,42 bằng $\frac{42}{100}$;

– Phần thập phân của 1,38 bằng $\frac{38}{100}$.

Ta có: $\frac{42}{100} > \frac{38}{100}$ ($42 > 38$ vì ở hàng chục có $4 > 3$).

Do đó: $1,42 > 1,38$ (phần nguyên bằng nhau, hàng phần mười có $4 > 3$).

Bạn Cường
cao hơn
bạn Hoa.



Trong hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau, số thập phân nào có hàng phần mười lớn hơn thì số đó lớn hơn.

c) Trong hai số thập phân:

– Số nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.

– Nếu phần nguyên của hai số đó bằng nhau thì so sánh lần lượt từ hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn,...; đến cùng một hàng nào đó, số thập phân nào có chữ số ở hàng tương ứng lớn hơn thì số đó lớn hơn.

– Nếu phần nguyên và các chữ số ở từng hàng phần thập phân của hai số đó bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.

1. So sánh hai số thập phân:



a) 35,8 và 42,3



b) 4,834 và 4,796



c) 0,58 và 0,539

2. Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

6,73 ; 9,02 ; 6,7

3. Quan sát tranh rồi trả lời câu hỏi:



Trong bốn quả: dưa hấu, đu đủ, mít và sầu riêng:

a) Quả nào nặng nhất?

b) Quả nào nhẹ nhất?

37. LUYỆN TẬP

1. So sánh hai số thập phân:



a) 56,98 và 71,01



b) 3,627 và 3,496



c) 0,328 và 0,36

2. a) Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

0,521 ; 0,289 ; 0,52 ; 0,6

b) Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé:

7,458 ; 6,894 ; 7,548 ; 6,901

3. <, >, = ?



a) 75,3 ? 75,29



b) 36,8 ? 36,800



c) 5,936 ? 5,94

4. a) Em hỏi chiều cao của bốn bạn trong tổ và lập bảng theo mẫu dưới đây:



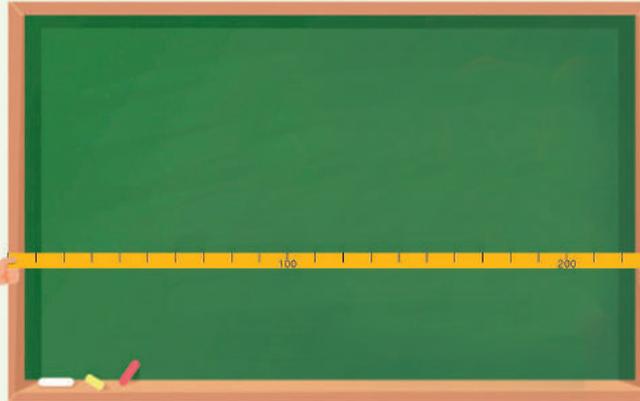
Tên	Chiều cao (m)
?	?
?	?
?	?
?	?

b) Nêu tên lần lượt bốn bạn đó theo thứ tự từ người cao nhất đến người thấp nhất.

38. LÀM TRÒN SỐ THẬP PHẦN



Bảng này dài khoảng 2 m.



Sao bạn lại nói: "Dài khoảng 2 m" nhỉ?



a) Làm tròn đến số tự nhiên gần nhất



Quan sát trên tia số ta thấy:

- 2,3 gần số 2 hơn số 3. Làm tròn số 2,3 đến số tự nhiên, ta được số 2.
- Làm tròn số 2,7 đến số tự nhiên ta được số 3.
- Ta quy ước: Làm tròn số 2,5 đến số tự nhiên, ta được số 3.

– Nếu chữ số hàng phần mười từ 5 trở lên thì khi làm tròn ta thêm 1 vào chữ số hàng đơn vị.
– Nếu chữ số hàng phần mười từ 4 trở xuống thì khi làm tròn ta giữ nguyên chữ số hàng đơn vị.



Bảng dài 2,3 m, ta nói: Bảng dài khoảng 2 m.

b) Làm tròn đến hàng phần mười

- Làm tròn số 2,425 đến hàng phần mười, ta được số 2,4.
- Làm tròn số 2,484 đến hàng phần mười, ta được số 2,5.
- Ta quy ước: Làm tròn số 2,45 đến hàng phần mười, ta được số 2,5.

– Nếu chữ số hàng phần trăm từ 5 trở lên thì khi làm tròn ta thêm 1 vào chữ số hàng phần mười.
– Nếu chữ số hàng phần trăm từ 4 trở xuống thì khi làm tròn ta giữ nguyên chữ số hàng phần mười.



Chẳng hạn: sợi dây dài 2,45 m, ta nói: Sợi dây dài khoảng 2,5 m.

1. Số ?

a) Làm tròn số 12,47:

– Đến số tự nhiên gần nhất ta được số .

– Đến hàng phần mười ta được số .

b) Làm tròn số 40,639:

– Đến số tự nhiên gần nhất ta được số .

– Đến hàng phần mười ta được số .

2. Quan sát hình dưới rồi tìm số tự nhiên thích hợp thay cho :



Trong bình có khoảng l nước.

3. Quan sát tranh rồi cho biết đỉnh núi Phan-xi-păng cao khoảng mấy ki-lô-mét.



39. LUYỆN TẬP

 1. Làm tròn các số sau đến hàng phần trăm (theo mẫu):

Mẫu:

- Làm tròn số 7,354 đến hàng phần trăm ta được số 7,35.
- Làm tròn số 7,3564 đến hàng phần trăm ta được số 7,36.
- Làm tròn số 7,355 đến hàng phần trăm ta được số 7,36.

- Nếu chữ số hàng phần nghìn từ 5 trở lên thì khi làm tròn ta thêm 1 vào chữ số hàng phần trăm.
- Nếu chữ số hàng phần nghìn từ 4 trở xuống thì khi làm tròn ta giữ nguyên chữ số hàng phần trăm.



a) 42,0728

b) 0,647

c) 3,1052

2. **Số** ?

a) Làm tròn số 12,1746:

- Đến số tự nhiên gần nhất ta được số .
- Đến hàng phần mười ta được số .
- Đến hàng phần trăm ta được số .

b) Làm tròn số 0,8293:

- Đến số tự nhiên gần nhất ta được số .
- Đến hàng phần mười ta được số .
- Đến hàng phần trăm ta được số .

3. Quan sát hình bên rồi tìm chữ số thích hợp thay cho .

Làm tròn đến hàng phần trăm, con voi nặng khoảng 4,7 tấn.

Tớ nặng 4,735 tấn.



 4. Mặt bàn bóng bàn hình chữ nhật có chiều dài bằng 28 dm, chiều rộng bằng 15 dm. Hỏi diện tích bàn đó khoảng mấy mét vuông?

40. ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 2



1. a) Đọc các số thập phân sau rồi cho biết mỗi chữ số trong số thập phân đó thuộc hàng nào?

35,7 ; 12,42 ; 0,308

b) Viết số thập phân gồm:

- Năm đơn vị, ba phần mười, bốn phần trăm và tám phần nghìn.
- Không đơn vị, bảy phần mười và hai phần nghìn.

2. Số ?

Làm tròn số thập phân 12,54:

- Đến số tự nhiên ta được số [?].
- Đến hàng phần mười ta được số [?].

3. Tìm số thập phân thích hợp thay cho [?]:

a) $4 \text{ m } 36 \text{ cm} = [?] \text{ m}$

b) $5 \text{ } 023 \text{ m} = [?] \text{ km}$

c) $6 \text{ tấn } 27 \text{ kg} = [?] \text{ tấn}$

d) $285 \text{ dm}^2 = [?] \text{ m}^2$

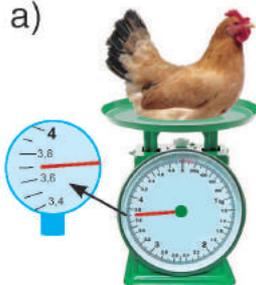
4. Sắp xếp các số thập phân sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

7,342 ; 16,02 ; 15,97 ; 7,56



5. Quan sát tranh rồi tìm số thập phân thích hợp thay cho [?]:

a)



Con gà nặng [?] kg

b)



Quả đu đủ nặng [?] kg

c)



Quả thanh long nặng [?] kg

Chủ đề 3 CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ THẬP PHÂN

41. PHÉP CỘNG SỐ THẬP PHÂN



Ta đã thực hiện được cộng hai số tự nhiên.



Cộng hai số thập phân thực hiện thế nào nhỉ?



Ví dụ 1: Đường gấp khúc ABC có đoạn thẳng AB dài 1,72 m và đoạn thẳng BC dài 2,46 m. Hỏi đường gấp khúc đó dài bao nhiêu mét?



Ta phải thực hiện phép cộng:

$$1,72 + 2,46 = ? \text{ (m)}$$

Ta có: 1,72 m = 172 cm

$$2,46 \text{ m} = 246 \text{ cm.}$$

Ta tính tổng $1,72 + 2,46$ như sau:

$$\text{Vậy } 1,72 + 2,46 = 4,18 \text{ (m).}$$

Đường gấp khúc đó dài 4,18 m.

$$\begin{array}{r} 172 \\ + 246 \\ \hline \end{array}$$

$$418 \text{ (cm)}$$

$$418 \text{ cm} = 4,18 \text{ m.}$$

$$\begin{array}{r} 1,72 \\ + 2,46 \\ \hline \end{array}$$

$$4,18$$

- Cộng như cộng các số tự nhiên.
- Viết các dấu phẩy thẳng cột.

Ví dụ 2: Tính $7,348 + 5,5$
Có $5,5 = 5,500$.

$$\begin{array}{r} 7,348 \\ + 5,500 \\ \hline 12,848 \end{array}$$

Chú ý: Khi thực hành tính toán, ta có thể tính như sau:

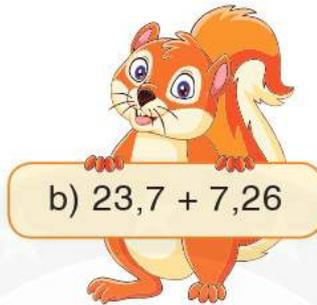
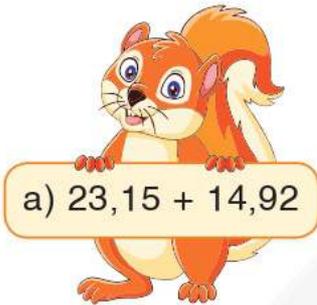
$$\begin{array}{r} 7,348 \\ + 5,5 \\ \hline 12,848 \end{array}$$

Khi cộng hai số thập phân, ta làm như sau:

- **Viết số này dưới số kia, sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột.**
- **Cộng như cộng hai số tự nhiên, viết dấu phẩy ở tổng thẳng cột với dấu phẩy của các số hạng.**



1. Đặt tính rồi tính:



2. Tính rồi so sánh giá trị của các biểu thức $a + b$ và $b + a$:

a	b	$a + b$	$b + a$
2,5	3,8	?	?
21,9	12,072	?	?
0,34	32,56	?	?

Nhận xét: Phép cộng các số thập phân có tính chất giao hoán:

$$a + b = b + a.$$



3. Quan sát tranh rồi cho biết:

Có thể đổ tất cả nước ở bình và ấm vào chậu được không?

Biết rằng hiện tại bình và ấm đầy nước, chậu chưa có nước.



42. LUYỆN TẬP

1. Đặt tính rồi tính:

a) $23,65 + 7,21$

b) $9,208 + 0,53$

2. Tính rồi so sánh giá trị của các biểu thức $(a + b) + c$ và $a + (b + c)$:

a	b	c	$(a + b) + c$	$a + (b + c)$
2,5	3,8	2,01	?	?
21,9	12,032	0,15	?	?
0,34	32,56	1,4	?	?

Nhận xét: Phép cộng các số thập phân có tính chất kết hợp:

$$(a + b) + c = a + (b + c).$$

3. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $3,89 + 1,94 + 12,06$

b) $4,5 + 3,7 + 0,5$

4. Dưới đây là sơ đồ khu vui chơi trong công viên:



Hỏi:

a) Quãng đường đi từ rạp xiếc đến trò chơi tàu điện dài bao nhiêu ki-lô-mét?

b) Quãng đường đi từ rạp xiếc đến khu đu quay dài bao nhiêu ki-lô-mét?

43. LUYỆN TẬP

1. Đặt tính rồi tính:

a) $34,63 + 2,518$

b) $708,27 + 8,059$

2. Tính:

a) $2,67 + 3,5 + 0,421$

b) $34,04 + 23,72 + 1,003$

3. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $1,34 + 56,01 + 2,66$

b) $3,4 + 27,14 + 0,6 + 2,86$

4. Số ?



Cả hai túi cam cân nặng kg.

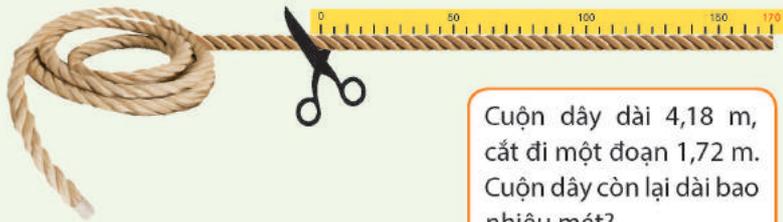
5. Có hai đường đi từ A đến B như hình dưới đây. Hỏi đường đi nào ngắn hơn?



44. TRỪ HAI SỐ THẬP PHẦN



Ta đã thực hiện được cộng hai số thập phân. Vậy trừ hai số thập phân thực hiện thế nào nhỉ?



Cuộn dây dài 4,18 m, cắt đi một đoạn 1,72 m. Cuộn dây còn lại dài bao nhiêu mét?

Ví dụ 1: Ta phải thực hiện phép trừ: $4,18 - 1,72 = ?$ (m)

Ta có: $4,18 \text{ m} = 418 \text{ cm}$

$1,72 \text{ m} = 172 \text{ cm}$

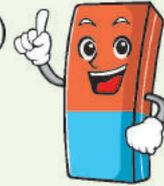
Ta tính hiệu $4,18 - 1,72$ như sau:

$$\begin{array}{r} 4,18 \\ - 1,72 \\ \hline 2,46 \end{array}$$

- Trừ như trừ các số tự nhiên.
- Viết các dấu phẩy thẳng cột.

$$\begin{array}{r} 418 \\ - 172 \\ \hline 246 \text{ (cm)} \\ 246 \text{ cm} = 2,46 \text{ m} \end{array}$$

Vậy $4,18 - 1,72 = 2,46$ (m).
Cuộn dây còn lại dài 2,46 m.



Ví dụ 2: Tính: $8,7 - 2,53$.

Có $8,7 = 8,70$.

$$\begin{array}{r} 8,70 \\ - 2,53 \\ \hline 6,17 \end{array}$$

Chú ý: Khi thực hành tính toán ta có thể làm như sau:

$$\begin{array}{r} 8,7 \\ - 2,53 \\ \hline 6,17 \end{array}$$

Khi trừ hai số thập phân, ta làm như sau:

– **Viết số trừ dưới số bị trừ, sao cho các chữ số cùng hàng thì thẳng cột.**

– **Trừ như trừ số tự nhiên, viết dấu phẩy ở hiệu thẳng cột với các dấu phẩy của số bị trừ và số trừ.**

Chú ý: Trong trường hợp hai số thập phân có số chữ số ở phần thập phân khác nhau thì: Ta làm cho số chữ số ở phần thập phân của hai số bằng nhau (bằng cách thêm chữ số 0 vào hàng còn thiếu).



1. Đặt tính rồi tính:

a) $31,2 - 20,5$

b) $17,42 - 8,3$

c) $25,3 - 21,87$

2. Tìm số thập phân thích hợp thay cho \square :

a) $\square + 4,53 = 6,48$

b) $9,5 - \square = 6,34$

c) $8,7 + \square = 10,49$



3. Quả bí ngô cân nặng 3,4 kg. Cô bán hàng cắt ra một miếng bí ngô cân nặng 1,8 kg để bán. Hỏi miếng bí ngô còn lại nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

45. LUYỆN TẬP

 1. Đặt tính rồi tính:

$$\text{a) } 23,46 - 2,547$$

$$\text{b) } 9 - 5,7$$

$$\text{c) } 7,38 - 6$$

$$\text{d) } 5,42 - 0,97$$

2. Tìm số thập phân thích hợp thay cho $\boxed{?}$:


a) $\boxed{?} + 7,24 = 15,06$


b) $12,7 - \boxed{?} = 5,36$


c) $6,748 + \boxed{?} = 10,39$

3. $\boxed{\text{Số}}$?



Xe buýt đã đi được quãng đường từ điểm đầu đến điểm dừng số 2.
Xe buýt còn phải đi $\boxed{?}$ km nữa để đến điểm cuối.

 4. Hoà đi tham quan bảo tàng.

Trước khi đi, mẹ đổ đầy bình nước có dung tích là 1,5 l cho Hoà mang đi. Khi về, nhìn bình nước Hoà thấy còn lại 0,25 l. Hỏi Hoà đã dùng bao nhiêu lít nước?



46. LUYỆN TẬP CHUNG

 1. Đặt tính rồi tính:

a) $26,547 + 0,48$

b) $3,3 + 29,45$

c) $24,6 - 22,37$

d) $32,064 - 25,72$

2. Tính giá trị của biểu thức:

a) $94,72 + 402,83 - 237,48$

b) $73,5 - 40,87 + 26,193$

3. $<, >, =$?

a) $65,871 + 342,06$ \square $436,89$

b) $145,27$ \square $500,53 - 355,26$

c) $32,8 + 47,59$ \square $142,58 - 67,204$

4. **Số** ?

Mẹ của Lan đi chợ đã mua một số mặt hàng như sau:

Thịt lợn: 1,2 kg	Đưa chuột: 1,5 kg
Thịt bò: 0,5 kg	Cà chua: 0,7 kg
	Khoai tây: 1,4 kg

a) Số ki-lô-gam thịt mà mẹ của Lan mua là: \square kg.

b) Số ki-lô-gam rau, củ, quả mà mẹ của Lan mua là: \square kg.

 5. Cô Bình có một cuộn vải dài 25,75 m. Cô Bình cắt ra 9,5 m để may cờ, 10 m để làm băng rôn. Hỏi cô Bình còn lại bao nhiêu mét vải?

47. NHÂN SỐ THẬP PHÂN VỚI SỐ TỰ NHIÊN



Cần thanh nhôm dài bao nhiêu mét để viền xung quanh bức tranh này nhỉ?



1,24 m



Ta cần tính $1,24 \times 4 = ?$

$$\text{Có } 1,24 = \frac{124}{100}$$

$$1,24 \times 4 = \frac{124}{100} \times 4 = \frac{124 \times 4}{100}$$

$$= \frac{496}{100} = 4,96.$$

Vậy $1,24 \times 4 = 4,96$.

Cần thanh nhôm dài 4,96 m.



Ta đặt tính và làm như sau:

$$\begin{array}{r} 1,24 \\ \times 4 \\ \hline 4,96 \end{array}$$



Phần thập phân của thừa số thứ nhất và tích đều có hai chữ số.

Khi nhân một số thập phân với một số tự nhiên, ta làm như sau:

- Nhân như nhân các số tự nhiên.
- Đếm xem phần thập phân của số thập phân có bao nhiêu chữ số rồi dùng dấu phẩy tách ở tích ra bấy nhiêu chữ số kể từ phải sang trái.



1. Đặt tính rồi tính:

a) $1,47 \times 5$

b) $0,281 \times 7$

c) $23,06 \times 4$

2. Tính:

a) $7,56 \text{ m} \times 8$

b) $15,2 \text{ g} \times 24$

c) $2,053 \text{ l} \times 3$



3. Số ?



Cả ba hộp sữa nặng kg.

48. NHÂN SỐ THẬP PHÂN VỚI SỐ THẬP PHÂN



Diện tích vườn hoa bằng bao nhiêu mét vuông?



Ta phải tính $6,25 \times 8,5 = ?$

$$6,25 \times 8,5 = \frac{625}{100} \times \frac{85}{10}$$

$$= \frac{625 \times 85}{1000} = \frac{53125}{1000} = 53,125.$$

Vậy $6,25 \times 8,5 = 53,125$.

Ta thường đặt tính rồi làm như sau:

$$\begin{array}{r} 6,25 \\ \times 8,5 \\ \hline 3125 \\ 5000 \\ \hline 53,125 \end{array}$$

Diện tích vườn hoa bằng $53,125 \text{ m}^2$.

Khi nhân một số thập phân với một số thập phân, ta làm như sau:

- Thực hiện phép nhân như với số tự nhiên.
- Đếm xem phần thập phân của cả hai thừa số có tất cả bao nhiêu chữ số, rồi dùng dấu phẩy tách ở tích ra bấy nhiêu chữ số kể từ phải sang trái.



1. Đặt tính rồi tính:

a) $3,5 \times 6,2$

b) $23,7 \times 0,8$

c) $1,072 \times 0,41$

2. Tính rồi so sánh giá trị của $a \times b$ và $b \times a$:

a	b	$a \times b$	$b \times a$
2,5	3	?	?
4,8	9,2	?	?
1,6	0,34	?	?

Nhận xét: Phép nhân các số thập phân có tính chất giao hoán:

$$a \times b = b \times a$$



3. Trung bình mỗi mét dây thép cân nặng $0,75 \text{ kg}$. Hỏi một mét rưỡi dây thép cùng loại đó cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

49. LUYỆN TẬP

1. Đặt tính rồi tính:

a) $2,03 \times 5$

b) $3,49 \times 0,52$

2. Tính:

a) $24,5 + 12,3 \times 4$

b) $(21,9 + 2,3) \times 3,5$

3. Tính rồi so sánh giá trị của $(a \times b) \times c$ và $a \times (b \times c)$:

a	b	c	$(a \times b) \times c$	$a \times (b \times c)$
5,1	3	0,4	?	?
4,6	2,4	1,5	?	?
12,4	0,7	0,9	?	?

Nhận xét: Phép nhân các số thập phân có tính chất kết hợp:

$$(a \times b) \times c = a \times (b \times c)$$

4. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $7,45 \times 0,2 \times 5$

b) $2,5 \times 0,36 \times 80$

5. Một ô tô xuất phát từ A đi đến B, mỗi giờ ô tô đi được 60,5 km. Hỏi sau 1,5 giờ, ô tô còn cách B bao nhiêu ki-lô-mét? Biết rằng quãng đường AB dài 105 km.



50. NHÂN NHẢM MỘT SỐ THẬP PHÂN VỚI 10; 100; 1 000;...



? kg



Ta phải tính
 $0,454 \times 10$.



Có thể nhầm
được không nhỉ?

a) Nhân nhẩm với 10

$$0,454 \times 10 = ?$$

Áp dụng nhân nhẩm số tự nhiên, ta có:

$$454 \times 10 = 4\,540$$

Vậy $0,454 \times 10 = 4,540 = 4,54$.

Nhận xét: Dời dấu phẩy của số 0,454 sang bên phải 1 chữ số, ta cũng được số 4,54.

Tất cả có 4,54 kg
bột ngọt.

b) Nhân nhẩm với 100

Tương tự, ta có: $0,454 \times 100 = 45,4$.

Nhận xét: Dời dấu phẩy của số 0,454 sang bên phải 2 chữ số, ta cũng được số 45,4.

c) Nhân nhẩm với 1 000

Tương tự, ta có: $0,454 \times 1\,000 = 454$.

Nhận xét: Dời dấu phẩy của số 0,454 sang bên phải 3 chữ số, ta cũng được số 454.

Khi nhân một số thập phân với 10, 100, 1 000, ... ta chỉ việc dời dấu phẩy của số đó tương ứng sang bên phải 1, 2, 3, ... chữ số.



1. Tính nhẩm:

$$3,182 \times 10$$

$$3,182 \times 100$$

$$3,182 \times 1\,000$$

$$17,89 \times 10$$

$$17,89 \times 100$$

$$17,89 \times 1\,000$$

2. Số ?

a) $7,81 \text{ m} = \boxed{?} \text{ dm}$

b) $1,25 \text{ kg} = \boxed{?} \text{ g}$

c) $0,4 \text{ cm}^2 = \boxed{?} \text{ mm}^2$



3. Quan sát tranh bên rồi cho biết:

a) Mỗi con vật nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

b) Con vật nào nặng hơn và nặng hơn bao nhiêu tạ?



51. NHÂN NHẨM MỘT SỐ THẬP PHÂN VỚI 0,1; 0,01; 0,001;...



Mình đã biết nhân nhẩm một số thập phân với 10; 100; 1000;...



Thế còn nhân nhẩm một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001;... thì sao nhỉ?

a) Nhân nhẩm với 0,1

$$138,5 \times 0,1 = ?$$

Áp dụng cách nhân số thập phân với số thập phân, ta có:

$$1\ 385 \times 1 = 1\ 385$$

Vậy $138,5 \times 0,1 = 13,85$

Nhận xét: Dời dấu phẩy của số 138,5 sang bên trái 1 chữ số, ta cũng được số 13,85.

b) Nhân nhẩm với 0,01

Tương tự, ta có: $138,5 \times 0,01 = 1,385$.

Nhận xét: Dời dấu phẩy của số 138,5 sang bên trái 2 chữ số, ta cũng được số 1,385.

c) Nhân nhẩm với 0,001

Tương tự, ta có: $138,5 \times 0,001 = 0,1385$.

Nhận xét: Dời dấu phẩy của số 138,5 sang bên trái 3 chữ số, ta cũng được số 0,1385.

Khi nhân một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001; ... ta chỉ việc dời dấu phẩy của số đó tương ứng sang bên trái 1; 2; 3; ... chữ số.



1. Tính nhẩm:

$$2\ 054,6 \times 0,1$$

$$2\ 054,6 \times 0,01$$

$$2\ 054,6 \times 0,001$$

$$78,9 \times 0,1$$

$$78,9 \times 0,01$$

$$78,9 \times 0,001$$

2. <, >, = ?

a) $15,8 \times 0,1$ 1,5

b) $6,92 \times 0,01$ 0,0692

c) $473,2 \times 0,001$ 4,732



3. Một thanh sắt dài 1 m có khối lượng 1,2 kg. Hỏi đoạn sắt dài 0,1 m cùng loại đó nặng bao nhiêu gam?

52. LUYỆN TẬP

 1. Tính nhẩm:

$$\begin{aligned} 29,03 \times 10 \\ 104,6 \times 1000 \end{aligned}$$



$$\begin{aligned} 8,26 \times 0,1 \\ 57,1 \times 0,001 \end{aligned}$$



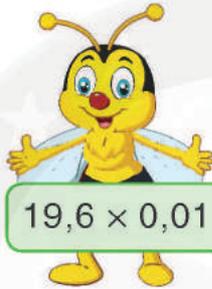
$$\begin{aligned} 4,32 \times 100 \\ 9,51 \times 0,01 \end{aligned}$$



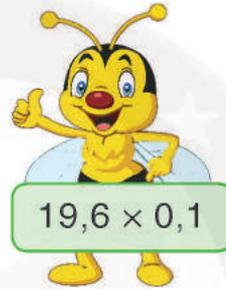
2. Chọn kết quả đúng cho mỗi phép tính:



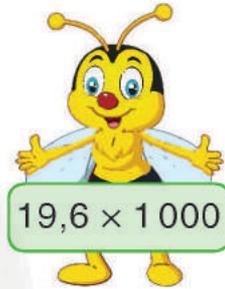
$$19,6 \times 100$$



$$19,6 \times 0,01$$



$$19,6 \times 0,1$$



$$19,6 \times 1000$$



1,96



19 600



1960



0,196

3. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $42,5 \times 4 \times 2,5$

b) $0,5 \times 17,84 \times 0,2$

c) $1,25 \times 48,9 \times 8$

 4. Bạn Mai làm 10 tấm bưu thiếp hình chữ nhật, mỗi tấm có chiều rộng là 0,1 m và chiều dài gấp đôi chiều rộng. Hỏi Mai cần bao nhiêu đề-xi-mét vuông bìa để làm 10 tấm bưu thiếp đó?



53. LUYỆN TẬP CHUNG

 1. Tính nhẩm:


$$\begin{array}{r} 9,42 \times 10 \\ 65,9 \times 0,1 \end{array}$$


$$\begin{array}{r} 21,67 \times 100 \\ 12 \times 0,01 \end{array}$$


$$\begin{array}{r} 0,1415 \times 1000 \\ 2\ 347 \times 0,001 \end{array}$$

2. Đặt tính rồi tính:


$$12,35 \times 4$$


$$3,27 \times 4,2$$


$$9,08 \times 0,27$$

3. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $5,2 \times 0,4 \times 2,5$ b) $0,2 \times 0,7 \times 0,5$ c) $0,3 \times 4,2 + 9,8 \times 0,3$

4. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều rộng là 13,7 m; chiều dài hơn chiều rộng 1,3 m. Tính diện tích của thửa ruộng đó.

 5. **Số** ?

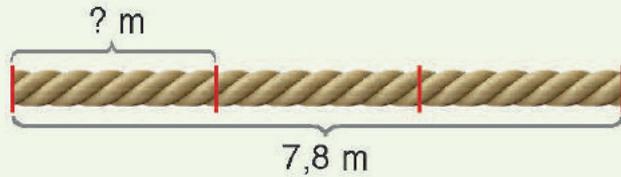
Cả thỏ và rùa
nặng kg.



54. CHIA MỘT SỐ THẬP PHÂN CHO MỘT SỐ TỰ NHIÊN



Chia sợi dây dài 7,8 m thành ba đoạn bằng nhau. Làm thế nào để tính được mỗi đoạn dây dài bao nhiêu mét?



Đổi 7,8 m = 78 dm
 $78 : 3 = 26$
 Đổi 26 dm = 2,6 m



Có cách tính nào khác không nhỉ?

Ví dụ: $7,8 : 3 = ?$ (m)

Ta đặt tính và tính như sau:

$$\begin{array}{r} 7,8 \quad | \quad 3 \\ 18 \quad | \quad 2,6 \text{ (m)} \\ \hline 0 \end{array}$$

Vậy $7,8 : 3 = 2,6$ (m).

- 7 chia 3 được 2, viết 2;
2 nhân 3 bằng 6; 7 trừ 6 bằng 1, viết 1.
- Viết dấu phẩy vào bên phải 2.
- Hạ 8; 18 chia 3 bằng 6, viết 6;
6 nhân 3 bằng 18; 18 trừ 18 bằng 0, viết 0.

Khi chia một số thập phân cho một số tự nhiên, ta làm như sau:

- Chia như chia số tự nhiên.
- Sau khi chia hết phần nguyên, ta viết dấu phẩy vào bên phải thương vừa tìm được.
- Tiếp tục chia với từng chữ số ở phần thập phân của số bị chia.



1. Đặt tính rồi tính:

a) $6,32 : 4$

b) $95,2 : 68$

c) $0,48 : 6$

2. Số ?

a) $[\text{?}] \times 6 = 7,2$

b) $0,35 : [\text{?}] = 5$



3. Có 5 hộp trà cùng loại cân nặng tất cả là 8,75 kg. Hỏi 12 hộp trà như vậy cân nặng tất cả bao nhiêu ki-lô-gam?

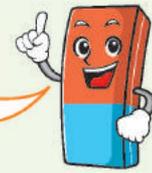
55. CHIA MỘT SỐ TỰ NHIÊN CHO MỘT SỐ TỰ NHIÊN CÓ THƯƠNG LÀ SỐ THẬP PHÂN



May 4 bộ quần áo giống nhau hết 17 m vải.



Như vậy, may một bộ quần áo như thế hết bao nhiêu mét vải?



Ví dụ 1: $17 : 4 = ?$ (m)

Ta đặt tính và tính như sau:

$$\begin{array}{r} 17 \quad | \quad 4 \\ 10 \quad | \quad 4,25 \text{ (m)} \\ 20 \\ 0 \end{array}$$

Vậy $17 : 4 = 4,25$ (m).



May một bộ quần áo hết 4,25 m vải.

- 17 chia 4 được 4, viết 4; 4 nhân 4 bằng 16; 17 trừ 16 bằng 1, viết 1.
- Để chia tiếp, ta viết dấu phẩy vào bên phải 4 và viết thêm chữ số 0 vào bên phải 1 được 10.
- 10 chia 4 được 2, viết 2. 2 nhân 4 bằng 8; 10 trừ 8 bằng 2, viết 2.
- Viết thêm chữ số 0 vào bên phải 2 được 20; 20 chia 4 được 5, viết 5. 5 nhân 4 bằng 20; 20 trừ 20 bằng 0, viết 0.

Ví dụ 2: $12 : 16 = ?$

$$\begin{array}{r} 12 \quad | \quad 16 \\ 120 \quad | \quad 0,75 \\ 80 \\ 0 \end{array}$$

Vậy $12 : 16 = 0,75$.

- 12 chia 16 được 0, viết 0; 0 nhân 16 bằng 0; 12 trừ 0 bằng 12, viết 12.
- Để chia tiếp, ta viết dấu phẩy vào bên phải 0 ở thương vừa tìm được và viết thêm chữ số 0 vào bên phải 12 được 120.
- 120 chia 16 được 7, viết 7; 7 nhân 16 bằng 112; 120 trừ 112 bằng 8, viết 8, nhớ 5. 7 nhân 1 bằng 7, thêm 5 bằng 12; 12 trừ 12 bằng 0.
- Viết thêm chữ số 0 vào bên phải 8 được 80; 80 chia 16 được 5, viết 5. 5 nhân 16 bằng 80; 80 trừ 80 bằng 0, viết 0, nhớ 3. 5 nhân 1 bằng 5, thêm 3 bằng 8; 8 trừ 8 bằng 0.

Khi chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên mà còn dư, ta tiếp tục chia như sau:

- Viết dấu phẩy vào bên phải thương vừa tìm được.
- Viết thêm vào bên phải số dư một chữ số 0 rồi chia tiếp.
- Nếu còn dư, ta viết thêm vào bên phải số dư một chữ số 0 nữa rồi tiếp tục chia.

1. Đặt tính rồi tính:



2. Đ – S ?

$$\begin{array}{r} 29 \\ 10 \\ 20 \\ 0 \end{array} \bigg| \begin{array}{r} 4 \\ 725 \end{array} \quad ?$$

$$\begin{array}{r} 29 \\ 10 \\ 20 \\ 0 \end{array} \bigg| \begin{array}{r} 4 \\ 72,5 \end{array} \quad ?$$

$$\begin{array}{r} 29 \\ 10 \\ 20 \\ 0 \end{array} \bigg| \begin{array}{r} 4 \\ 0,725 \end{array} \quad ?$$

$$\begin{array}{r} 29 \\ 10 \\ 20 \\ 0 \end{array} \bigg| \begin{array}{r} 4 \\ 7,25 \end{array} \quad ?$$

3. Mười hai túi bột mì cân nặng 42 kg. Hỏi trung bình mỗi túi bột mì nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

56. LUYỆN TẬP

1. Đặt tính rồi tính:



a) $35,04 : 4$



b) $76 : 5$



c) $858,6 : 27$



d) $840 : 25$

2. Chọn giá trị đúng cho mỗi biểu thức:



$2,18 : 4 \times 100$



$43,6 : 8 \times 0,1$



$69 : 15 \times 10$



$23 : 5 \times 0,01$



0,545



46



54,5



0,046

3. Tính rồi so sánh các giá trị của $a : b$; $(a \times 5) : (b \times 5)$ và $(a \times 10) : (b \times 10)$.

a	b	$a : b$	$(a \times 5) : (b \times 5)$	$(a \times 10) : (b \times 10)$
35	4	?	?	?
47	8	?	?	?

Nhận xét: Khi nhân số bị chia và số chia với cùng một số khác 0 thì thương không thay đổi.

4. Em hỏi số chiều cao của bốn bạn trong tổ (theo đơn vị đo là mét), rồi tính xem trung bình mỗi bạn cao bao nhiêu mét.

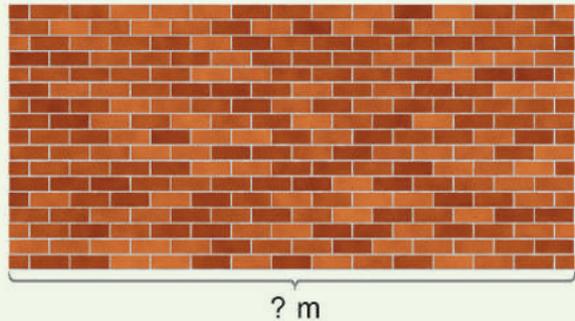


Tên	Chiều cao (m)
?	?
?	?
?	?
?	?
Tổng	?
Trung bình	?

57. CHIA SỐ TỰ NHIÊN CHO SỐ THẬP PHẦN



Diện tích bức tường là 3 m^2 . Bức tường dài bao nhiêu mét nhỉ?



Ta đưa về trường hợp chia các số tự nhiên.



Ta phải tính $3 : 1,2 = ? \text{ (m)}$.

Nhận xét: $3 : 1,2 = (3 \times 10) : (1,2 \times 10) = 30 : 12$

Vậy $3 : 1,2 = 30 : 12 = 2,5$.

Chiều dài bức tường là $2,5 \text{ m}$.



Đặt tính như sau:

$$\begin{array}{r} 30 \quad | \quad 1,2 \\ 60 \quad | \quad 2,5 \\ 0 \end{array}$$

- Phần thập phân của $1,2$ (số chia) có một chữ số.
- Viết thêm một chữ số 0 vào bên phải 3 (số bị chia) được 30 , bỏ dấu phẩy ở $1,2$ được 12 .
- Thực hiện phép chia $30 : 12$.

Ví dụ: Tính: $16 : 0,25 = ?$

$$16 : 0,25 = (16 \times 100) : (0,25 \times 100) = 1600 : 25$$

$$\text{Vậy } 16 : 0,25 = 1600 : 25 = 64$$

Đặt tính như sau:

$$\begin{array}{r} 1600 \quad | \quad 0,25 \\ 100 \quad | \quad 64 \\ 0 \end{array}$$

- Phần thập phân của $0,25$ có hai chữ số.
- Viết thêm hai chữ số 0 vào bên phải của 16 được 1600 ; bỏ dấu phẩy ở $0,25$ được 25 .
- Thực hiện phép chia $1600 : 25$.

Khi chia một số tự nhiên cho số thập phân, ta có thể làm như sau:

- Đếm xem phần thập phân của số chia có bao nhiêu chữ số, ta viết thêm bấy nhiêu chữ số 0 vào bên phải của số bị chia.
- Bỏ dấu phẩy ở số chia, rồi thực hiện phép chia như chia các số tự nhiên.



1. Đặt tính rồi tính:

a) $84 : 4,2$

b) $6 : 7,5$

c) $9 : 0,12$

2. Tính:

a) $68 \text{ cm} : 3,4$

b) $3 \text{ kg} : 4,8$

c) $54 \text{ l} : 0,45$



3. Một thanh thép dài $2,4 \text{ m}$ cân nặng 18 kg . Hỏi đoạn thép cùng loại dài 1 m cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

58. CHIA SỐ THẬP PHẦN CHO SỐ THẬP PHẦN



Vườn hoa có diện tích $15,3 \text{ m}^2$,
chiều rộng bằng $3,6 \text{ m}$.

Vậy chiều dài bằng
bao nhiêu mét nhỉ?



$3,6 \text{ m}$

? m

Ta phải tính $15,3 : 3,6 = ? \text{ (m)}$

$$15,3 : 3,6 = (15,3 \times 10) : (3,6 \times 10) \\ = 153 : 36.$$

Vậy $15,3 : 3,6 = 153 : 36 = 4,25$.

Đặt tính như sau:

$$\begin{array}{r} 15,3 \\ 90 \overline{) 3,6} \\ 180 \\ 0 \end{array}$$

- Phần thập phân của hai số $15,3$ và $3,6$ đều có một chữ số.
- Bỏ dấu phẩy ở hai số này, ta được số 153 và 36 .
- Thực hiện phép chia $153 : 36$.

Ví dụ: Tính: $2,425 : 0,25 = ?$

$$2,425 : 0,25 = (2,425 \times 100) : (0,25 \times 100) \\ = 242,5 : 25 = 9,7. \text{ Vậy } 2,425 : 0,25 = 9,7.$$

Đặt tính như sau:

$$\begin{array}{r} 2,42,5 \\ 175 \overline{) 0,25} \\ 0 \end{array}$$

- Phần thập phân của $0,25$ có hai chữ số.
- Bỏ dấu phẩy ở $0,25$ ta được 25 .
- Chuyển dấu phẩy của $2,425$ sang bên phải hai chữ số được $242,5$.
- Thực hiện phép chia $242,5 : 25$.

Khi chia một số thập phân cho một số thập phân ta làm như sau:

- Đếm xem có bao nhiêu chữ số ở phần thập phân của số chia thì chuyển dấu phẩy ở số bị chia sang bên phải bấy nhiêu chữ số.
- Bỏ dấu phẩy ở số chia rồi thực hiện phép chia cho số tự nhiên.



1. Đặt tính rồi tính:

a) $3,9 : 2,6$

b) $12,22 : 0,47$

2. Tính:

a) $19,8 \text{ l} : 0,3$

b) $4,48 \text{ m} : 2,8$

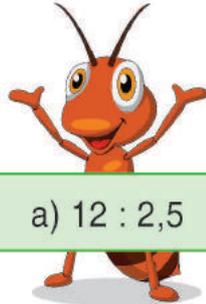
c) $9,06 \text{ kg} : 0,15$



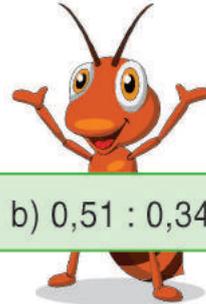
3. Biết rằng $1,5 \text{ l}$ nước biển cân nặng $1,539 \text{ kg}$. Hỏi 1 l nước biển như thế cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

59. LUYỆN TẬP

1. Đặt tính rồi tính:

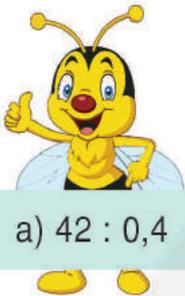


a) $12 : 2,5$



b) $0,51 : 0,34$

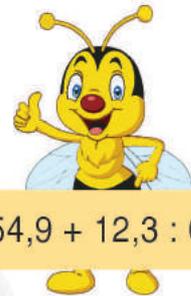
2. Tính:



a) $42 : 0,4$



b) $0,126 : 0,42$



c) $54,9 + 12,3 : 0,12$

3. $<, >, =$?

a) $1,45 \times 0,3$ $?$ $3,15 : 7,5$

b) $36,9 : 0,15$ $?$ $12,3 : 0,5$

c) $15,27 : 0,3$ $?$ $16,2 : 0,24$

4. Tính (theo mẫu):

Mẫu:

$$\begin{array}{r}
 14 : 3 = ? \\
 14 \quad | \quad 3 \\
 \underline{20} \quad | \quad 4,6666 \\
 20 \\
 \underline{20} \\
 20 \\
 \underline{20} \\
 2 \\
 14 : 3 = 4,6666
 \end{array}$$

Chỉ lấy đến 4 chữ số ở phần thập phân của thương.



a) $58 : 6$

b) $20 : 7$

5. Một đoạn ống dẫn nước dài 4,5 m cân nặng 0,81 kg. Hỏi đoạn ống dẫn nước cùng loại dài 1 m cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?



60. CHIA NHẨM MỘT SỐ THẬP PHÂN CHO 10; 100; 1 000;...



Mình đã thực hiện được nhân nhẩm một số thập phân với 10; 100; 1 000;...



Chia nhẩm một số thập phân cho 10; 100; 1 000; ... thì thực hiện thế nào nhỉ?

a) Chia nhẩm cho 10

$$124,5 : 10 = ?$$

$$124,5 : 10 = 124,5 \times \frac{1}{10}$$

$$= 124,5 \times 0,1 = 12,45.$$

Chia cho 10 cũng chính là nhân với 0,1. Dời dấu phẩy của số 124,5 sang bên trái 1 chữ số, ta được số 12,45.

Dời dấu phẩy của số 124,5 sang bên trái 2 chữ số, ta được số 1,245.

b) Chia nhẩm cho 100; 1 000

Tương tự, ta có: $124,5 : 100 = 1,245$

$$124,5 : 1\,000 = 0,1245.$$

Dời dấu phẩy của số 1,245 sang bên trái 3 chữ số, ta được số 0,1245.

Muốn chia một số thập phân cho 10; 100; 1 000; ... ta chỉ việc dời dấu phẩy của số đó tương ứng sang bên trái 1; 2; 3; ... chữ số.



1. Tính nhẩm:

$$812,3 : 10$$

$$812,3 : 100$$

$$812,3 : 1\,000$$

$$91,5 : 10$$

$$91,5 : 100$$

$$91,5 : 1\,000$$

$$174 : 10$$

$$174 : 100$$

$$174 : 1\,000$$

2. Số ?

a) $503,8 \text{ m} = \boxed{?} \text{ km}$

b) $1,25 \text{ tạ} = \boxed{?} \text{ tấn}$

c) $6,4 \text{ dm}^2 = \boxed{?} \text{ m}^2$



3. Quan sát tranh bên rồi tìm số thích hợp thay cho $\boxed{?}$:

Bốn hộp sữa nặng $\boxed{?}$ kg.



2,1 kg



61. CHIA NHẨM MỘT SỐ THẬP PHÂN CHO 0,1; 0,01; 0,001; ...



Minh đã thực hiện được chia nhẩm một số thập phân cho 10; 100; 1 000; ...



Chia nhẩm một số thập phân cho 0,1; 0,01; 0,001; ... thì thực hiện thế nào nhỉ?

a) Chia nhẩm cho 0,1

$$1,534 : 0,1 = ?$$

$$1,534 : 0,1 = (1,534 \times 10) : (0,1 \times 10) \\ = 15,34 : 1 = 15,34.$$

Dời dấu phẩy của số 1,534 sang bên phải 1 chữ số, ta được số 15,34.

Dời dấu phẩy của số 1,534 sang bên phải 2 chữ số, ta được số 153,4.

Dời dấu phẩy của số 1,534 sang bên phải 3 chữ số, ta được số 1 534.

b) Chia nhẩm cho 0,01; 0,001

Tương tự, ta có: $1,534 : 0,01 = 153,4$

$$1,534 : 0,001 = 1 534.$$

Khi chia một số thập phân cho 0,1; 0,01; 0,001; ... ta chỉ việc dời dấu phẩy của số đó tương ứng sang bên phải 1; 2; 3; ... chữ số.



1. Tính nhẩm:

q	q : 0,1	q : 0,001
1,802	?	?
0,47	?	?

2. <, >, = ?

a) $8,15 : 0,1$ $79,5$

b) $9,62$ $0,0962 : 0,001$

c) $4,073 : 0,01$ $4 073 : 10$



3. Cô Mai hoà 0,2 l si-rô mơ vào 3 l nước lọc để pha nước mơ. Sau đó cô chia số nước mơ đó vào các cốc, mỗi cốc đựng 0,1 l. Hỏi có bao nhiêu cốc nước mơ?

62. LUYỆN TẬP

 1. Tính nhẩm:



2. Số ?

a) $74,8 \text{ kg} = \boxed{?} \text{ g}$

b) $5,02 \text{ dm}^2 = \boxed{?} \text{ cm}^2$

c) $19,3 \text{ dm} = \boxed{?} \text{ m}$

d) $650 \text{ ml} = \boxed{?} \text{ l}$

3. Số ?



 4. Cô Hoa có một mảnh vải lụa dài 8 m. Cô đã dùng hết 6,4 m. Phần vải còn lại cô dùng để kết nơ, mỗi cái nơ hết 0,1 m vải. Hỏi cô Hoa đã kết được bao nhiêu cái nơ?

63. LUYỆN TẬP CHUNG

 1. Tính nhẩm:



$32,8 : 10$
 $2,98 : 0,1$



$572,6 : 100$
 $65,21 : 0,01$

$568,34 : 1\,000$
 $9,032 : 0,001$



2. Đặt tính rồi tính:



a) $483 : 35$



b) $0,126 : 6$



c) $926,8 : 0,28$

3. Đ - S ?

6,592		32
65		2,06
19		
192		
0		?

6,592		32
65		0,26
19		
192		
0		?

6,592		32
65		0,206
19		
192		
0		?

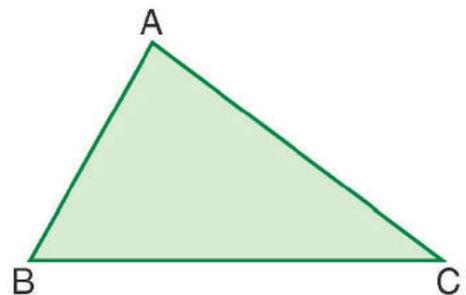
6,592		32
65		206
19		
192		
		?

4. Một ô tô chở 4 chuyến được tất cả 19,2 tấn gạo. Để chở hết 115,2 tấn gạo, ô tô đó cần chở bao nhiêu chuyến? Biết mỗi chuyến xe chở số gạo như nhau.

 5. Số ?

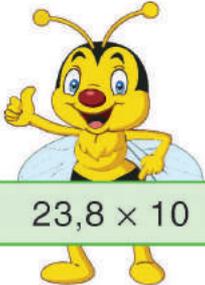
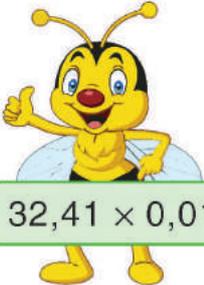
Hình tam giác ABC có tổng độ dài cạnh AB và BC là 9,1 cm; tổng độ dài cạnh BC và AC là 12,5 cm; tổng độ dài cạnh AC và AB là 10,7 cm.

Chu vi hình tam giác ABC là ? cm.



64. LUYỆN TẬP CHUNG

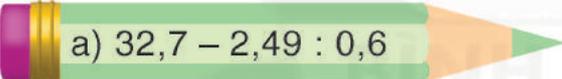
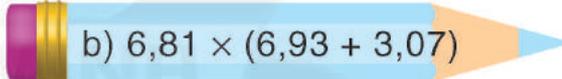
1. Chọn các cặp phép tính có kết quả giống nhau:

 $23,8 \times 10$	 $324,1 \times 10$	 $32,41 \times 0,01$	 $2\ 380 \times 0,1$
 $32,41 : 0,01$	 $2\ 380 : 10$	 $23,8 : 0,1$	 $32,41 : 100$

2. Đặt tính rồi tính:

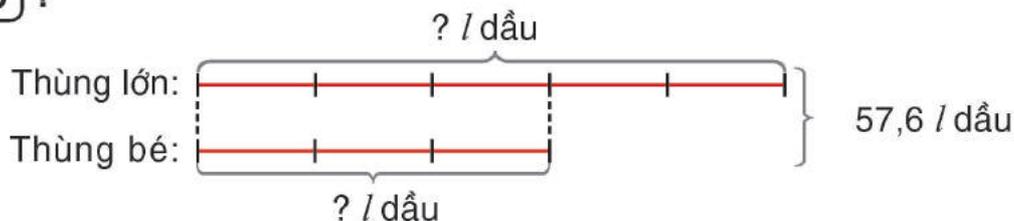
 $1,26 \times 2,9$	 $7,6 \times 0,68$	 $1,898 : 1,3$	 $6\ 307 : 0,7$
---	---	--	--

3. Tính giá trị biểu thức:

 a) $32,7 - 2,49 : 0,6$	 b) $6,81 \times (6,93 + 3,07)$
--	---

4. Một động cơ hoạt động trong 3 giờ hết 1,35 l dầu. Để động cơ đó hoạt động trong 7 giờ thì cần bao nhiêu lít dầu? Biết rằng số lít dầu động cơ tiêu thụ trong mỗi giờ là như nhau.

5. Số ?



Thùng lớn có l dầu và thùng bé có l dầu.

65. ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 3

 1. Đặt tính rồi tính:



$$\text{a) } 54,27 + 6,328$$



$$\text{b) } 907,51 + 8,6$$



$$\text{c) } 23,46 - 2,547$$

2. Đặt tính rồi tính:



$$\text{a) } 3,07 \times 0,5$$



$$\text{b) } 4,38 \times 0,26$$



$$\text{c) } 13,94 : 0,4$$

3. Tính nhẩm:

a)

$$\begin{array}{l} 21,6 \times 1000 \\ 143 \times 0,1 \end{array} \quad \begin{array}{l} 82,6 \times 0,001 \\ 4,8 \times 100 \end{array}$$

b)

$$\begin{array}{l} 18,2 : 10 \\ 304 : 1000 \end{array} \quad \begin{array}{l} 9,3 : 0,01 \\ 62,1 : 0,001 \end{array}$$

4. Một khu đất hình chữ nhật có chu vi bằng 42 m. Chiều dài hơn chiều rộng 6 m. Tính diện tích khu đất đó.

 5. Chiều cao trung bình của trẻ em Việt Nam có cách tính như sau:

Chiều cao trung bình của trẻ bằng:

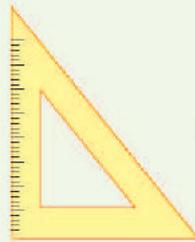
$$0,75 \text{ m} + 0,05 \text{ m} \times (\text{số tuổi theo năm dương lịch của trẻ} - 1)$$

(Nguồn: Bài viết đăng trên báo VnExpress ngày 10/6/2013)

a) Tính chiều cao trung bình của trẻ em Việt Nam 10 tuổi.

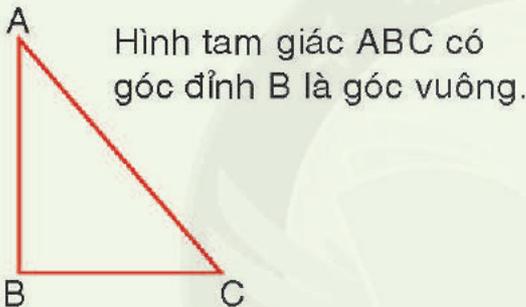
b) So sánh chiều cao của em với chiều cao trung bình của trẻ em Việt Nam 10 tuổi.

**66. TAM GIÁC VUÔNG. TAM GIÁC TÙ.
TAM GIÁC NHỌN. TAM GIÁC ĐỀU**



Cái ê ke cho ta hình ảnh một tam giác vuông.

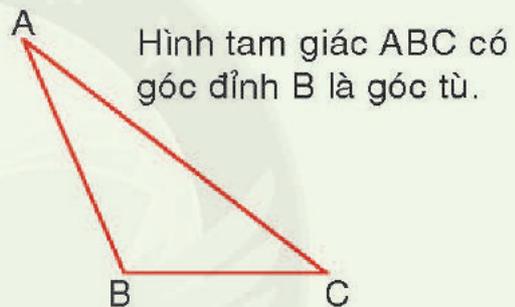
a) Tam giác vuông



Hình tam giác ABC có góc đỉnh B là góc vuông.

Ta nói: Hình tam giác ABC là tam giác vuông.
Hình tam giác có một góc vuông là tam giác vuông.

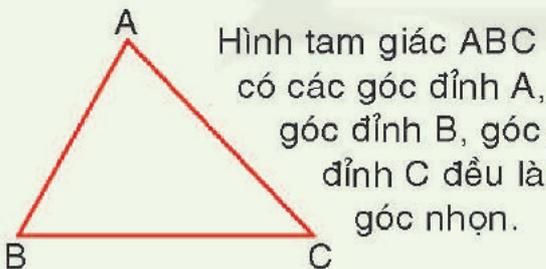
b) Tam giác tù



Hình tam giác ABC có góc đỉnh B là góc tù.

Ta nói: Hình tam giác ABC là tam giác tù.
Hình tam giác có một góc tù là tam giác tù.

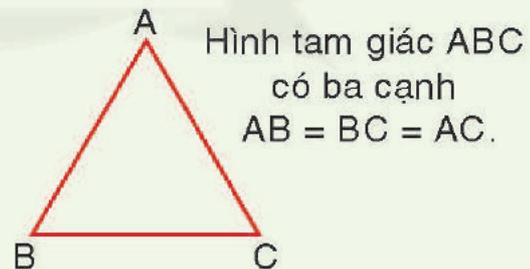
c) Tam giác nhọn



Hình tam giác ABC có các góc đỉnh A, góc đỉnh B, góc đỉnh C đều là góc nhọn.

Ta nói: Hình tam giác ABC là tam giác nhọn.
Hình tam giác có ba góc nhọn là tam giác nhọn.

d) Tam giác đều



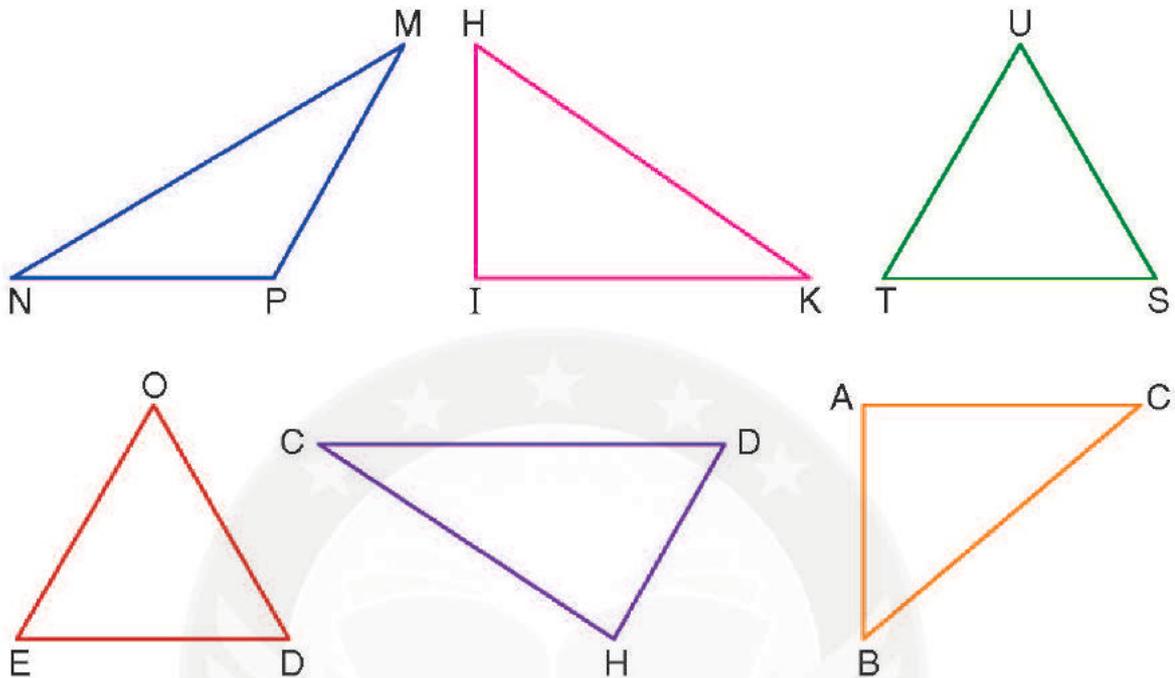
Hình tam giác ABC có ba cạnh $AB = BC = AC$.

Ta nói: Hình tam giác ABC là tam giác đều.
Tam giác đều có ba góc bằng nhau và đều bằng 60° .
Hình tam giác có ba cạnh bằng nhau là tam giác đều.



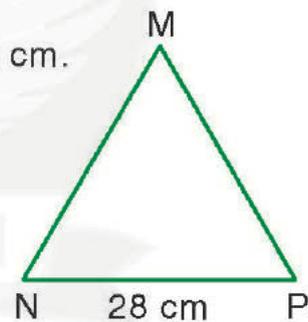
1. Trong các hình tam giác dưới đây, hình tam giác nào là:

- a) Tam giác vuông. b) Tam giác nhọn.
c) Tam giác tù. d) Tam giác đều.

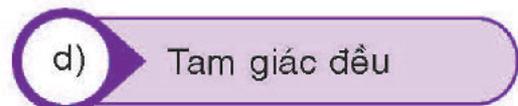
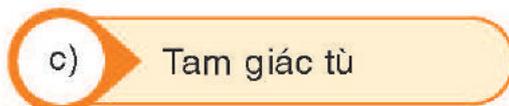
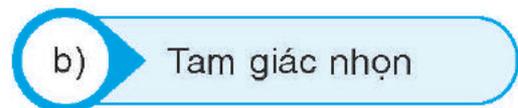
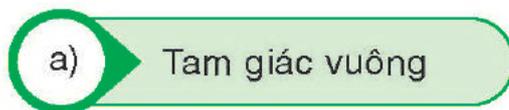


2. Cho hình tam giác đều MNP có cạnh bằng 28 cm.

- a) Các góc đỉnh M, góc đỉnh N, góc đỉnh P có số đo bằng bao nhiêu độ?
b) Tính chu vi hình tam giác MNP bằng hai cách.



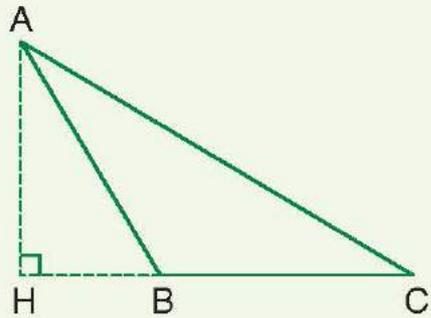
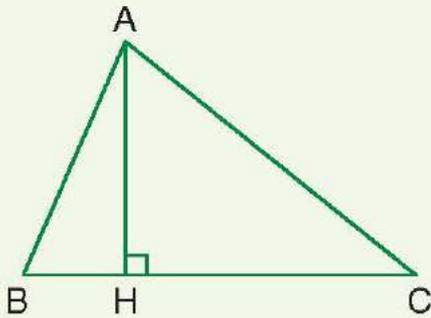
3. Nêu hình ảnh trong thực tế về:



67. ĐƯỜNG CAO CỦA HÌNH TAM GIÁC



a) Đáy và đường cao hình tam giác



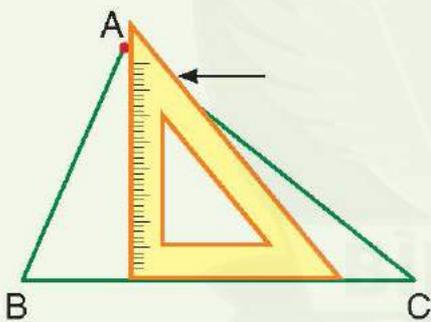
Cho hình tam giác ABC, AH vuông góc với BC.

- Ta gọi cạnh BC là **đáy**, AH là **đường cao** ứng với đáy BC.
- Độ dài AH gọi là **chiều cao** của tam giác ABC.

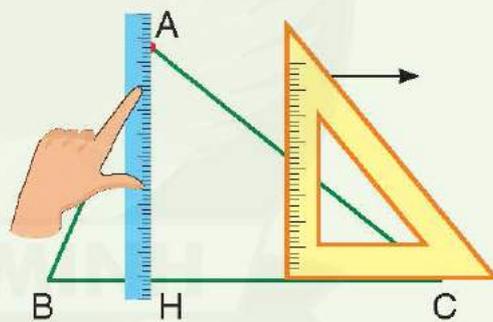
b) Vẽ đường cao hình tam giác

Ví dụ: Cho hình tam giác ABC. Vẽ đường cao AH ứng với đáy BC.

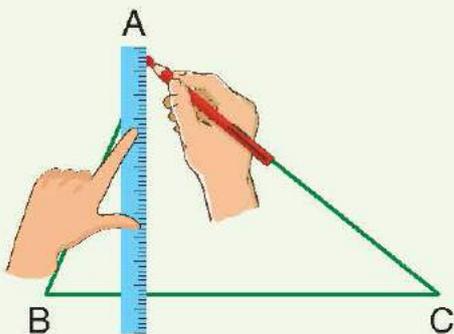
Bước 1:



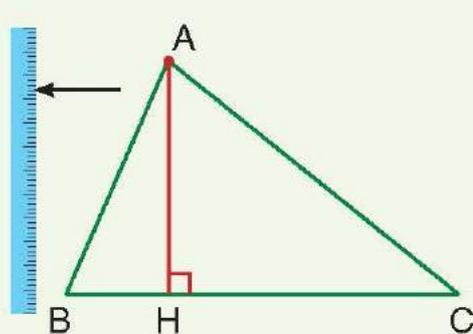
Bước 2:



Bước 3:

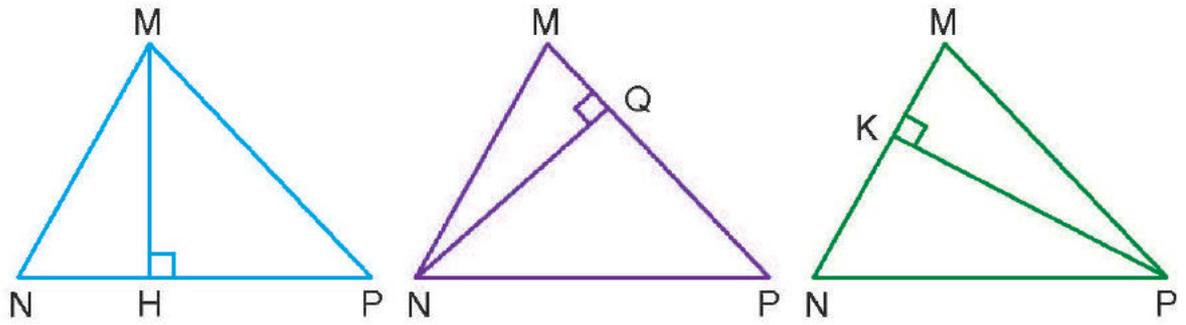


Bước 4:

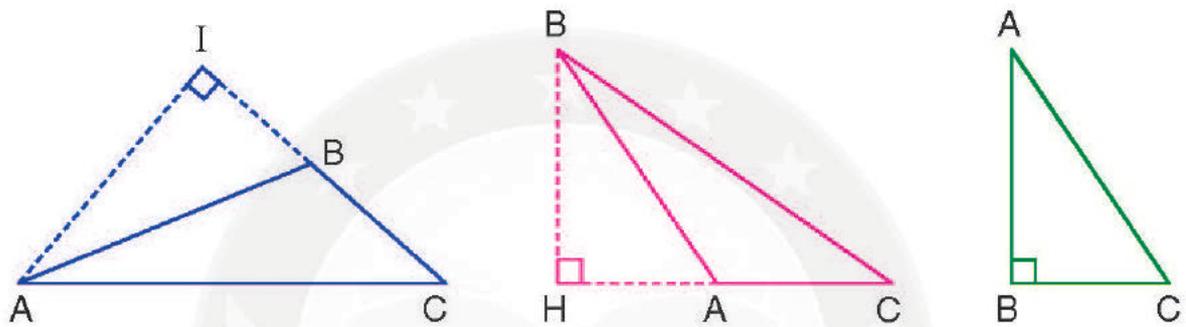




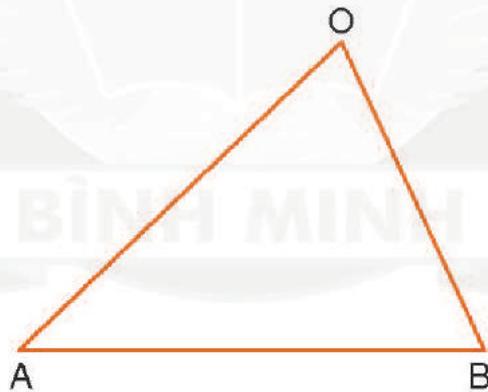
1. Nêu tên đáy và đường cao tương ứng của mỗi hình tam giác MNP sau:



2. Nêu tên đáy và đường cao tương ứng của mỗi tam giác sau:



3. Vẽ đường cao của hình tam giác OAB.



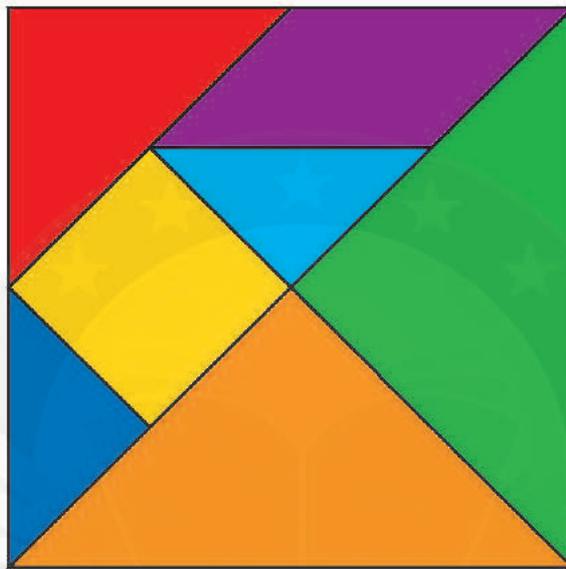
68. THỰC HÀNH – TRẢI NGHIỆM: CHÚNG EM TẠO HÌNH

Em muốn biết

Lắp ghép, tạo hình.

Chuẩn bị

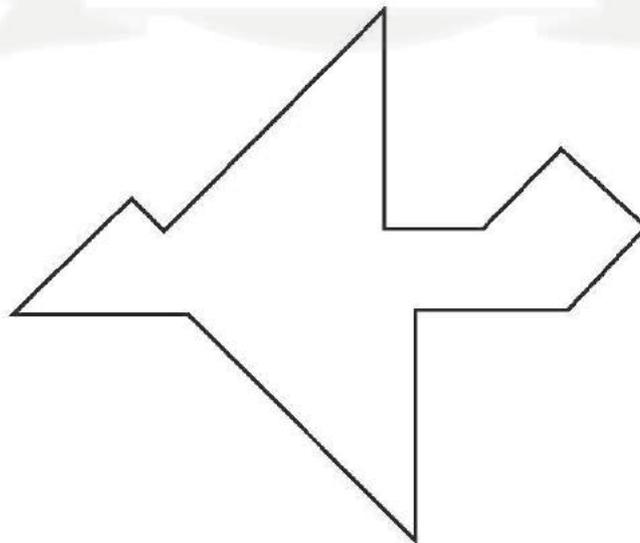
Mỗi nhóm hai học sinh có một bộ lắp ghép hình Tan-gờ-ram (Hình 1).



Hình 1

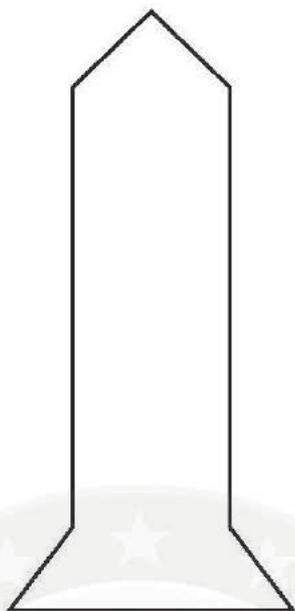
Các hoạt động

Hoạt động 1: Dùng bộ Tan-gờ-ram ghép lại để được hình máy bay (Hình 2).



Hình 2

Hoạt động 2: Dùng bộ Tan-gờ-ram ghép lại để được hình tên lửa (Hình 3).



Hình 3

Hoạt động 3: Dùng bộ Tan-gờ-ram để xếp thành hình mà em yêu thích.



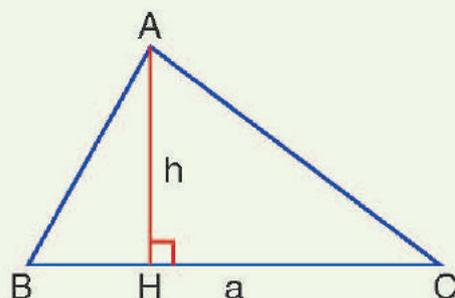
Giao lưu - chia sẻ

- Các nhóm trưng bày sản phẩm.
- Về nhà chia sẻ cùng gia đình và cộng đồng.

69. DIỆN TÍCH HÌNH TAM GIÁC



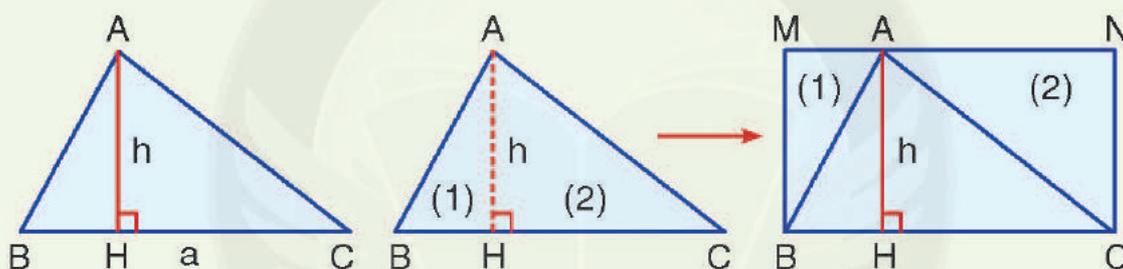
Ta đã biết cách tính diện tích hình chữ nhật.



Vậy tính diện tích hình tam giác thế nào nhỉ?



- Cho hai mảnh bìa hình tam giác bằng nhau, có độ dài đáy bằng a và chiều cao bằng h (như hình vẽ).
- Cắt một mảnh bìa theo đường cao AH rồi ghép lại để được một hình chữ nhật $MNCB$ như hình dưới.



Nhìn vào hình vẽ ta thấy:

- Hình chữ nhật $MNCB$ có $BC = a$ và $MB = AH = h$.
- Hai lần diện tích hình tam giác $ABC =$ Diện tích hình chữ nhật $MNCB = BC \times MB = a \times h$.

Vậy diện tích hình tam giác ABC là $\frac{a \times h}{2}$.

Muốn tính diện tích hình tam giác ta lấy độ dài đáy nhân với chiều cao (cùng đơn vị đo) rồi chia cho 2.

$$S = \frac{a \times h}{2}$$

Trong đó, S là diện tích, a là độ dài đáy và h là chiều cao của hình tam giác (a và h cùng đơn vị đo).

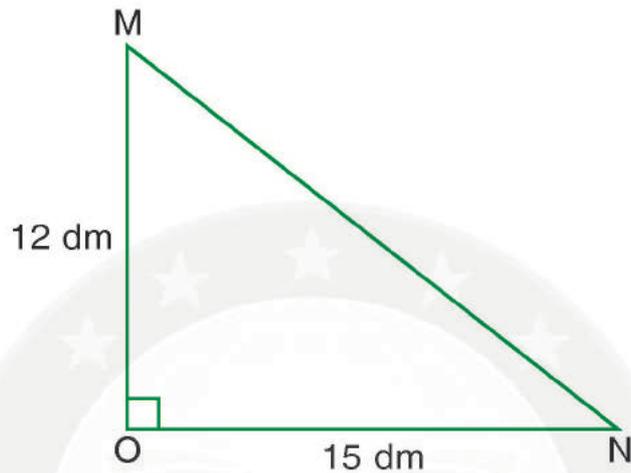


1. Tính diện tích hình tam giác ABC, biết rằng:

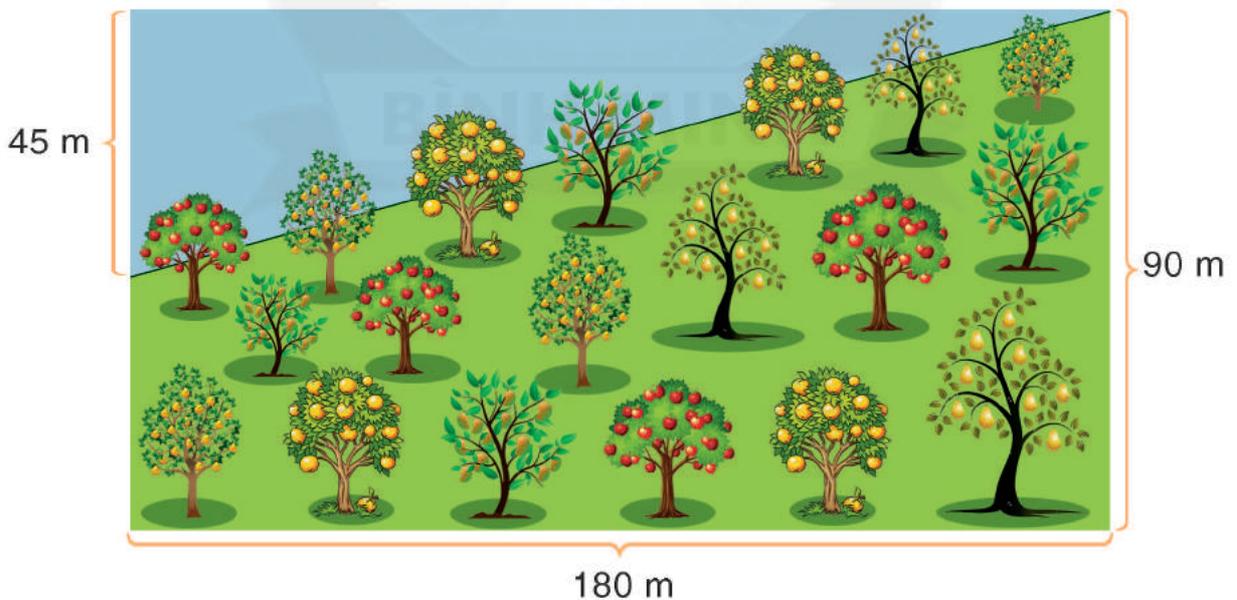
a) Đáy bằng 24 cm và chiều cao bằng 15 cm.

b) Đáy bằng 35 m và chiều cao bằng 24 m.

2. Cho hình tam giác OMN như hình vẽ. Hỏi diện tích hình tam giác OMN bằng bao nhiêu mét vuông?



3. Chú Tư Sáng có khu vườn hình chữ nhật. Chú hiến tặng phần đất hình tam giác để làm đường, phần đất còn lại trồng cây ăn quả (xem hình dưới). Tính diện tích phần đất trồng cây ăn quả.



70. LUYỆN TẬP

1. Số ?

a) Cho hình tam giác ABC có đáy $BC = 25$ dm và đường cao $AH = 11$ dm.

Diện tích hình tam giác ABC bằng m^2 .

b) Hình tam giác MNP có góc M là góc vuông, $MN = 60$ cm và $MP = 1,8$ m.

Diện tích hình tam giác MNP bằng m^2 .

2. Đ - S ?

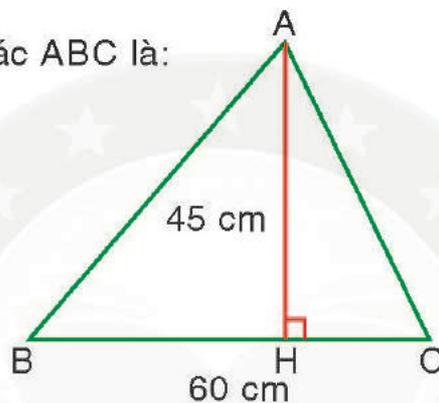
Diện tích hình tam giác ABC là:

a) $2\,700\text{ cm}^2$.

b) $1\,350\text{ cm}$.

c) $1\,350\text{ cm}^2$.

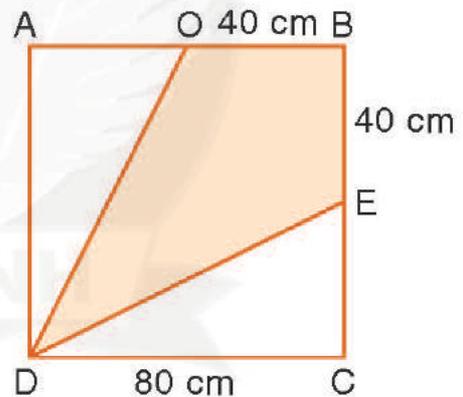
d) $0,135\text{ m}^2$.



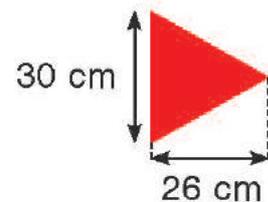
3. Số ?

Cho ABCD là hình vuông.

Diện tích phần tô màu bằng cm^2 .



4. Một người thợ dùng băng vải hình chữ nhật để may cờ đuôi nheo hình tam giác đều như hình vẽ.



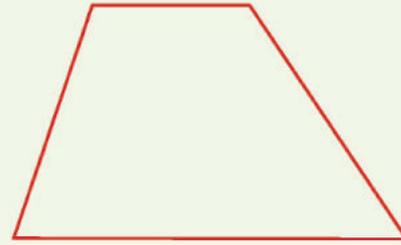
a) Tính diện tích một lá cờ đuôi nheo.

b) Mỗi băng vải có thể may được nhiều nhất bao nhiêu lá cờ đuôi nheo?

71. HÌNH THANG



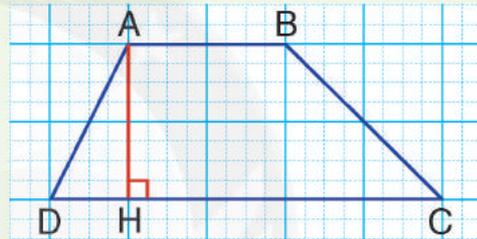
Cái thang cho ta hình ảnh về hình thang.



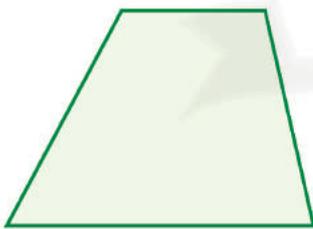
Hình thang

Hình thang ABCD có:

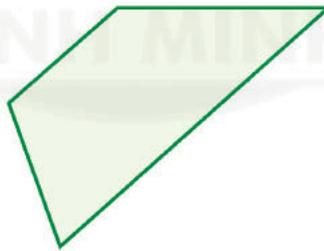
- Hai cạnh đáy AB và DC song song với nhau.
- AB là đáy bé, DC là đáy lớn. AD và BC là các cạnh bên.
- AH là đường cao, độ dài của AH gọi là chiều cao.



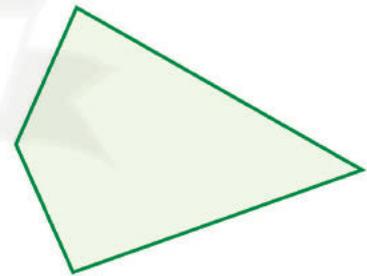
1. Trong các hình dưới đây, hình nào là hình thang?



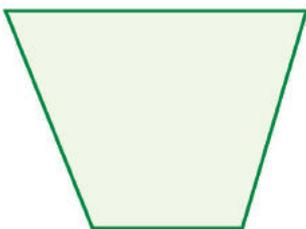
Hình 1



Hình 2



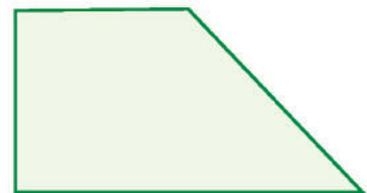
Hình 3



Hình 4



Hình 5

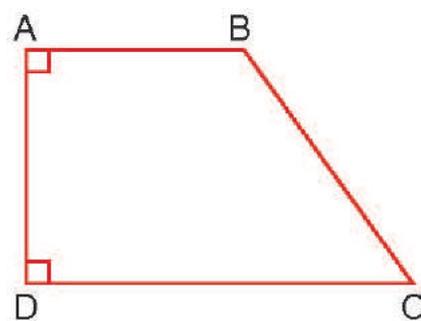


Hình 6

2. Nêu chữ thích hợp thay cho \square :

Cho ABCD là hình thang.

- a) Các cạnh \square song song với nhau.
- b) Cạnh AD vuông góc với các cạnh \square .
- c) Đường cao của hình thang ABCD là \square .

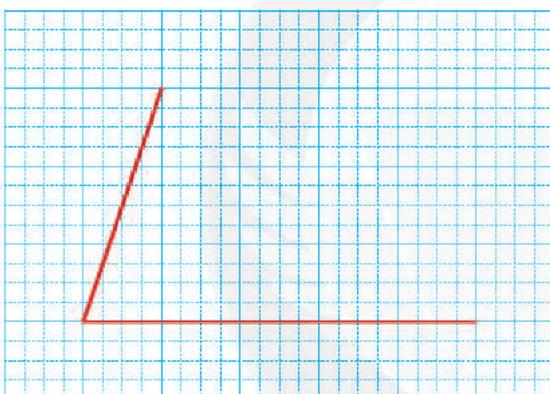


Chú ý: Hình thang có một cạnh bên vuông góc với hai cạnh đáy gọi là *hình thang vuông*.



3. Nêu cách vẽ thêm hai đoạn thẳng vào mỗi hình dưới đây để được:

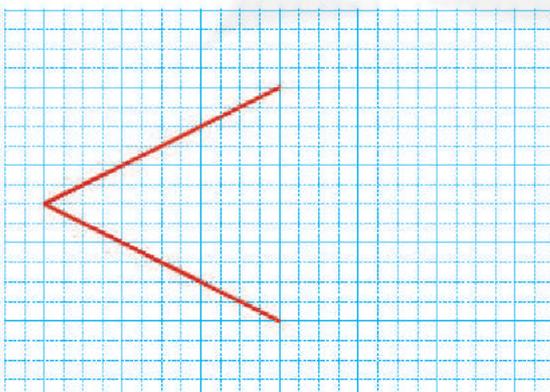
a) Một hình thang



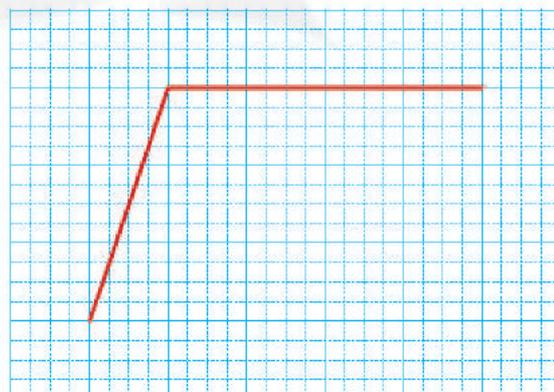
b) Một hình thang vuông



c) Một hình thoi



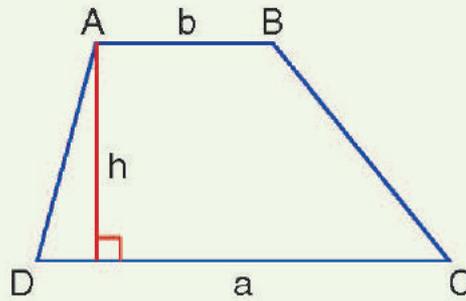
d) Một hình bình hành



72. DIỆN TÍCH HÌNH THANG

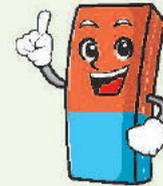


Ta đã biết cách tính diện tích hình chữ nhật và diện tích hình tam giác.



$S = ?$

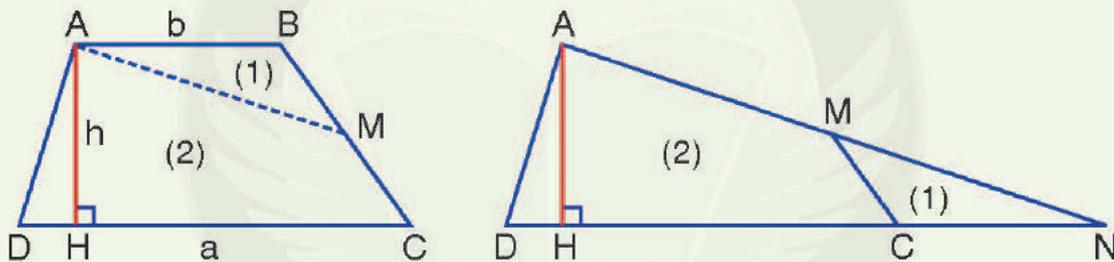
Vậy tính diện tích hình thang thế nào nhỉ?



Ví dụ: Cho hình thang ABCD có $AB = b$, $CD = a$ và $AH = h$. Tính diện tích hình thang ABCD.

Học sinh thực hiện các thao tác dưới đây:

Cách 1: Cắt mảnh bìa hình thang có đáy lớn bằng a , đáy nhỏ bằng b và chiều cao bằng h thành hai mảnh rồi ghép thành hình tam giác như hình dưới đây:



Nhìn hình vẽ ta thấy:

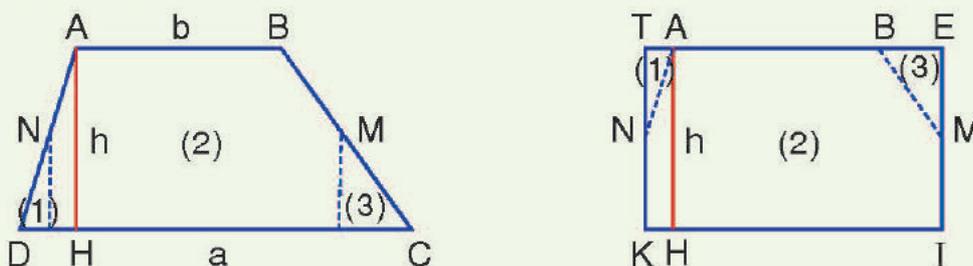
Diện tích hình thang ABCD bằng diện tích hình tam giác ADN và bằng

$$\frac{DN \times AH}{2} = \frac{(DC + CN) \times AH}{2}$$

Vậy diện tích hình thang ABCD bằng

$$\frac{(DC + AB) \times AH}{2} = \frac{(a + b) \times h}{2}$$

Cách 2: Cắt mảnh bìa hình thang có đáy lớn bằng a , đáy nhỏ bằng b và chiều cao bằng h thành ba mảnh rồi ghép thành hình chữ nhật như hình dưới đây:



Nhìn hình vẽ ta thấy:

Diện tích hình thang ABCD bằng diện tích hình chữ nhật TEIK và bằng

$$\begin{aligned} TE \times TK &= \frac{(DC + AB)}{2} \times TK \\ &= \frac{(DC + AB) \times TK}{2} = \frac{(DC + AB) \times AH}{2} \end{aligned}$$

Vậy diện tích hình thang ABCD bằng

$$\frac{(DC + AB) \times AH}{2} = \frac{(a + b) \times h}{2}$$

Muốn tính diện tích hình thang, ta lấy tổng độ dài hai đáy nhân với chiều cao (cùng đơn vị đo) rồi chia cho 2.

$$S = \frac{(a + b) \times h}{2}$$

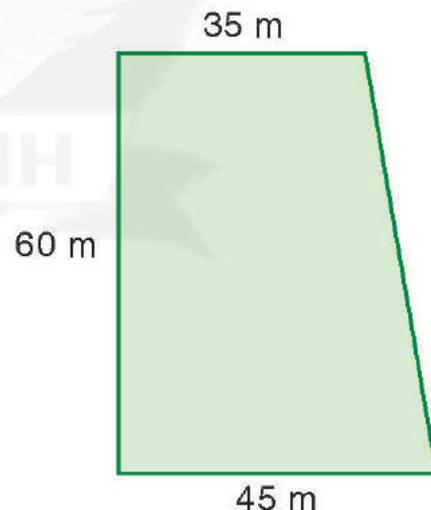
Trong đó, S là diện tích, a là độ dài đáy lớn, b là độ dài đáy bé, h là chiều cao của hình thang (a, b, h cùng đơn vị đo).



1. Tính diện tích hình thang ABCD, biết:

- Đáy bé AB = 16 cm, đáy lớn DC = 26 cm và đường cao AH = 15 cm.
- Đáy bé AB = 4,2 m, đáy lớn DC = 7,4 m và đường cao AH = 3,5 m.

2. Một vườn hoa có dạng hình thang vuông có kích thước như hình bên. Các cô chú công nhân dành $\frac{1}{4}$ diện tích khu đất để trồng hoa, $\frac{3}{5}$ diện tích để trồng cây cảnh. Phần còn lại là lối đi. Tính diện tích lối đi trong vườn hoa đó.

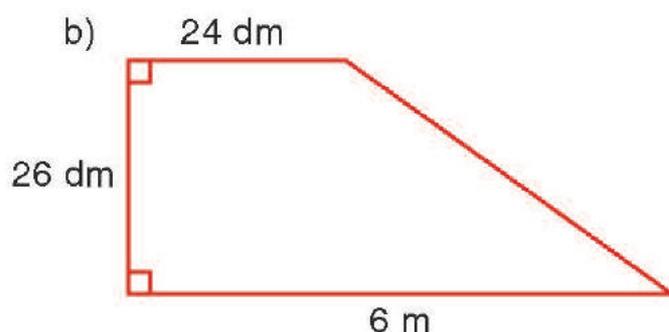
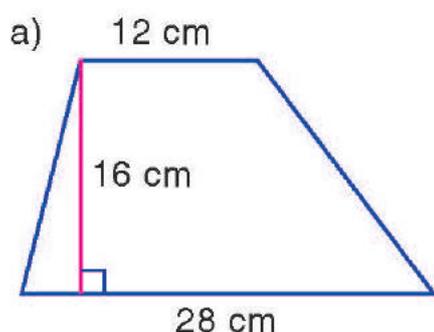


3. Số ?

Bác Năm Giới cấy lúa trên một thửa ruộng có dạng hình thang có đáy lớn bằng 84 m, gấp đôi đáy bé và hơn chiều cao 20 m. Trung bình cứ 100 m² bác thu hoạch được 80 kg thóc. Số thóc bác thu hoạch được trên thửa ruộng đó là (?) tấn.

73. LUYỆN TẬP

-  1. Tính diện tích các hình thang sau:



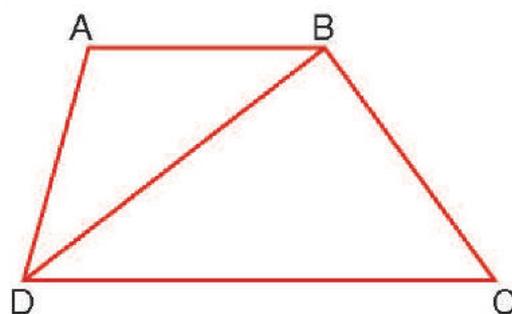
2. Một miếng tôn có dạng hình thang có đáy lớn bằng 55 dm, đáy bé bằng 35 dm. Chiều cao bằng trung bình cộng của hai đáy. Hỏi diện tích miếng tôn đó bằng bao nhiêu mét vuông?
3. Một khu đất có dạng hình thang có kích thước như hình dưới. Người ta dành $\frac{4}{5}$ diện tích khu đất để trồng hoa. Trung bình cứ 100 m² thu hoạch được 5000000 đồng tiền hoa. Hỏi người ta thu hoạch được bao nhiêu tiền hoa trên khu đất đó?



-  4. Số ?

Cho hình thang ABCD có đáy lớn DC gấp đôi đáy bé AB.

- a) Diện tích tam giác BDC gấp lần diện tích hình tam giác DAB.
- b) Diện tích hình thang ABCD gấp lần diện tích hình tam giác ABD.



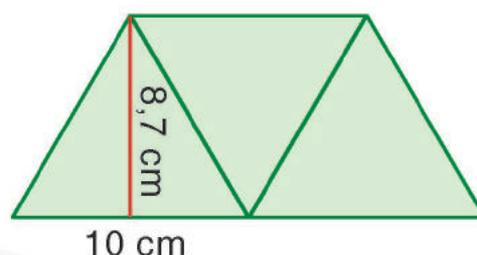
74. LUYỆN TẬP CHUNG



1. a) Tính diện tích hình tam giác, biết độ dài cạnh đáy $a = 1,2$ m và chiều cao $h = 8$ dm.

b) Cho hình tam giác ABC có góc đỉnh A là góc vuông và $AB = 18$ cm, $AC = 15$ cm. Tính diện tích hình tam giác ABC.

2. Một mảnh bìa hình thang được ghép bởi 3 mảnh bìa hình tam giác đều bằng nhau, có độ dài cạnh đáy bằng 10 cm, chiều cao bằng 8,7 cm. Tính diện tích mảnh bìa hình thang đó.



3. Một tấm nhựa hình thang có chiều cao bằng 20 dm. Biết chiều cao bằng trung bình cộng của độ dài hai đáy. Hỏi diện tích tấm nhựa đó bằng bao nhiêu mét vuông?



4. Số ?

Một khu đất dạng hình thang vuông có đáy lớn gấp đôi đáy bé. Nếu rút ngắn đáy lớn để được một khu đất hình vuông thì diện tích khu đất ban đầu sẽ giảm đi 150 m².

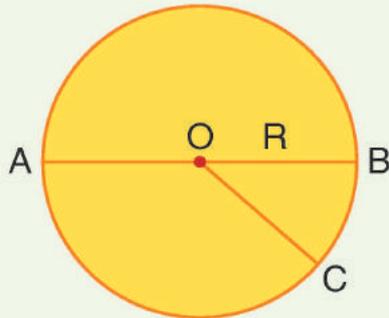
Diện tích khu đất hình thang vuông đó là m².



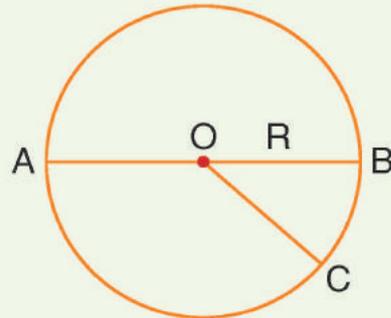
75. ĐƯỜNG TRÒN. THỰC HÀNH VẼ ĐƯỜNG TRÒN



a) Hình tròn và đường tròn



Hình tròn tâm O



Đường tròn tâm O

Cho hình tròn tâm O.

- Đường bao quanh hình tròn tâm O gọi là đường tròn tâm O.
- Lấy điểm A trên đường tròn, nối tâm O với điểm A ta được bán kính OA của hình tròn.
- Tâm, bán kính và đường kính của hình tròn cũng là *tâm, bán kính và đường kính của đường tròn đó*.

Trong hình trên: O là tâm, AB là đường kính và OA, OB, OC là các bán kính của đường tròn.

b) Vẽ đường tròn

Ví dụ: Dùng com-pa, vẽ đường tròn tâm O, bán kính 3 cm.

- Mở com-pa để đầu com-pa trùng với vạch 0 cm và đầu bút chì trùng với vạch 3 cm trên thước (Hình 1).
- Đặt đầu com-pa trùng với điểm O, cho đầu bút chì sát với mặt giấy rồi quay một vòng (Hình 2).



Hình 1



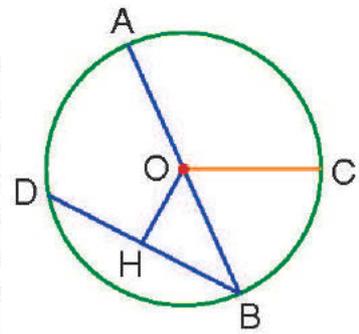
Hình 2

1. Đ - S ?

Cho đường tròn tâm O như hình bên.

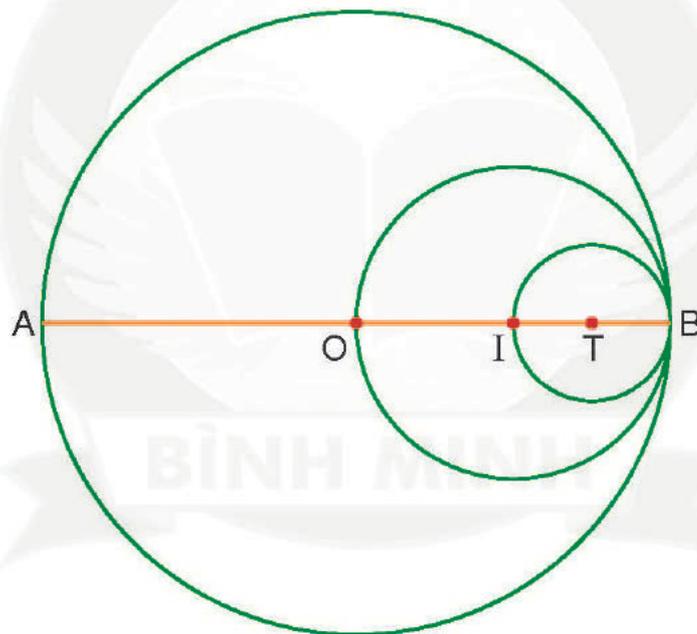
- a) AB là đường kính của đường tròn.
- b) DB là đường kính của đường tròn.
- c) OA, OB, OC là các bán kính của đường tròn.
- d) OH là bán kính của đường tròn.

-
-
-
-



2. Cho các đường tròn tâm O, tâm I và tâm T như hình dưới. Biết bán kính của đường tròn tâm T có độ dài bằng 2 cm. Tính:

- a) Độ dài đường kính của các đường tròn tâm T, tâm I và tâm O.
- b) Độ dài bán kính của các đường tròn tâm O và tâm I.



3. Vẽ vào vở đoạn thẳng $AB = 6$ cm. Dùng com-pa hãy vẽ:

- a) Một đường tròn tâm A, bán kính 4 cm.
- b) Một đường tròn tâm B, bán kính 2 cm.

76. THỰC HÀNH – TRẢI NGHIỆM: VẼ TRANG TRÍ HÌNH TRÒN

Em muốn biết

Cách vẽ, trang trí các hình.

Chuẩn bị

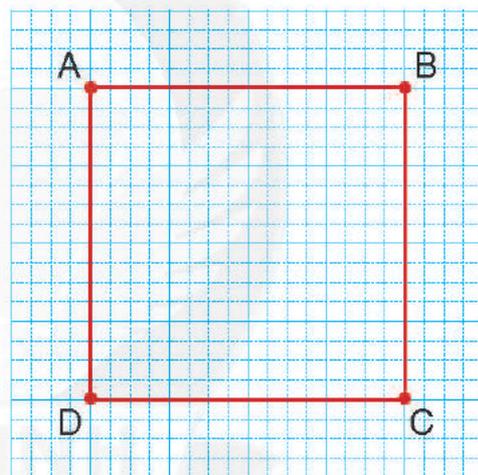
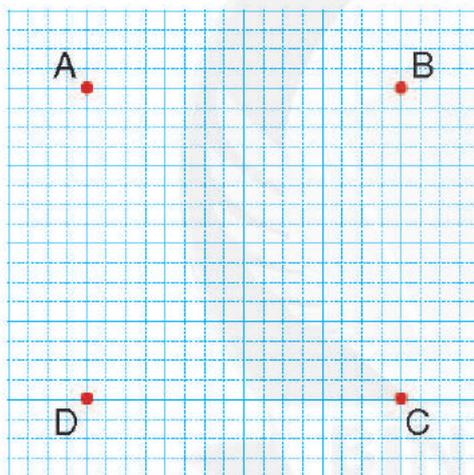
- Giấy kẻ ô li.
- Bộ đồ dùng học tập Toán 5.

Các hoạt động

Hoạt động 1: Vẽ trang trí hình vuông.

Bước 1: Trên giấy kẻ ô li, vẽ 4 điểm A, B, C, D như hình vẽ.

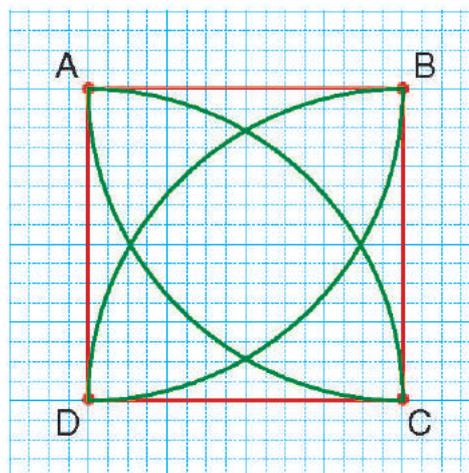
Bước 2: Dùng thước kẻ nối 4 điểm A, B, C, D được hình vuông ABCD.



Bước 3: Dùng com-pa lần lượt vẽ các đường tròn

- Tâm A, bán kính AB.
- Tâm B, bán kính BC.
- Tâm C, bán kính CD.
- Tâm D, bán kính DA.

Bước 4: Tô màu trang trí hình vừa vẽ.

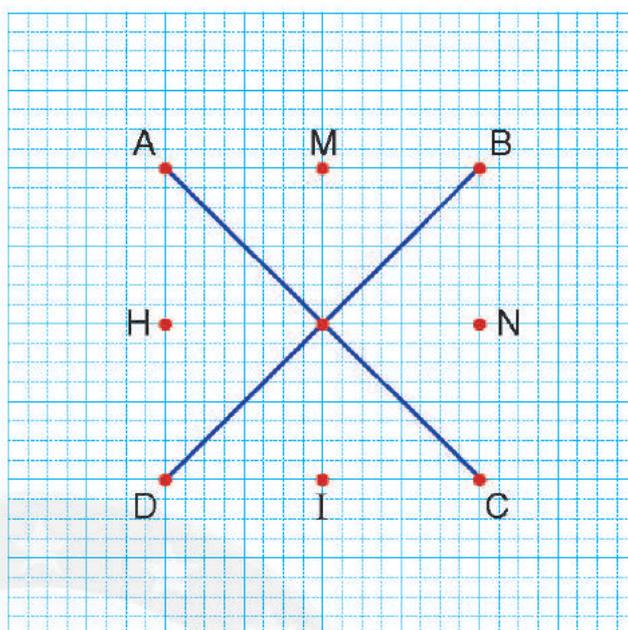


Vẽ phần đường tròn tâm A: com-pa quay từ B đến D.



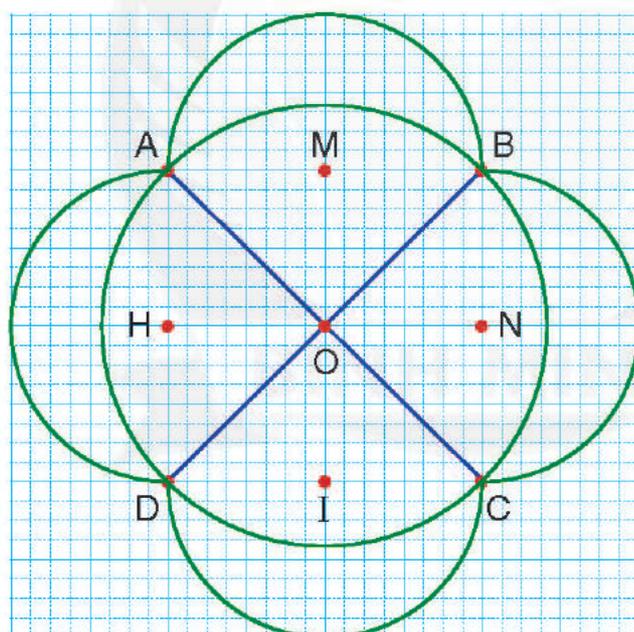
Hoạt động 2: Vẽ trang trí hình tròn.

Bước 1: Trên tờ giấy kẻ ô li: vẽ các điểm A, B, C, D, M, N, I, H như hình bên.



Bước 2: Dùng com-pa, lần lượt vẽ các đường tròn:

- Tâm O, bán kính OA.
- Tâm M, N, I, H, bán kính 2 ô li như hình dưới đây:



Vẽ phần hình tròn tâm M: com-pa quay từ A đến B.



Bước 3: Tô màu trang trí hình vừa vẽ được.



Giao lưu – chia sẻ

- Các nhóm trưng bày sản phẩm.
- Về nhà chia sẻ cùng gia đình và cộng đồng.

77. CHU VI HÌNH TRÒN



- Lấy hình tròn bằng bìa cứng, ta đánh dấu điểm A trên đường tròn.
- Đặt điểm A trùng với vạch số 0 trên thước.
- Lăn hình tròn một vòng trên thước cho đến khi điểm A nằm trên thước, ta đánh dấu đó là điểm B.

Học sinh thực hiện các thao tác sau:

Cách 1: Dùng hình tròn có đường kính 10 cm lăn theo hướng dẫn trên và thấy điểm B nằm giữa hai vạch 31,4 và 31,5 cm.

Vậy chu vi hình tròn đường kính 10 cm khoảng 31,4 cm.

$$31,4 : 10 = 3,14.$$

Cách 2: Dùng hình tròn có đường kính 20 cm lăn theo hướng dẫn trên và thấy điểm B nằm giữa hai vạch 62,8 và 62,9 cm.

Vậy chu vi hình tròn đường kính 20 cm khoảng 62,8 cm.

$$62,8 : 20 = 3,14.$$



Bạn có nhận xét gì khi chia chu vi hình tròn cho đường kính của nó?

Người ta thường tính chu vi hình tròn bằng cách lấy độ dài đường kính của nó nhân với 3,14.

Muốn tính chu vi hình tròn ta lấy độ dài đường kính nhân với 3,14.

$$C = d \times 3,14$$

Trong đó, C là chu vi, d là đường kính của hình tròn.

1. Tính chu vi hình tròn, biết:

- a) Độ dài đường kính bằng 8 cm.
- b) Độ dài đường kính bằng 1,2 dm.
- c) Độ dài bán kính bằng 0,75 m.

2. Một bánh xe lăn một vòng được quãng đường dài 3,14 m. Hỏi bán kính của bánh xe đó bằng bao nhiêu đề-xi-mét?



3. Một bánh xe đạp có đường kính 60 cm. Tính quãng đường xe đi được khi bánh xe đó lăn được 1 000 vòng.



78. LUYỆN TẬP



1. a) Tính chu vi hình tròn có đường kính bằng 12 dm.

b) Hình tròn có bán kính bằng 2,5 m. Hỏi chu vi hình tròn bằng bao nhiêu mét?

2. Chọn đáp án đúng:

Một vườn hoa có dạng hình bán nguyệt (một nửa hình tròn) như hình dưới đây:

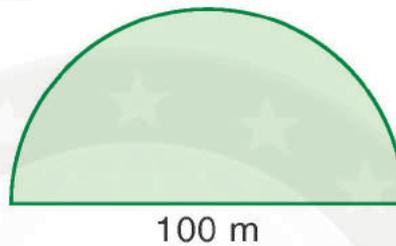
Chu vi của vườn hoa đó là:

A. 314 m

B. 157 m

C. 257 m

D. 414 m.



3. Anh Nam đi hai vòng quanh hồ sen có dạng hình tròn đường kính 1 km. Hỏi anh Nam đã đi quãng đường dài bao nhiêu mét?



4. Số ?

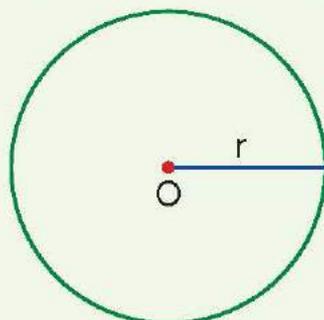
Một chiếc xe xích lô có đường kính bánh sau dài gấp đôi đường kính bánh trước. Khi bánh sau lăn được 1 000 vòng thì bánh trước lăn được

? vòng.

79. DIỆN TÍCH HÌNH TRÒN

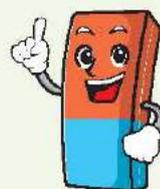


Ta đã biết tính diện tích hình chữ nhật, diện tích hình tam giác.



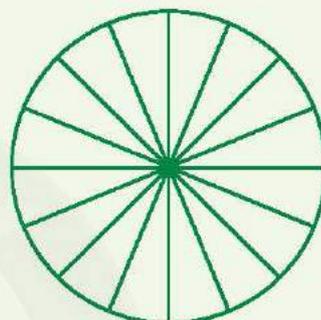
$S = ?$

Thế tính diện tích hình tròn thế nào nhỉ?



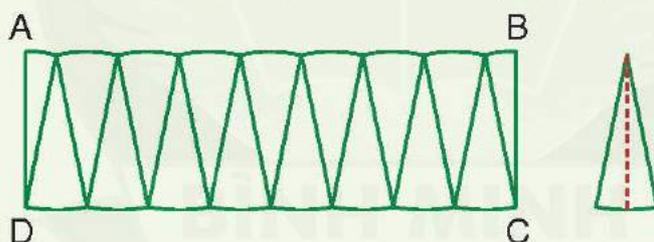
Ví dụ: Cho hình tròn tâm O, bán kính r.
Tìm diện tích của hình tròn đó.

Cắt mảnh bìa hình tròn tâm O, bán kính r thành 16 mảnh bằng nhau như hình bên.



Học sinh thực hiện các thao tác sau:

Cách 1: Cắt 1 mảnh thành 2 phần bằng nhau rồi ghép 17 mảnh thành một hình giống với hình chữ nhật ABCD có chiều rộng bằng r và chiều dài bằng nửa chu vi hình tròn ($= r \times 3,14$) như hình bên:

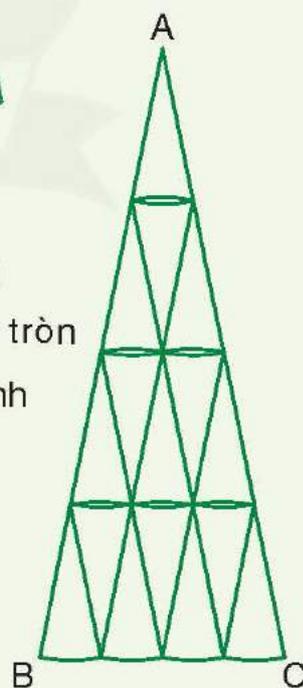


Diện tích hình ABCD gần bằng: $r \times r \times 3,14$.

Cách 2: Ghép 16 mảnh thành một hình giống với hình tam giác ABC, có đáy bằng $\frac{1}{4}$ chu vi hình tròn ($= \frac{1}{2} \times r \times 3,14$) và chiều cao bằng 4 lần bán kính hình tròn ($= r \times 4$) như hình bên.

Diện tích hình ABC gần bằng:

$$\frac{1}{2} \times \frac{1}{2} \times r \times 3,14 \times 4 \times r = r \times r \times 3,14.$$



Người ta thường tính diện tích hình tròn bán kính r bằng cách lấy bán kính nhân bán kính rồi nhân với 3,14.

Muốn tính diện tích hình tròn ta lấy bán kính nhân với bán kính rồi nhân với 3,14.

$$S = r \times r \times 3,14$$

Trong đó, S là diện tích, r là bán kính của hình tròn.

 **1.** Tính diện tích hình tròn, biết:



a) Bán kính $r = 8$ cm



b) Đường kính $d = 40$ dm

2. **Số ?**

Một hồ nước dạng hình tròn có đường kính bằng 100 m.

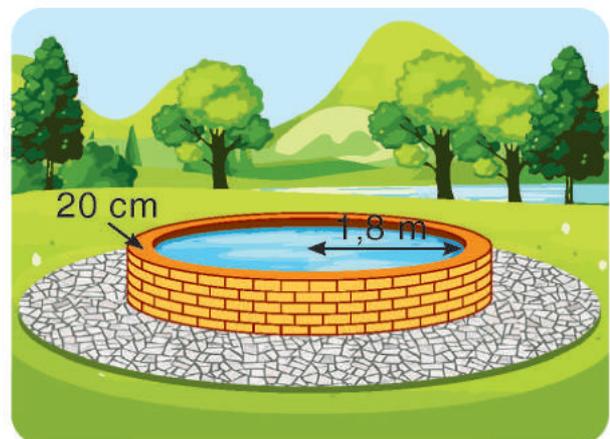
a) Chu vi của hồ nước đó là m.

b) Diện tích của hồ nước đó là m².

 **3.** **Số ?**

Một cái giếng làng dạng hình tròn có bán kính trong lòng giếng bằng 1,8 m. Xung quanh giếng người ta xây thành giếng như hình bên.

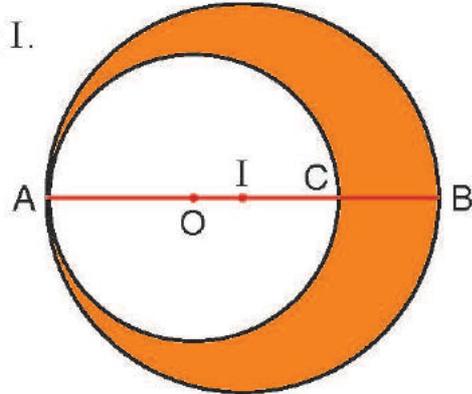
Diện tích mặt thành giếng là m².



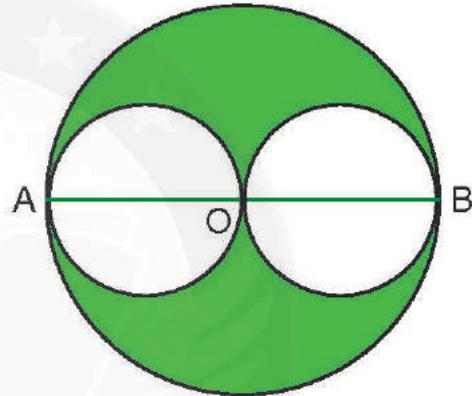
80. LUYỆN TẬP

1. Số ?

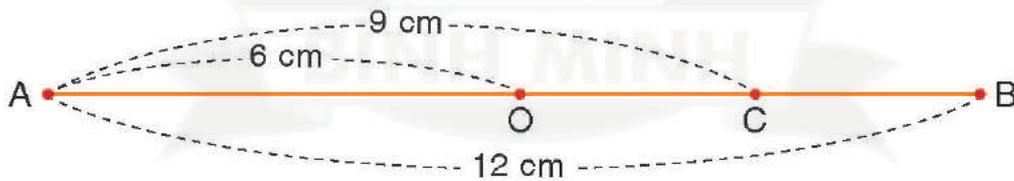
Cho hình tròn tâm O và hình tròn tâm I.
 Biết rằng $AB = 16$ cm; $AC = 12$ cm.
 Diện tích phần tô màu bằng cm^2 .



2. Cho hình tròn tâm O, đường kính $AB = 40$ cm. Tính diện tích phần tô màu xanh.

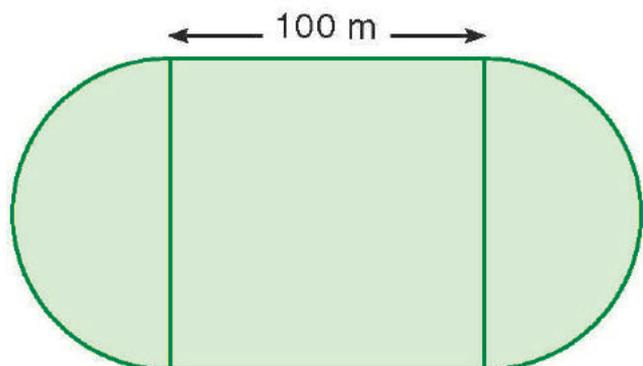


3. Cho đoạn thẳng $AB = 12$ cm. Trên đoạn thẳng AB, lấy điểm O và điểm C, sao cho $AO = 6$ cm và $AC = 9$ cm.



- a) Vẽ đường tròn tâm O, bán kính 6 cm.
- b) Vẽ đường tròn tâm C, bán kính 3 cm.

4. Một hồ nước được tạo thành từ một hình vuông có cạnh 100 m và hai nửa hình tròn như hình bên. Tính diện tích hồ nước đó.



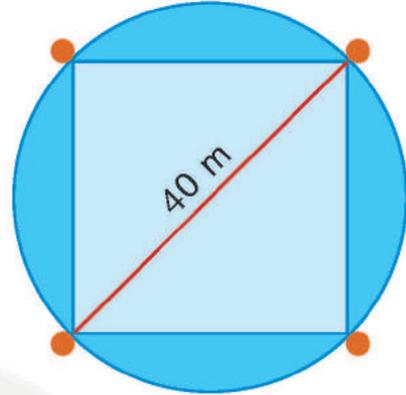
81. LUYỆN TẬP CHUNG

- 1.** Một hình tròn có đường kính bằng 20 cm. Tính chu vi và diện tích của hình tròn đó.

2. Số ?

Tại bốn góc một cái ao dạng hình vuông có 4 cái cây. Người ta mở rộng ao hình vuông đó để được ao hình tròn nhưng vẫn giữ nguyên 4 cái cây đó như hình vẽ. Biết rằng đường chéo của ao hình vuông bằng 40 m.

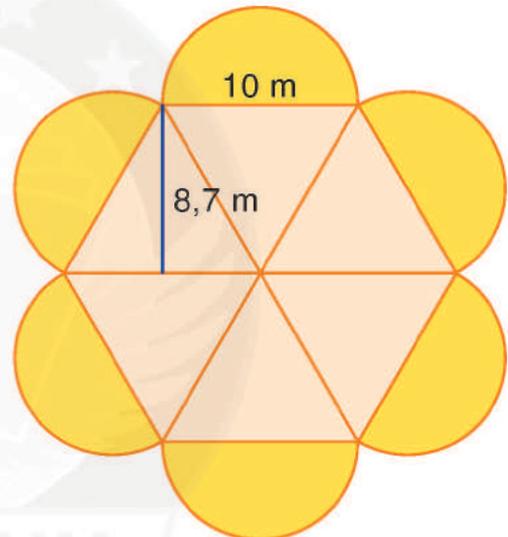
Diện tích phần ao tăng thêm là m².



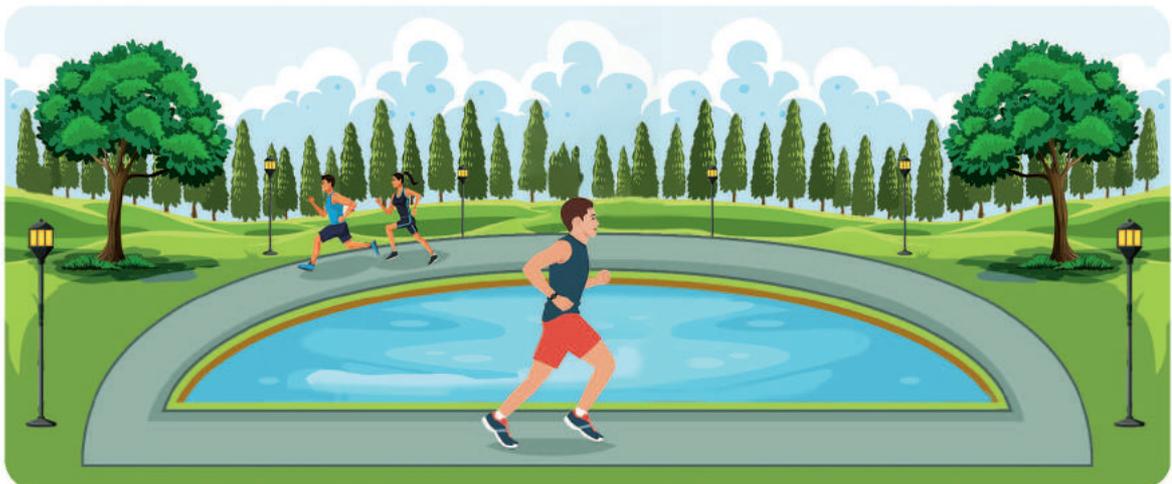
3. Số ?

Một vườn hoa được tạo thành từ 6 nửa hình tròn đều có đường kính 10 m và 6 hình tam giác đều có đáy bằng 10 m, chiều cao 8,7 m như hình vẽ.

Diện tích vườn hoa là m².



- 4.** Mỗi buổi sáng, chú Tư chạy 10 vòng quanh một cái hồ dạng hình bán nguyệt có đường kính 100 m. Tính chiều dài quãng đường chú Tư đã chạy.

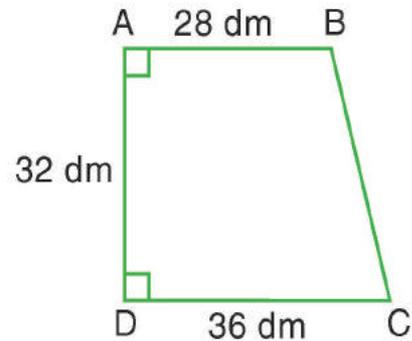


82. ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 4

- 1.** Cho hình tam giác ABC có góc A là góc vuông, cạnh $AB = 42,5$ cm; $AC = 8,6$ cm. Tìm diện tích tam giác đó.

2. Số ?

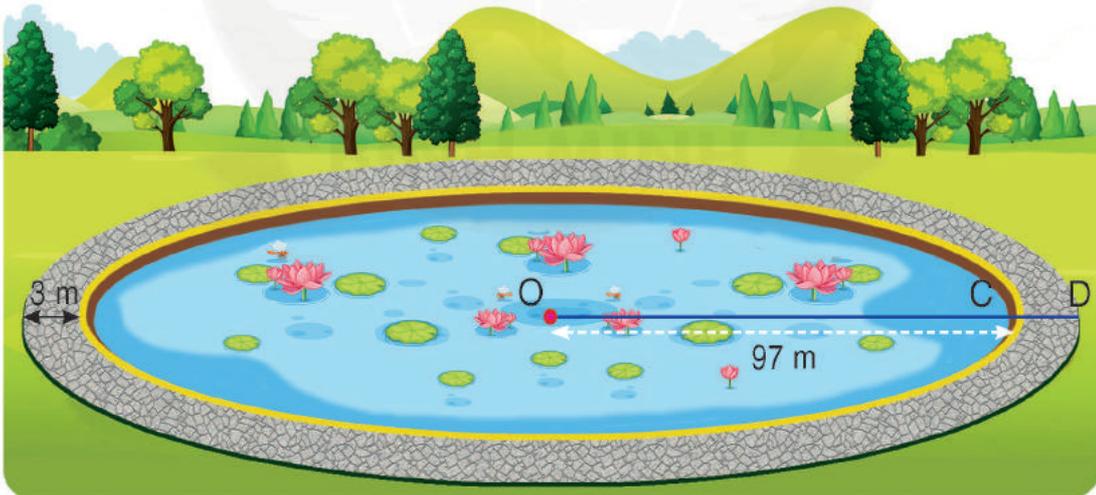
Diện tích hình thang ABCD trong hình bên là ? m^2 .



- 3.** Vẽ đoạn thẳng $AB = 8$ cm. Gọi O là trung điểm của đoạn thẳng AB.
- Vẽ đường tròn tâm A, bán kính 2 cm.
 - Vẽ đường tròn tâm O, bán kính 4 cm.
 - Tô màu trang trí hình vừa vẽ.

4. Số ?

Xung quanh một hồ thả sen dạng hình tròn, người ta làm một lối đi dạo như hình dưới.



Diện tích lối đi dạo là ? m^2 .

- 5.** Một khu đất dạng hình thang vuông có đáy lớn 65 m, đáy nhỏ 45 m. Nếu mở rộng thành khu đất hình chữ nhật nhưng vẫn giữ nguyên đáy lớn và chiều cao thì diện tích khu đất sẽ tăng thêm $1000 m^2$. Tính diện tích khu đất khi chưa mở rộng.

83. ÔN TẬP VỀ PHÂN SỐ

 **1.** $\langle, \rangle, =$?



a) $\frac{7}{10} \boxed{?} \frac{3}{5}$



b) $\frac{8}{7} \boxed{?} \frac{4}{3}$



c) $\frac{12}{8} \boxed{?} \frac{9}{6}$

2. Tính:



a) $\frac{3}{4} + \frac{2}{9}$



b) $\frac{11}{5} - \frac{3}{2}$



c) $\frac{1}{3} + \frac{4}{5} - \frac{6}{7}$

3. Tính giá trị biểu thức:



a) $\frac{8}{11} + \frac{5}{6} \times \frac{3}{10}$



b) $\frac{15}{8} - \frac{6}{9} : \frac{7}{18}$

4. a) Viết các phân số thập phân sau thành hỗn số: $\frac{32}{10}$; $\frac{409}{100}$; $\frac{1237}{1000}$.

b) Viết các hỗn số sau thành phân số thập phân: $5\frac{6}{10}$; $7\frac{94}{100}$.

 **5.** Trong kho của nhà máy sản xuất hàng điện tử có $\frac{1}{3}$ số sản phẩm là rô-bốt lau nhà, $\frac{2}{5}$ số sản phẩm là rô-bốt bán hàng. Số sản phẩm còn lại là rô-bốt chuyển hàng.

a) Số sản phẩm rô-bốt chuyển hàng bằng bao nhiêu phần số sản phẩm trong kho hàng?

b) Số sản phẩm rô-bốt loại nào nhiều nhất?

84. ÔN TẬP VỀ SỐ THẬP PHÂN

1. Hoàn thành bảng sau:

Đọc số	Viết số
?	7,83
Không phải chín mươi hai	?
?	204,356
Chín phải không không năm	?

2. Viết các phân số thập phân sau đây dưới dạng số thập phân:

a) $\frac{3}{10}$



b) $\frac{2\,543}{100}$



c) $\frac{61}{100}$



d) $\frac{1\,678}{1\,000}$



3. a) Mỗi chữ số trong số thập phân 41,908 thuộc hàng nào?

b) – Viết số gồm: tám đơn vị, năm phần mười, ba phần trăm.

– Viết số gồm: sáu mươi tám đơn vị, bốn phần trăm, hai phần nghìn.

4. Tìm số thập phân thích hợp thay cho $\boxed{?}$:

a) $3\text{ km } 250\text{ m} = \boxed{?}\text{ km}$

b) $2\,054\text{ ml} = \boxed{?}\text{ l}$

c) $4\text{ tấn } 60\text{ kg} = \boxed{?}\text{ tấn}$

d) $725\text{ dm}^2 = \boxed{?}\text{ m}^2$

5. Vườn thú nuôi 4 con sư tử. Trung bình mỗi ngày một con sư tử ăn hết 9 kg thịt. Hỏi 4 con sư tử đó ăn trong 30 ngày thì hết bao nhiêu tấn thịt?



85. ÔN TẬP VỀ SO SÁNH SỐ THẬP PHÂN

1. $<, >, =$?

a) $78,29$ $78,3$

b) $6,94$ tấn $6,938$ tấn

c) $80,5$ l $79,5$ l

d) $124,6$ m² $124,600$ m²

2. a) Tìm số bé nhất trong các số sau:

$27,95$; $28,3$; $27,8$; $28,024$

b) Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé:

$0,6$; $0,564$; $0,65$; $0,569$

3. **Số** ?

a) Làm tròn số $301,28$:

– Đến số tự nhiên gần nhất ta được số .

– Đến hàng phần mười ta được số .

b) Làm tròn số $0,7365$:

– Đến hàng phần mười ta được số .

– Đến hàng phần trăm ta được số .



4. Tìm chữ số thích hợp thay cho .

a) $7,4$ $8 < 7,413$

b) $53,$ $19 > 53,869$

5. Dựa vào bảng số liệu dưới đây, trả lời các câu hỏi sau:

ĐỘ CAO CỦA BỐN NGỌN NÚI Ở VIỆT NAM

Tên	Độ cao (m)
Tây Côn Lĩnh	2 428
Tam Đảo	1 597
Phan-xi-păng	3 143
Bạch Mã	1 444

a) Nêu tên các ngọn núi theo thứ tự độ cao tăng dần?

b) Trong bốn ngọn núi trên, ngọn núi cao nhất cao hơn ngọn núi thấp nhất bao nhiêu ki-lô-mét?

(Nguồn: Viетtrekking.vn)

86. ÔN TẬP VỀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ THẬP PHẦN



1. Đặt tính rồi tính:

a) $247,19 + 403,6$

b) $700,4 - 355,16$

c) $52,4 + 7,36$

2. Tìm số thập phân thích hợp thay cho \square :

a) $\square + 8,34 = 16,07$

b) $21,9 - \square = 6,45$

c) $\square - 9,746 = 10,25$

3. $\square - \square$?

a) Giá trị của biểu thức $28,74 + 4,89 + 7,26$ là:

$40,79 \square$

$40,89 \square$

b) Giá trị của biểu thức $65,58 - 32,54 - 17,46$ là:

$16,58 \square$

$15,58 \square$

4. $\square <, >, =$?

a) $27,84 + 3,56 \square 30,40$

b) $95,78 - 45,08 \square 50,80$

c) $23,59 - 12,5 \square 10,06 + 1,03$



5. Đội công nhân làm đoạn đường dài 12 km. Ngày thứ nhất làm được 4,25 km, ngày thứ hai làm được ít hơn ngày thứ nhất 0,5 km. Hỏi đội công nhân còn phải làm bao nhiêu ki-lô-mét đường để hoàn thành công việc?



87. ÔN TẬP VỀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ THẬP PHẦN (tiếp theo)

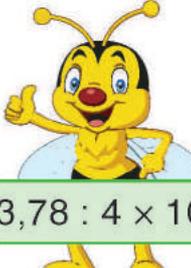
 1. Đặt tính rồi tính:

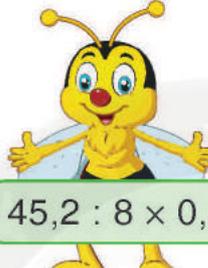
a) $2,48 \times 0,35$

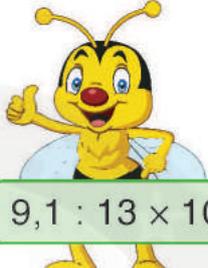
b) $0,96 : 0,64$

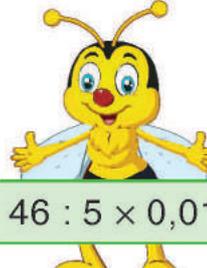
c) $0,24 \times 4,7$

2. Chọn giá trị đúng cho mỗi biểu thức:

 $3,78 : 4 \times 100$

 $45,2 : 8 \times 0,1$

 $9,1 : 13 \times 10$

 $46 : 5 \times 0,01$

 0,565

 0,092

 94,5

 7

3. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $24,7 \times 0,4 \times 2,5$

b) $1,25 \times 49,3 \times 8$

c) $0,4 \times 38,46 + 1,6 \times 38,46$

4. $<, >, =$?

a) $1,35 \times 0,4$ 0,42

b) $36,79 : 0,13$ 3,06

c) $12,456 \times 0,25$ $46,71 : 1,5$

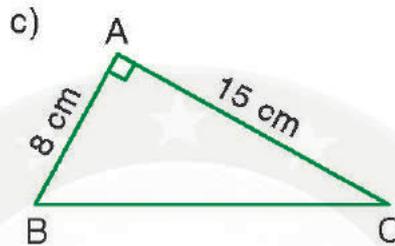
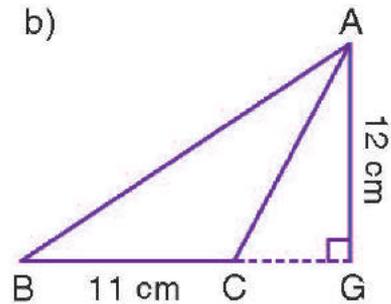
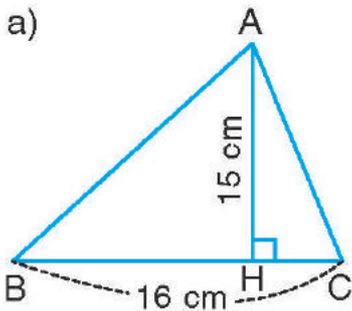


 5. Biết rằng 5,5 l dầu hoả cân nặng 4,18 kg. Hỏi 100 l dầu hoả cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

88. ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC



1. Tính diện tích hình tam giác ABC trong mỗi hình dưới đây:



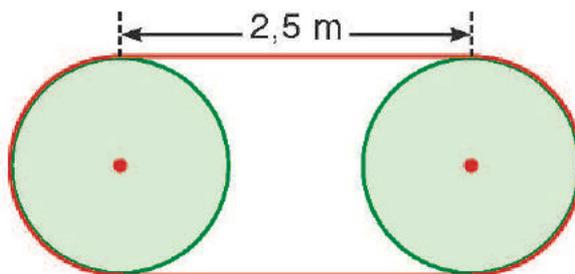
2. Quan sát hình bên rồi tìm số đo thích hợp thay cho $\boxed{?}$:



Diện tích phần trồng hoa hồng bằng $\boxed{?}$ m².

3. $\boxed{\text{Số ?}}$

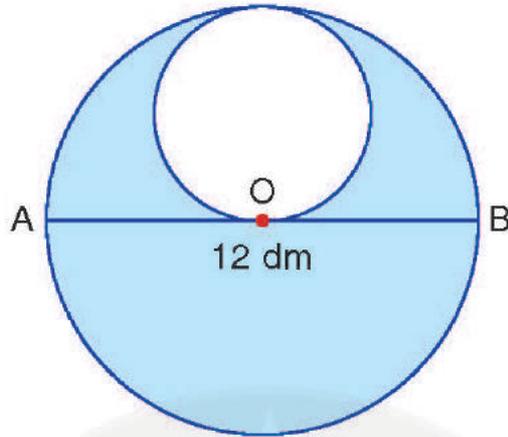
Một sợi dây cưa-roa nối hai bánh xe hình tròn có bán kính 0,35 m (như hình dưới).



Chiều dài sợi dây cưa-roa đó là $\boxed{?}$ m.

4. **Số** ?

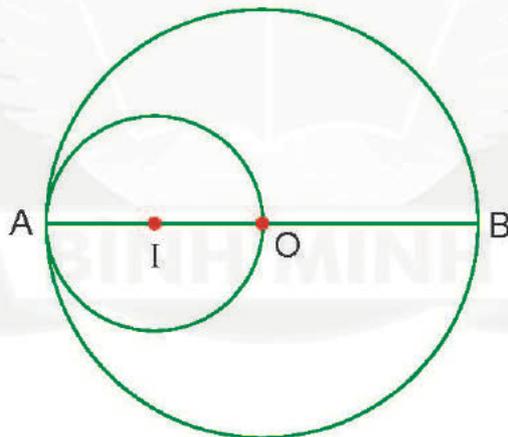
Cho hình tròn tâm O, đường kính AB = 12 dm.



Diện tích phần tô màu xanh trong hình trên là m².

5. **Số** ?

Cho I là trung điểm của đoạn thẳng AO, O là trung điểm của đoạn thẳng AB và các đường tròn tâm I, tâm O như hình dưới. Biết AI = 10 cm.



- a) Bán kính hình tròn tâm O gấp lần bán kính hình tròn tâm I.
- b) Chu vi hình tròn tâm O gấp lần chu vi hình tròn tâm I.
- c) Diện tích hình tròn tâm O gấp lần diện tích hình tròn tâm I.

BẢNG TRA CỨU TỪ NGỮ

Thuật ngữ	Trang
Chu vi hình tròn	100
Diện tích hình tam giác	87
Diện tích hình thang	92
Diện tích hình tròn	103
Đường cao hình tam giác	83
Đường tròn	96
Hàng của số thập phân	36
Hình thang	90
Làm tròn số thập phân	50
Phân số thập phân	14
Phép chia số thập phân	68
Phép cộng số thập phân	54
Phép nhân số thập phân	61
Phép trừ số thập phân	58
Số thập phân	31
Tam giác vuông. Tam giác tù. Tam giác nhọn. Tam giác đều	81
Tỉ số	22
Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó	26
Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó	23

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC VINH
Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, TP. Vinh, Nghệ An
Điện thoại: 0238.3551345 (Máy lẻ 312) - Fax: 0238.3855269
Email: nxbdhv@vinhuni.edu.vn

Chịu trách nhiệm nội dung và xuất bản:

Giám đốc kiêm Tổng biên tập
PGS.TS. NGUYỄN HỒNG QUẢNG

Biên tập:

DƯƠNG XUÂN GIÁP

Trình bày bìa và thiết kế sách:

QUANG MINH

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm bản quyền nội dung:

CÔNG TY TNHH SÁCH THẠCH THẢO - ABA

Địa chỉ: Số 15, Biệt thự 1, Phố Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hoàng Liệt,
Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội. Điện thoại: 091.334.6708 - 091.200.4444

Trong sách có sử dụng tư liệu, hình ảnh của một số tác giả.

Xin trân trọng cảm ơn!

TOÁN 5 - TẬP MỘT

Mã số ISBN: 978-604-923-806-2

In 22.000 bản, khổ 19 x 26,5 cm, tại Công ty cổ phần in Phúc Yên

Địa chỉ: Đường Trần Phú, Phường Trưng Nhị, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Số ĐKXB: 971-2024/CXBIPH/9-07/ĐHV

Quyết định xuất bản số: 23-2024/QĐXB-NXB ngày 08/4/2024

In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2024